

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC KHUYẾN NÔNG VÀ KHUYẾN LÂM
DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TƯ VẤN CẤP BỘ (MRDP)**

**PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN
CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA (PRA)
TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM**

**NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 1998**

Ban biên tập:

Lê Hưng Quốc (Trưởng ban)

Đỗ Văn Nhuận

Chu Thị Hảo

Phạm Đức Tuấn

Nguyễn Văn Nghiêm

Tham gia biên soạn:

Bùi Đình Toái

Nguyễn Bá Ngã

Nguyễn Hữu Hồng

Nguyễn Viết Khoa

Phan Thanh Ngộ

Lê thị Hiệp

Hán Văn Khoát

Ảnh:

Bùi Đình Toái

Bardolf Paul

Nguyễn Bá Ngã

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	6
CHƯƠNG I - KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN.....	7
1. Vai trò của khuyến nông khuyến lâm trong phát triển nông nghiệp và nông thôn ..	7
1.1. Tại sao cần phải khuyến nông khuyến lâm	7
1.2. Quan hệ khuyến nông khuyến lâm với nông nghiệp và phát triển nông thôn như thế nào?	7
1.3. Sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với công tác khuyến nông khuyến lâm.....	9
2. Thế nào là khuyến nông khuyến lâm có sự tham gia của người dân	9
2.1. Các cách tiếp cận chủ yếu trong khuyến nông khuyến lâm	9
2.2. Hệ thống khuyến nông khuyến lâm có người dân tham gia	12
2.3. Nông dân tham gia như thế nào trong các hoạt động khuyến nông khuyến lâm	13
CHƯƠNG 2 - PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA (PRA)	17
1. Khái niệm về PRA	17
1.1. PRA là gì?	17
1.2. Khi nào cần thực hiện PRA?	17
1.3. PRA có thể được áp dụng vào lĩnh vực nào?.....	18
1.4. PRA có những ưu điểm nào?.....	18
2. Tóm tắt lịch sử phát triển PRA và thực tế áp dụng ở Việt Nam	18
2.1. Tóm tắt lịch sử phát triển PRA trên thế giới.....	18
2.2. Thực tế áp dụng PRA ở Việt Nam.....	19
3. Bộ công cụ của PRA, một số nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản khi sử dụng công cụ của PRA	20
3.1. Bộ công cụ của PRA là gì?.....	20
3.2. Một số chỉ dẫn khi sử dụng công cụ PRA	20
3.3. Một số kỹ thuật cơ bản khi sử dụng công cụ PRA	21

4. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng một số công cụ chủ yếu của PRA trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm27

Công cụ 1: Lược sử thôn, bản.....	27
Công cụ 2: Xây dựng sa bàn của thôn, bản	29
Công cụ 3: Vẽ sơ đồ thôn, bản	30
Công cụ 4: Xây dựng biểu đồ hướng thời gian.....	32
Công cụ 5: Điều tra theo tuyến và xây dựng sơ đồ mặt cắt.....	37
Công cụ 6: Phân tích lịch mùa vụ.....	40
Công cụ 7: Phân loại hộ gia đình (HGĐ)	42
Công cụ 8: Phân tích kinh tế hộ gia đình.....	50
Công cụ 9: Phân loại, xếp hạng cho điểm	55
Công cụ 10: Phân tích tổ chức và xây dựng sơ đồ quan hệ của các tổ chức (sơ đồ VENN) với cộng đồng thôn bản	59

5. Phân tích, tổng hợp kết quả PRA và viết báo cáo.....64

5.1. Kết quả PRA.....	64
5.2. Phương pháp phân tích và tổng hợp kết quả PRA	66
5.3. Viết báo cáo kết quả PRA	67

CHƯƠNG 3 - SỬ DỤNG PRA TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG VÀ KHUYẾN LÂM72

A. Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp có người dân tham gia72

1. Sự tham gia trong quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp	72
2. Các hình thức của sự tham gia.....	72
3. Những yếu tố cần biết trước khi tiến hành các biện pháp kỹ thuật nhằm lôi cuốn sự tham gia	73
4. Một vài đề xuất nhằm nâng cao sự cùng tham gia của người dân.....	73
5. Những công cụ PRA cần được sử dụng trong hoạt động QHSDĐ Và GĐLN	74
6. Các bước công việc chính trong quá trình qui hoạch sử dụng đất với sự tham gia và một số biện pháp nhằm tăng cường sự tham gia của người dân	79
7. Một số lưu ý khi tiến hành QHSDĐ và GĐLN có sự tham gia	82

B. Xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông & khuyến lâm thôn, bản có người dân tham gia (PVEP)83

1. Mục đích, yêu cầu	83
----------------------------	----

2. Các bước tiến hành trong quá trình lập kế hoạch khuyến nông, khuyến lâm thôn bản bằng phương pháp PRA.....	83
C. Nghiên cứu ứng dụng có sự tham gia của người dân	94
I. Một số vấn đề tồn tại trong quan hệ giữa nghiên cứu ứng dụng và sản xuất	94
II. Sử dụng PRA trong nghiên cứu ứng dụng nông lâm nghiệp.....	95
D. Sử dụng PRA trong việc đánh giá nhu cầu tín dụng và xây dựng khả năng sử dụng vốn có hiệu quả ở cộng đồng thôn bản.....	101
Đặt vấn đề.....	101
Sử dụng PRA đánh giá thực trạng và nhu cầu tín dụng ở thôn bản.....	102
E. Sử dụng PRA trong đào tạo và chuyển giao kiến thức cho người nông dân.....	110
1. Những điểm cần lưu ý trong đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân.....	110
2. Xác định nhu cầu đào tạo và chuyển giao kiến thức của nông dân	111
3. Xác định nội dung đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo	113
4. Phương pháp đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân	114
CHƯƠNG 4 - MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN CÓ TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH PRA VÀ TRONG LẬP KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM.....	119
1. Một số kỹ năng trong quá trình tiến hành PRA	119
1.1. Kỹ năng trong giao tiếp.....	119
1.2. Kỹ năng trong quá trình thu thập và xử lý thông tin	120
1.3. Kiểm tra thông tin	122
1.4. Kỹ năng tổ chức cuộc họp nhóm.....	122
2. Một số kỹ năng trong lập kế hoạch khuyến nông khuyến lâm thôn bản	123
2.1. Các kỹ năng	123
2.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch khuyến nông khuyến lâm thôn bản.....	127

LỜI GIỚI THIỆU

Từ khi Nghị định 13 / CP của Chính phủ qui định về công tác khuyến nông được ban hành, các hoạt động khuyến nông khuyến lâm ngày càng góp phần vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn ở nước ta. Công tác khuyến nông khuyến lâm ngày càng được chú ý hoàn thiện cả về nội dung và phương pháp. Một phương pháp khuyến nông đang được thử nghiệm và ứng dụng ở một số địa phương là phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA). Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam-Thụy Điển thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã sử dụng phương pháp PRA trong các hoạt động lập kế hoạch phát triển thôn bản, hoạt động phổ cập và nghiên cứu ứng dụng, hoạt động tín dụng nông thôn, hoạt động giao đất,... từ những năm 1993 đến nay và đã thu được một số kết quả nhất định. Những kinh nghiệm có được từ các hoạt động phổ cập của Chương trình cần được phổ biến rộng rãi để các địa phương và đơn vị khác học tập.

Cục khuyến nông và khuyến lâm đã phối hợp với Dự án tăng cường khả năng tư vấn cấp Bộ cho xuất bản cuốn sách "Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm" nhằm giới thiệu với các Trung tâm khuyến nông, các đơn vị và cá nhân làm khuyến nông khuyến lâm về một số ứng dụng của phương pháp PRA trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm. Cuốn sách này được nhiều cán bộ hiện trường có kinh nghiệm của Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam-Thụy Điển và các chuyên gia của Cục khuyến nông và khuyến lâm tham gia biên soạn và biên tập. Tuy nhiên cuốn sách không phải là một cẩm nang bắt buộc thực hiện các bước công việc một cách cứng nhắc mà chỉ nêu các kinh nghiệm đã có được thực hiện ở vùng dự án 5 tỉnh miền núi phía Bắc. Khi ứng dụng cần vận dụng linh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội cụ thể ở từng địa phương.

Cục khuyến nông và khuyến lâm xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc cả nước và mong rằng đây là một tài liệu giúp được cho những người đang hoạt động trong lĩnh vực khuyến nông khuyến lâm một phương pháp hoạt động mới. Cuốn sách được xuất bản lần đầu không thể tránh được những thiếu sót, mong bạn đọc góp ý kiến sửa chữa để lần xuất bản sau hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi trực tiếp về Cục khuyến nông và khuyến lâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 2 Ngọc Hà - Hà Nội.

Cục trưởng Cục khuyến nông và khuyến lâm

PTS. Lê Hưng Quốc

CHƯƠNG I

KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN

1. VAI TRÒ CỦA KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

1.1. Tại sao cần phải khuyến nông khuyến lâm

Khuyến nông khuyến lâm được hình thành và phát triển gắn liền với phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nhằm mục đích xã hội hoá nền sản xuất nông lâm. Vì vậy mọi quốc gia đều có các chương trình, hoạt động khuyến nông khuyến lâm. Khuyến nông khuyến lâm thực chất là mọi cố gắng của Chính phủ, cộng đồng, nông dân trong việc khuyến khích, mở rộng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Ở nước ta, 80% dân số sống ở các vùng nông thôn với 70% lao động xã hội để sản xuất ra những nông sản thiết yếu cung cấp cho toàn bộ xã hội như lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và dịch vụ... chiếm 37% giá trị sản phẩm xã hội. Vai trò của nông thôn và nông nghiệp rất to lớn trong quá trình xây dựng lại đất nước. Nhưng ở nhiều vùng nông thôn, mức sống và trình độ dân trí còn rất thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ sản xuất còn lạc hậu. Đây là những thách thức lớn trong phát triển nông nghiệp và nông thôn. Khuyến nông khuyến lâm được coi là một trong những con đường để góp phần giải quyết những thách thức đó.

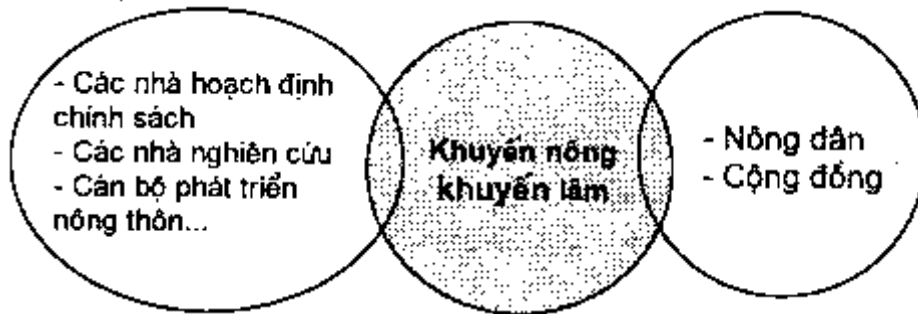
Nông dân luôn gắn liền với nông nghiệp, là bộ phận cốt lõi của nông thôn và cũng là chủ thể trong quá trình phát triển nông thôn. Nhưng trong mối quan hệ với bên ngoài cộng đồng như các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ chuyên môn, các cán bộ phát triển nông thôn, cán bộ khuyến nông khuyến lâm... họ bị những hàng rào về kiến thức, phong tục, giới tính, ngôn ngữ, thể chế chính sách... ngăn cách. Khuyến nông khuyến lâm là bắc nhịp cầu vượt qua các hàng rào ngăn cách đó để nông dân và những người bên ngoài cộng đồng có cơ hội học hỏi, chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm để cùng phát triển sản xuất và phát triển kinh tế xã hội nông thôn. Khuyến nông khuyến lâm còn tạo ra cơ hội cho nông dân trong cộng đồng cùng chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, truyền bá kiến thức và giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau và phát triển cộng đồng của họ.

Công tác khuyến nông khuyến lâm ngày càng trở nên không thể thiếu được ở mỗi địa phương, mỗi làng bản và đối với từng hộ nông dân. Vì vậy khuyến nông khuyến lâm cần phải được tăng cường củng cố và phát triển.

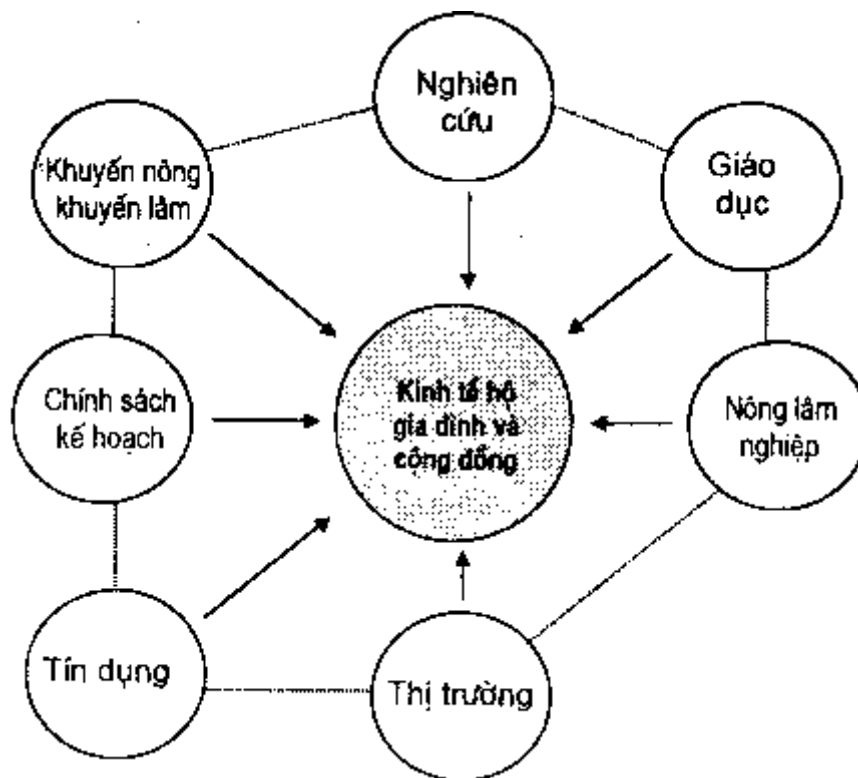
1.2. Quan hệ khuyến nông khuyến lâm với nông nghiệp và phát triển nông thôn như thế nào?

Các sơ đồ sau mô tả vị trí và mối quan hệ giữa khuyến nông khuyến lâm với các lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Sơ đồ 1.1. Khuyến nông khuyến lâm như là nhịp cầu nối giữa nông dân với những người bên ngoài cộng đồng



Sơ đồ 1.2. Khuyến nông khuyến lâm như là mắt xích trong dây chuyền của hệ thống phát triển nông thôn



(Sơ đồ 1 và 2: Mô phỏng theo Chanoch Jacobsen, 1996)

Như vậy giữa khuyến nông khuyến lâm với phát triển nông nghiệp và nông thôn có mối quan hệ chặt chẽ. Trong mối quan hệ này khuyến nông khuyến lâm được coi như là phương pháp tiếp cận phát triển nông thôn và cũng là một công cụ, phương tiện hữu hiệu để phát triển nông

ngiệp. Để khuyến nông khuyến lâm thực sự trở thành cầu nối vững chắc, một công cụ phát triển và phương pháp tiếp cận thì các phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia cũng giữ một vai trò hết sức quan trọng trong khuyến nông khuyến lâm.

1.3. Sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với công tác khuyến nông khuyến lâm

Trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đặc biệt chú trọng đến công tác khuyến nông khuyến lâm, đã phản ánh rõ vai trò và tầm quan trọng của khuyến nông khuyến lâm trong phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 2/3/1993 Chính phủ ban hành Nghị định số 13/CP về "Quy định công tác khuyến nông" và Thông tư liên bộ 03/LBTT ra ngày 2/8/1993, trong đó quy định rõ về việc xây dựng hệ thống khuyến nông khuyến lâm từ trung ương đến địa phương, khuyến khích thành lập các tổ chức khuyến nông khuyến lâm tự nguyện, quy định rõ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động, khuyến khích các nguồn vốn hỗ trợ và quy định rõ chế độ chính sách đối với người làm công tác khuyến nông khuyến lâm.

Năm 1995 thành lập Cục khuyến nông khuyến lâm thuộc bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ quản lý nhà nước về trồng trọt (trừ trồng rừng), chăn nuôi và chỉ đạo thực hiện công tác khuyến nông khuyến lâm trên toàn quốc. Đến nay tất cả các tỉnh thành trong cả nước đã thành lập các Trung tâm khuyến nông khuyến lâm và hơn 70% số huyện trong cả nước thành lập Trạm khuyến nông khuyến lâm. Các tổ chức khuyến lâm cấp cơ sở (xã, thôn, bản) được khuyến khích thành lập ở nhiều nơi với nhiều hình thức khác nhau. Tổng số cán bộ khuyến nông khuyến lâm chuyên trách từ cấp trung ương đến huyện gần 3000 người. Nhiều hình thức khuyến nông khuyến lâm đang được thử nghiệm ở nhiều nơi do các tổ chức quốc tế, phi chính phủ thực hiện. Các hoạt động khuyến nông khuyến lâm đã và đang đem lại nhiều kết quả.

Tháng 11 năm 1997, hội thảo quốc gia về khuyến nông khuyến lâm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức với sự phối hợp trợ giúp của Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam - Thụy Điển nhằm tổng kết hệ thống tổ chức khuyến nông khuyến lâm, phương pháp và nội dung của hoạt động khuyến nông khuyến lâm và đề xuất chính sách cho phát triển khuyến nông khuyến lâm ở nước ta.

Nhìn chung khuyến nông khuyến lâm đã gặt hái được nhiều thành công song cũng đang gặp nhiều thách thức mới đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề lý luận, phương pháp tiếp cận và thực tiễn.

2. THẾ NÀO LÀ KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

2.1. Các cách tiếp cận chủ yếu trong khuyến nông khuyến lâm

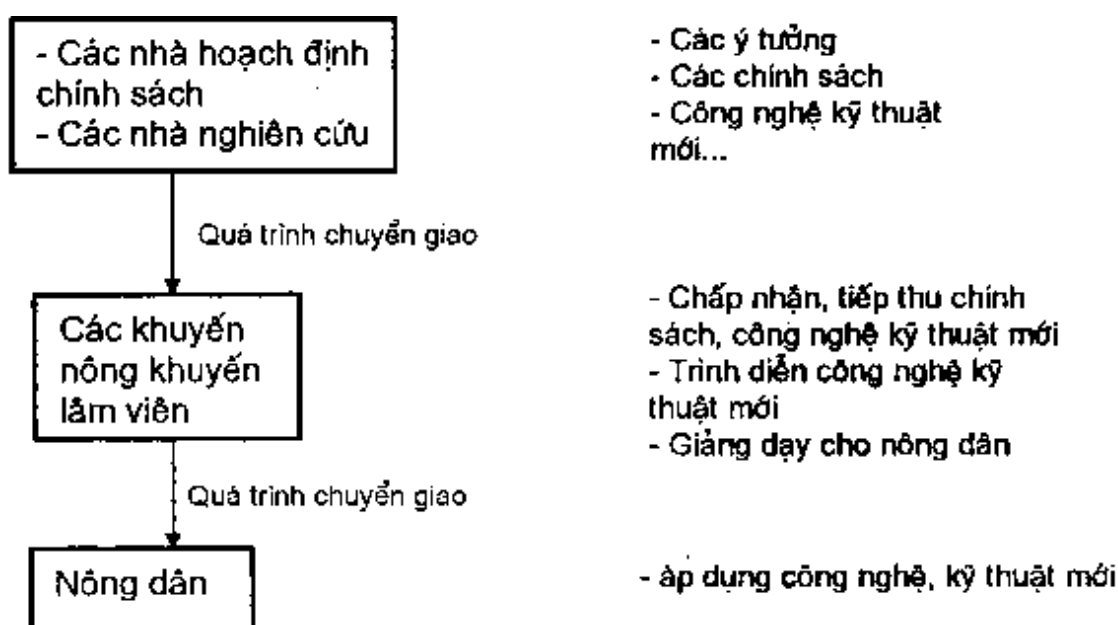
Người ta thường cho rằng khuyến nông khuyến lâm là hệ thống đào tạo không chính quy nhằm cung cấp những thông tin hữu ích và thực tiễn phục vụ cho sản xuất của nông dân và gia đình họ. Bằng những phương pháp và kỹ thuật thích hợp cho phép nông dân thu thập được kiến thức, kỹ năng và thái độ để đạt được mục đích với những điều kiện sẵn có. Như vậy tiếp cận khuyến nông và khuyến lâm thực chất là xem xét mối quan hệ giữa nông dân và những người bên ngoài cộng đồng như: các nhà hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu, các nhà

chuyên môn, những người làm công tác phát triển nông thôn, khuyến nông khuyến lâm viên... Cho đến nay có một số cách tiếp cận như sau:

• **Cách tiếp cận theo mô hình "chuyển giao"**

Trước đây cách tiếp cận theo mô hình "chuyển giao" rất phổ biến. Người ta thường thấy các khái niệm như: chuyển giao kiến thức, chuyển giao công nghệ hay kỹ thuật... cho nông dân. Đây là một hình thức khuyến nông khuyến lâm mang nhiều yếu tố một chiều, có nhiều nhược điểm ngay đối với nhận thức của cán bộ khuyến nông khuyến lâm và quá trình thực hiện khuyến nông khuyến lâm. Sơ đồ (1.3) chỉ ra mối quan hệ thể hiện cách tiếp cận theo mô hình "chuyển giao" chứng tỏ tính một chiều trong khuyến nông khuyến lâm.

Sơ đồ 1.3. Tiếp cận theo mô hình "chuyển giao"



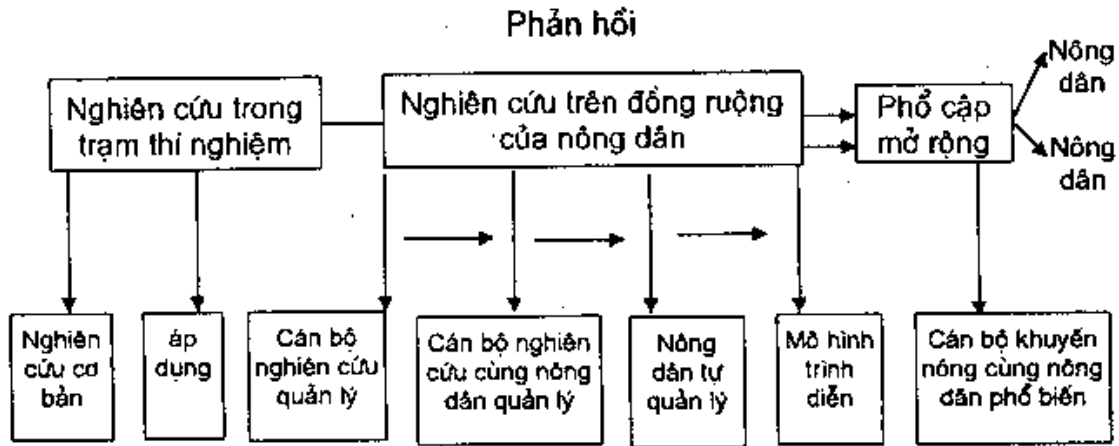
Tiếp cận theo mô hình này thường bộc lộ những hạn chế cơ bản như áp đặt không dựa vào nhu cầu nông dân, cán bộ khuyến nông khuyến lâm coi quá trình giảng dạy cho nông dân hơn là cùng học hỏi và chia sẻ.

• **Cách tiếp cận theo mô hình trình diễn**

Đây là cách tiếp cận theo hướng lấy nông dân làm trung tâm được phát triển vào cuối những năm 70 nhằm lôi cuốn nông dân vào quá trình phát triển kỹ thuật mới ngay trên đồng ruộng của họ.

Sơ đồ sau mô tả mối quan hệ giữa nghiên cứu, thử nghiệm và khuyến nông theo phương pháp tiếp cận lấy nông dân làm trung tâm.

Sơ đồ 1.4. Cách tiếp cận theo mô hình trình diễn



(Mô phỏng theo Atta-Krah và Francis, 1989)

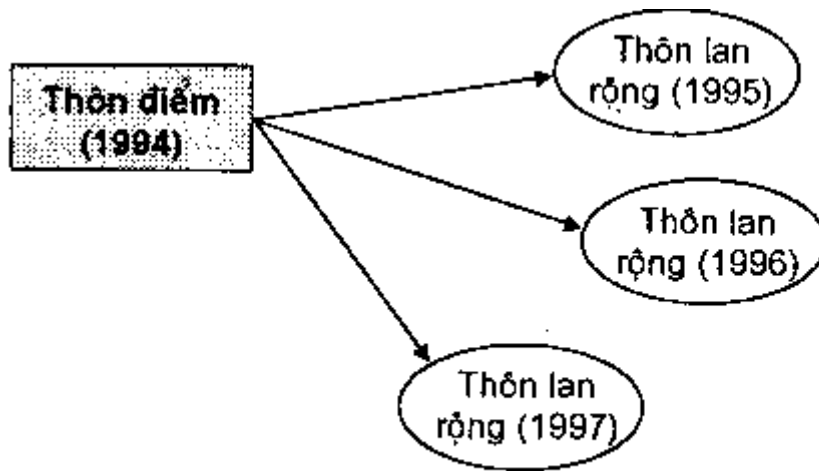
Theo cách tiếp cận này, vai trò của người dân được chú trọng từ việc xác định nhu cầu, thực hiện, chấp nhận và phổ cập. Quá trình này cho phép vị trí của nông dân ngày càng cao trong quá trình khuyến nông khuyến lâm.

• **Cách tiếp cận theo khuyến nông khuyến lâm lan rộng**

Đây là cách tiếp cận dựa trên cách tiếp cận: *Từ nông dân đến nông dân*, bắt đầu được áp dụng từ năm 1984. Từ năm 1995 Chương trình hợp tác lâm nghiệp Việt Nam - Thụy Điển đã thử nghiệm và áp dụng khuyến nông khuyến lâm lan rộng ở một số tỉnh miền núi phía Bắc dựa trên hình thức khuyến lâm từ người dân. Phương pháp này đang góp phần khắc phục những tồn tại chính hiện nay của hệ thống khuyến nông khuyến lâm nhà nước là chưa có khả năng với tới được tất cả các thôn bản.

Khuyến nông lan rộng dựa vào việc huy động nông dân và các tổ chức địa phương tham gia vào việc mở rộng công tác khuyến cáo và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp thông qua mạng lưới hoạt động ở địa phương. Sơ đồ (1.5) mô tả khuyến nông khuyến lâm lan rộng được Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam - Thụy Điển đang áp dụng.

Sơ đồ 1.5. Tiếp cận theo khuyến nông khuyến lâm lan rộng



(Mô phỏng theo Phạm Vũ Quyết, 1997)

Theo cách tiếp cận này, vai trò của người dân, cộng đồng là trung tâm trong các hoạt động phổ cập, mở rộng, đặc biệt là khả năng tự quản lý và điều hành các hoạt động khuyến nông khuyến lâm của người dân và cộng đồng.

Hình thức tiếp cận này đòi hỏi phải tăng cường đào tạo cho nông dân, hình thành các tổ chức khuyến nông khuyến lâm thôn bản như: nhóm quản lý, nhóm sở thích. Trong giai đoạn đầu yêu cầu phải lựa chọn các thôn điểm, phát động quá trình lan rộng từ thôn này sang thôn khác và luôn tổng kết và bổ sung kinh nghiệm.

2.2. Hệ thống khuyến nông khuyến lâm có người dân tham gia

Hiện nay đang tồn tại hai hệ thống khuyến nông khuyến lâm là:

- *Hệ thống khuyến nông khuyến lâm theo cấu trúc chiều dọc*

Đây là hệ thống khuyến nông khuyến lâm chính thức của nhà nước theo quan hệ thứ bậc từ trung ương (Cục khuyến nông khuyến lâm), tỉnh (Trung tâm khuyến nông khuyến lâm), tới huyện (Trạm khuyến nông khuyến lâm). Một số nơi đang hình thành tổ chức khuyến nông khuyến lâm chính thức xã hoặc cụm xã...

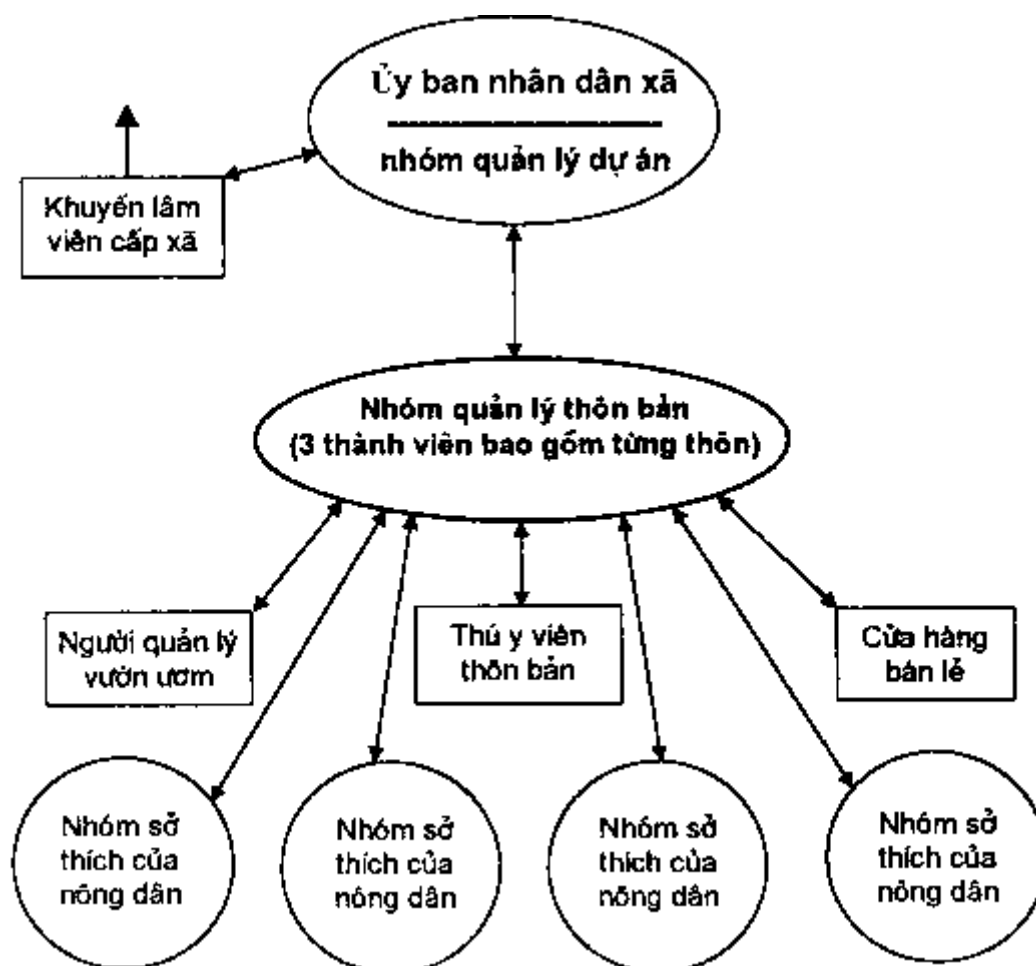
- *Hệ thống khuyến nông khuyến lâm quan hệ chiều ngang*

Đây là hệ thống khuyến nông khuyến lâm không chính thức. Hệ thống này dựa trên cơ sở của sự hiểu biết về thông tin, trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau giữa nông dân với nhau, giữa gia đình với nhau, từ thôn này đến thôn khác với sự hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức bên ngoài cộng đồng.

Ở một số nơi trong vùng của Chương trình phát triển nông thôn miền núi, hệ thống này được tăng cường củng cố và đã hình thành tổ chức khuyến nông khuyến lâm thôn bản (Xem sơ đồ 1.6).

Hai hệ thống khuyến nông khuyến lâm cần phải được liên kết với nhau nhằm hướng tới các hộ nông dân và cộng đồng của họ thông qua chính sự tham gia của nông dân.

Sơ đồ 1.6. Tổ chức khuyến nông thôn bản trong Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam - Thụy Điển



(Theo hội thảo quốc gia về khuyến nông khuyến lâm, tháng 11 năm 1997)

2.3. Nông dân tham gia như thế nào trong các hoạt động khuyến nông khuyến lâm

Các hoạt động khuyến nông khuyến lâm cấp thôn bản rất đa dạng và phong phú, gồm nhiều hoạt động khác nhau: từ xác định nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện, giám sát, đánh giá và mở rộng phổ biến. Nông dân vừa là đối tượng của các hoạt động khuyến nông khuyến lâm, họ là người hưởng lợi của các chương trình khuyến nông và cũng là người tham gia vào quá trình thực hiện khuyến nông khuyến lâm theo hình thức khuyến nông khuyến lâm lan rộng.

Sự tham gia của các nông dân vào các chương trình hay hoạt động khuyến nông khuyến lâm được hiểu như là một quá trình cùng hưởng ứng để tiếp nhận các dịch vụ khuyến nông từ bên ngoài, thực hiện và phổ biến cho các nông dân khác trong cộng đồng và ngoài cộng đồng.

Kinh nghiệm ở nhiều nơi, đặc biệt là ở một số tỉnh Miền núi phía Bắc, nơi thực hiện Chương trình phát triển nông thôn miền núi cho thấy các hình thức tham gia của nông dân trong các chương trình khuyến nông khuyến lâm gắn với chương trình phát triển thôn bản theo chu kỳ như sau:

- a. Đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA vòng 1) để tìm ra những khó khăn, giải pháp chung của thôn bản từ đó xác định nhu cầu khuyến nông khuyến lâm và xây dựng kế hoạch hành động chung của thôn, trong đó có khuyến nông khuyến lâm.
- b. Xây dựng kế hoạch phát triển thôn bản, trong đó có các kế hoạch về khuyến nông khuyến lâm như là một nội dung và cũng là phương pháp để nông dân thực hiện kế hoạch.
- c. Thành lập các tổ chức tự nguyện của thôn bản, trong đó mỗi tổ chức đều có chức năng khuyến nông khuyến lâm.
- d. Tiếp nhận các hoạt động đào tạo từ bên ngoài, đặc biệt là đào tạo về quản lý.
- e. Tiếp nhận và thực hiện các dịch vụ khuyến nông khuyến lâm trong quá trình thực hiện các kế hoạch của thôn bản.
- f. Tiến hành giám sát và đánh giá chu kỳ hoạt động bằng phương pháp PRA (PRA vòng 2)
- g. Điều chỉnh và xây dựng kế hoạch cho chu kỳ 2

Sơ đồ sau mô tả sự tham gia của nông dân thông qua PRA trong khuyến nông khuyến lâm từ người dân của Chương trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam-Thụy Điển (sơ đồ 1.7).

Sơ đồ 1. 7. Thực hiện phương thức khuyến nông khuyến lâm từ người dân
(Theo Bùi Đình Toái, 1997)

K ết q u ả c u ối c ù n g			
Năm 2000	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh • Đánh giá • Thực hiện • Xây dựng kế hoạch 	Đánh giá 4 ↑ Thực hiện → Đào tạo → KHCT ↑ PRA4 → KHSB → Thẩm định ↑	Chu kỳ dự án (4)
Năm 1999	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh • Đánh giá • Thực hiện • Xây dựng kế hoạch 	Đánh giá 3 ↑ Thực hiện → Đào tạo → KHCT ↑ PRA3 → KHSB → Thẩm định ↑	Chu kỳ dự án (3)
Năm 1998	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh • Đánh giá • Thực hiện • Xây dựng kế hoạch 	Đánh giá 2 ↑ Thực hiện → Đào tạo → KHCT ↑ PRA2 → KHSB → Thẩm định ↑	Chu kỳ dự án (2)
Năm 1997	<ul style="list-style-type: none"> • Điều chỉnh • Đánh giá • Thực hiện • Xây dựng kế hoạch 	Đánh giá ↑ Thực hiện → Đào tạo → KHCT ↑ PRA1 → KHSB → Thẩm định ↑	Chu kỳ dự án (1)
H i ệ n t r ả n g 1 9 9 6			

Ghi chú : KHSB : Kế hoạch sơ bộ. KHCT: Kế hoạch chính thức. PRA1 ..., PRA4: Đánh giá nông thôn có người dân tham gia vòng 1..., vòng 4.

Nông dân tham gia vào các tổ chức khuyến nông khuyến lâm thôn bản theo các hình thức chủ yếu sau:

* **Các câu lạc bộ của nông dân.** Đây là hình thức tổ chức rất phổ biến ở các tỉnh Miền nam. Các câu lạc bộ hoạt động và tồn tại dựa vào các thành viên tự nguyện, huy động vốn hoạt động từ các thành viên và lựa chọn đại diện để tham gia tập huấn và là người liên lạc cho câu lạc bộ giữa các thành viên với nhau và giữa câu lạc bộ với các tổ chức khuyến nông khuyến lâm nhà nước... Ở một số địa phương đã thành lập một số câu lạc bộ sau:

- Câu lạc bộ thuộc hội nông dân.
- Câu lạc bộ do chính nông dân lập ra.

- Câu lạc bộ thành lập với sự hỗ trợ của khuyến nông khuyến lâm nhà nước.

* **Nhóm nông dân cùng sở thích.** Đây là hình thức tổ chức rất phổ biến ở các tỉnh Miền bắc được hình thành trên cơ sở cùng chung một quan tâm hay điều kiện khả năng của các nông dân trong thôn bản, như các nhóm sở thích sau:

- Nhóm sở thích về trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng.
- Nhóm sở thích về cây ăn quả.
- Nhóm sở thích về chăn nuôi.
- Nhóm quản lý tín dụng thôn bản.
- Nhóm sử dụng nước.
- Nhóm sản xuất theo cùng ngành nghề.
- Nhóm sản xuất theo dòng họ hay cụm dân cư...

Mỗi nhóm sở thích thường chọn ra một nhóm trưởng làm nhiệm vụ liên lạc giữa các thành viên của nhóm và các cán bộ, tổ chức khuyến nông khuyến lâm bên ngoài.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA (PRA)

1. KHÁI NIỆM VỀ PRA

1.1. PRA là gì?

PRA là chữ viết tắt của ba từ tiếng Anh: *Participatory Rural Appraisal*, nghĩa là phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân.

PRA bao gồm một loạt cách tiếp cận và phương pháp khuyến khích, lôi cuốn người dân nông thôn cùng tham gia chia sẻ, thảo luận và phân tích kiến thức của họ về đời sống và điều kiện nông thôn để họ lập kế hoạch và thực hiện.

PRA giúp cho cán bộ khuyến nông khuyến lâm:

- **Học hỏi từ** người dân, **cùng** người dân và **bằng** người dân.
- Là **người thúc đẩy** để giúp người dân địa phương tự phân tích, lập kế hoạch và thực hiện.

PRA có những đặc điểm chủ yếu sau:

- Phương pháp luận PRA được xây dựng dựa trên kiến thức và năng lực vốn có của nông dân về xác định vấn đề, ra quyết định, huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện... để cùng phát triển cộng đồng.
- PRA sử dụng các kỹ thuật thu hút sự tham gia của người dân và kỹ năng thúc đẩy và tạo điều kiện của cán bộ khuyến nông khuyến lâm.
- PRA tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia tự nguyện, sáng tạo vào mọi quá trình xác định vấn đề, xác định mục tiêu, ra quyết định, thực hiện, giám sát và đánh giá.
- Các hoạt động của PRA chủ yếu tập trung vào phát triển cộng đồng một cách bền vững thông qua sự nỗ lực của chính cộng đồng.
- PRA luôn đề cao thái độ học hỏi, chia sẻ, trao đổi và thúc đẩy của cán bộ khuyến nông khuyến lâm.

1.2. Khi nào cần thực hiện PRA?

PRA cần được thực hiện khi:

- Người dân cần có các giải pháp thực tiễn, cùng tham gia để phát triển cộng đồng của họ.
- Cần xác định lại các nhiệm vụ và nội dung hoạt động của công tác khuyến nông khuyến lâm.
- Cần có các chủ đề, đề tài nghiên cứu phát triển có sự tham gia của người dân.
- Cần có các biện pháp để khắc phục những khó khăn sẽ xảy ra hoặc kế hoạch của các hoạt động tiếp theo.

Tóm lại: PRA cần dùng cho nhiều lĩnh vực có cùng điểm xuất phát từ người dân lấy dân làm gốc, lấy cộng đồng thôn bản làm cơ sở.

1.3. PRA có thể được áp dụng vào lĩnh vực nào?

PRA có thể áp dụng cho tất cả các lĩnh vực liên quan đến phát triển nông thôn như: trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thú y, y tế, giáo dục, giới, an toàn lương thực, tín dụng, kế hoạch hoá gia đình...

1.4. PRA có những ưu điểm nào?

- PRA làm thay đổi thái độ và phương pháp luận về đánh giá và phát triển nông thôn trước đây.
- PRA tạo ra quá trình cùng học hỏi của cả hai phía: cán bộ khuyến nông khuyến lâm và người dân.
- PRA cho phép mỗi nhóm người sống trong làng bản tự đề ra các giải pháp phù hợp với chính họ để có thể thực hiện và đạt được lợi ích.
- Thông qua PRA, mỗi thành viên trong làng bản nhận thấy tiếng nói của mình được lắng nghe và ghi nhận để cùng thúc đẩy sự đóng góp chung.
- Thông qua PRA cả người dân và cán bộ khuyến nông khuyến lâm đều được thử thách để cùng phát triển thôn bản.
- Những người nghèo, ít được học hành hoặc những nhóm người "thấp kém" trong thôn, bản được thu hút một cách tích cực tham gia vào lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá, tạo ra sự công bằng dân chủ trong việc tham gia phát triển nông thôn.

2. TÓM TẮT LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN PRA VÀ THỰC TẾ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM

2.1. Tóm tắt lịch sử phát triển PRA trên thế giới

Vào giữa thập kỷ 80, phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA) được sử dụng rộng rãi vào các chương trình phát triển nông thôn. Nhưng phương pháp này đã bộc lộ một số hạn chế cơ bản là:

- Cán bộ phát triển nông thôn thu thập thông tin từ người dân thông qua một loạt các bài tập và phỏng vấn. Các số liệu thu được họ tự xử lý, lưu giữ, không chia sẻ cùng với người dân.
- Cán bộ phát triển nông thôn dùng kết quả RRA cho mục đích lập kế hoạch thôn, bản theo kiểu can thiệp từ bên ngoài bằng các dự án hay chương trình nghiên cứu. Người ta nhận thấy cần phải thay đổi thái độ và cách ứng xử trong cách tiếp cận hướng tới người dân trong RRA sang quá trình học hỏi từ người dân để thu thập thông tin và cùng người dân phân tích và lập kế hoạch.

Từ nhận thức trên, vào cuối thập kỷ 80, Gordon Conway, Robert Chambers và nhiều người khác đã xây dựng phương pháp PRA từ các phương pháp RRA như: RRA thăm dò, RRA chủ đề, RRA giám sát, RRA cùng tham gia. RRA cùng tham gia là nhịp cầu nối giữa RRA sang PRA và lần đầu tiên áp dụng ở Kenya và Ấn Độ vào năm 1988.

Vào đầu những năm 90 là cuộc bùng nổ sử dụng PRA ở Ấn Độ và các nước khác ở châu Á, châu Phi vào các dự án phát triển nông thôn. Tiếp sau đó là sự tiếp nhận PRA của các tổ chức quốc tế và phi chính phủ của các chương trình, dự án tại các nước phát triển.

Đến nay đã có 2 hội thảo quốc tế về PRA được tổ chức tại Ấn Độ, hàng năm nhiều hội thảo về PRA ở mức độ quốc gia và khu vực được tổ chức, hơn 30 quốc gia sử dụng PRA vào phát triển các lĩnh vực: quản lý tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp, các chương trình xã hội và xóa đói giảm nghèo, y tế và an toàn lương thực... PRA vẫn đang tiếp tục phát triển và được sử dụng rộng rãi.

2.2. Thực tế áp dụng PRA ở Việt Nam

PRA được coi là công cụ lập kế hoạch phát triển có sự tham gia của người dân lần đầu tiên được áp dụng trong Chương trình hợp tác lâm nghiệp Việt Nam - Thụy Điển (HTLNVN-TĐ) do SIDA tài trợ vào cuối năm 1991. Đây là chương trình sử dụng PRA một cách hệ thống, trên một địa bàn rộng trong thời gian dài.

Trong giai đoạn 1991-1994, Chương trình HTLNVN-TĐ đã sử dụng PRA cho lập kế hoạch phát triển ở 70 thôn, bản của 5 tỉnh: Vĩnh Phú, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai và Hà Giang. Từ cuối năm 1994 đến nay, Chương trình phát triển nông thôn miền núi của 5 tỉnh phía Bắc do SIDA tài trợ tiếp tục sử dụng PRA cho lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các dự án cấp thôn, bản cho gần 200 cộng đồng. Phương pháp PRA ngày càng được hoàn thiện để phù hợp với điều kiện nông thôn miền núi Việt Nam.

Những năm gần đây, PRA được các chương trình của chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài áp dụng trong các chương trình, dự án liên quan đến phát triển nông thôn ở Việt Nam và đã mang lại những thành công nhất định trong việc khai thác và phát huy các nguồn lực của cộng đồng vào phát triển kinh tế văn hóa xã hội nông thôn miền núi, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên... như: dự án "Lập kế hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân" tại Quảng Ninh, Thừa thiên Huế (FAO/020/Italy), dự án "Quản lý đầu nguồn có sự tham gia của người dân tại Hoàng Bồ - Quảng Ninh" (FAO/Belgium), Chương trình PAM 5322 tại 5 tỉnh miền núi phía Bắc, dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn quy mô nhỏ tại tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng (UNCDF-Liên Hợp Quốc), dự án Phát triển Lâm nghiệp xã hội Sông Đà (GTZ-CHLB Đức)... và các dự án của các tổ chức phi chính phủ như: Các tổ chức OXFAM, Helvetas, IFAD, CIDSE...

Thực tế áp dụng PRA ở Việt Nam trong những năm qua như sau:

- PRA được sử dụng như là một phương pháp chủ yếu của cán bộ khuyến nông khuyến lâm để tìm kiếm và hiểu biết điều kiện thôn, bản trước khi họ thực hiện các hoạt động hỗ trợ. Cán bộ khuyến nông khuyến lâm cùng nông dân học sử dụng PRA và họ sẽ có được sự hiểu biết cao hơn sau mỗi lần như vậy.
- Cuối mỗi đợt PRA, một bản kế hoạch phát triển thôn, bản được xây dựng dựa trên điều kiện thực tế và mong muốn của cộng đồng. Điều này tạo cho người dân cảm nhận sâu sắc về nghĩa vụ và lợi ích của họ trong thực hiện.
- PRA được sử dụng cho phân tích chủ đề của từng lĩnh vực cụ thể như: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, tín dụng, thị trường... PRA còn được sử dụng như là các yếu tố gián tiếp làm thay đổi cách suy nghĩ của mỗi cá nhân hay tổ chức cộng đồng như phải làm gì và làm thế nào cho thôn, bản.
- PRA được sử dụng cho giám sát và đánh giá hàng năm để chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động tại thôn, bản, từ đó điều chỉnh và lập các hoạt động chi tiết trong năm sau.

- PRA được sử dụng như một quá trình học hỏi của người dân thôn, bản. Quá trình này tạo ra khả năng tự quản lý, điều hành và thực hiện bằng chính năng lực của cộng đồng.

Tuy nhiên, PRA cũng có một số khó khăn khi tổ chức thực hiện như sau:

- Thời gian thực hiện PRA tương đối dài kể từ khi chuẩn bị, thực hiện dưới thôn, bản đến khi tổng hợp và viết báo cáo.
- Khi thực hiện PRA tại thôn, bản đòi hỏi nhiều nông dân tham gia có thể làm ảnh hưởng đến sản xuất nếu PRA được tổ chức vào đúng mùa vụ gieo trồng hay thu hoạch.
- Tổ cán bộ PRA gồm nhiều người cho nên gặp khó khăn trong việc tổ chức thực hiện PRA dưới thôn, bản.
- Thời tiết, mùa vụ, những sự kiện kinh tế xã hội, phong tục tập quán trong thôn, bản luôn là những trở ngại khi thực hiện PRA tại thôn, bản.

3. BỘ CÔNG CỤ CỦA PRA, MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ KỸ THUẬT CƠ BẢN KHI SỬ DỤNG CÔNG CỤ CỦA PRA

3.1. Bộ công cụ của PRA là gì?

Công cụ PRA là cách làm hay kỹ năng sử dụng các phương pháp khác nhau nhằm thu hút người dân vào quá trình đánh giá, phân tích và lập kế hoạch phát triển cộng đồng. Cho đến nay có khoảng gần 20 công cụ khác nhau thường được cùng sử dụng khi thực hiện PRA gọi là bộ công cụ của PRA. Mỗi công cụ PRA thường bao gồm 1 hay nhiều phương pháp khác nhau, Ví dụ: công cụ điều tra tuyến hay đi lát cát là sự kết hợp nhiều phương pháp trong cùng thời gian và địa điểm như khảo sát hiện trường, phỏng vấn, thảo luận nhóm... Đây chính là đặc điểm của công cụ PRA đòi hỏi người sử dụng phải có kinh nghiệm, kỹ năng sử dụng công cụ PRA.

Có thể phân chia các công cụ PRA như sau:

- Các công cụ phân tích về không gian: xây dựng sa bàn, vẽ sơ đồ thôn, bản, điều tra tuyến (đi lát cát), ...
- Các công cụ phân tích theo thời gian: lập các biểu đồ hướng thời gian (biểu đồ tròn, biểu đồ cột, biểu đồ dạng đồ thị...), lập bảng lược sử thôn, bản...
- Các công cụ phân tích cơ cấu: lập các bảng biểu, biểu đồ cơ cấu....
- Các công cụ phân tích ảnh hưởng và quan hệ: lập biểu đồ hình cây, biểu đồ quan hệ, xây dựng lịch mùa vụ, sơ đồ VENN, sơ đồ cơ hội...
- Các công cụ phân tích quyết định: thảo luận nhóm, họp dân,...

3.2. Một số chỉ dẫn khi sử dụng công cụ PRA

Cán bộ khuyến nông khuyến lâm sử dụng công cụ PRA để cùng người dân học hỏi, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. Vai trò của cán bộ khuyến nông khuyến lâm khi sử dụng công cụ PRA là thực hiện chức năng thúc đẩy và tạo điều kiện năng lực của người dân địa phương trong thu thập thông tin, phân tích, lập kế hoạch và thực hiện. Vì vậy cán bộ khuyến nông khuyến lâm cần hiểu rõ và thấm nhuần những nguyên tắc sau đây khi sử dụng các công cụ PRA:

- Học hỏi trực tiếp từ người dân địa phương về kiến thức, kinh nghiệm điều kiện sống và sản xuất của chính họ.
- Học hỏi nhanh và tích cực bằng sự khám phá, sử dụng mềm dẻo các phương pháp, tạo cơ hội, tạo quan hệ và kiểm tra chéo.
- Loại bỏ các thành kiến bằng sự lắng nghe chứ không giảng dạy, bằng sự thăm dò thay thế cho sự bỏ qua, quan tâm đến người nghèo và phụ nữ và học hỏi từ họ những quan tâm và ưu tiên.
- Sử dụng tối ưu các phương pháp và công cụ, tức là phải cân nhắc giữa số lượng, sự hợp lý, sự chính xác và thời gian.
- Sử dụng phép kiểm tra chéo thông tin.
- Luôn tìm kiếm mọi mặt từ phía người dân, nghĩa là tìm tòi và học hỏi từ những điểm không hợp lý, những người không ủng hộ, những người đứng ngoài cuộc ở mọi tình huống.
- Hãy để cho dân tự làm, nghĩa là tạo điều kiện cho người dân địa phương tự điều tra, phân tích, trình bày và học hỏi từ đó họ tự đưa ra kết quả và là chủ sở hữu của các kết quả đó.
- Hãy tự phê bình, nghĩa là cán bộ khuyến nông khuyến lâm thôn tự kiểm tra mình và tự phê bình về thái độ, phong cách và cách ứng xử khi cùng làm việc với người dân địa phương.
- Hãy chịu trách nhiệm cá nhân, nghĩa là mỗi cán bộ khuyến nông khuyến lâm phải tự chịu trách nhiệm với chính công việc mình làm, không đổ lỗi cho người khác
- Cùng chia sẻ, nghĩa là tạo ra cơ hội cùng làm việc, cùng chung sống, chia sẻ suy nghĩ, tình cảm, tâm tư giữa người dân với nhau, giữa người dân với cán bộ khuyến nông khuyến lâm.
- Sử dụng các công cụ PRA một cách mềm dẻo, linh hoạt và sáng tạo, nghĩa là không lựa chọn và sử dụng các công cụ một cách máy móc cho mọi nơi mọi lúc, bởi vì các phương pháp và công cụ PRA không phải là công thức bất di bất dịch. Chính vì vậy cán bộ khuyến nông khuyến lâm phải học hỏi để có kinh nghiệm khi sử dụng các công cụ PRA vào công việc của mình có hiệu quả.

3.3. Một số kỹ thuật cơ bản khi sử dụng công cụ PRA

3.3.1. Thu thập tài liệu có sẵn

Tài liệu có sẵn bao gồm hệ thống thông tin, dữ liệu cơ bản của địa phương, các kết quả nghiên cứu, hoạt động của dự án tại địa phương. Tài liệu có sẵn là cơ sở dữ liệu ban đầu cho các hoạt động PRA và là nguồn thông tin định hướng và kiểm tra chéo.

- *Các nguồn cung cấp tài liệu:*

- Các cơ quan chính quyền địa phương (xã, huyện).
- Các cơ quan chuyên môn liên quan cấp huyện.
- Các tổ chức, dự án, chương trình đã có các hoạt động tại địa phương (thôn, bản, xã)
- Các tài liệu xuất bản liên quan đến địa phương.

- *Phương pháp thu thập tài liệu:*

- Liệt kê các số liệu thông tin cần thiết có thể thu thập, hệ thống hóa theo nội dung hay địa điểm thu thập và dự kiến địa điểm cơ quan cung cấp thông tin.
- Liên hệ với các cơ quan cung cấp thông tin.
- Tiến hành thu thập bằng ghi chép, sao chụp.
- Kiểm tra tính thực tiễn của thông tin thông qua quan sát trực tiếp và kiểm tra chéo.

3.3.2. Tạo lập mối quan hệ

Các hoạt động PRA đều thông qua quá trình giao tiếp. Vì vậy việc tạo lập mối quan hệ với người dân là cần thiết và được xem như là sự trao đổi tương quan bình đẳng giữa cán bộ khuyến nông khuyến lâm với người dân địa phương và có sự thông hiểu nhau. Do vậy tạo lập mối quan hệ để đạt được sự tin tưởng, sự liên kết, hoà hợp và cùng chung một số điểm tương đồng. Để tạo lập mối quan hệ cần có các kỹ năng giao tiếp như: chú ý, quan sát, lắng nghe, phản ánh, trao đổi và thu thập thông tin. Sau đây là một số kỹ năng cơ bản trong tạo lập mối quan hệ khi thực hiện PRA:

- Gặp lãnh đạo thôn và các nhà chức trách địa phương khi bắt đầu công việc tại địa phương để giải toả mọi nghi ngờ.
- Hãy bắt đầu công việc với những người dân có khả năng tiếp cận nhanh và ít mặc cảm với người ngoài cộng đồng.
- Giải thích thật rõ cho mọi người dân lý do đoàn PRA đến thôn, bản và công việc mà đoàn sẽ cùng làm với dân.
- Hãy tự chỉ ra sự chân thành của mình đối với thôn, bản.
- Lựa chọn thời gian và địa điểm mà người dân làm việc thuận tiện.

3.3.3. Làm việc với nhóm sở thích

Nhóm sở thích bao gồm một số nông dân có cùng nguyện vọng được làm việc hay hợp tác về một hoạt động hay lĩnh vực nào đó như: làm vườn, trồng cây ăn quả, chăn nuôi, trồng cây... Nhóm sở thích còn có thể được xây dựng trên sự tự nguyện dựa trên tuổi tác, giới tính, nhóm dân tộc, sự giàu nghèo, tôn giáo...

Mục đích của làm việc với các nhóm sở thích là để thu thập thông tin và có được sự thấu hiểu cần thiết về nhu cầu sở thích và những vấn đề của họ.

Khi làm việc với các nhóm sở thích cán bộ khuyến nông khuyến lâm cần:

- Chuẩn bị bảng danh sách về các nhóm sở thích có thể thành lập.
- Ghi rõ các tên nhóm sở thích, tên và địa chỉ của các cá nhân để liên hệ.
- Tập trung vào quá trình tạo mối quan hệ với các nhóm sở thích.
- Sắp đặt các thành viên của các nhóm sở thích vào việc thực hiện các công cụ RRA.
- Thu hút họ vào việc kiểm tra tính thực tiễn của thông tin đã được thu thập thông qua quan sát trực tiếp và kiểm tra chéo.

3.3.4. Sử dụng phương pháp phỏng vấn linh hoạt

Phỏng vấn linh hoạt là một phương pháp được sử dụng trong quá trình thực hiện các công cụ PRA. Phương pháp này được sử dụng với cá nhân nông dân, với các thông tin viên chính từ thôn, bản, với các nhóm sở thích hay với các nhóm nông dân khác... Kỹ năng của phỏng vấn linh hoạt là đặt người dân vào quá trình đàm thoại thông qua một loạt các câu hỏi mở và thích hợp giữa cán bộ khuyến nông khuyến lâm với người dân. Trong phỏng vấn linh hoạt cán bộ khuyến nông khuyến lâm phải sử dụng thành thạo 7 dạng câu hỏi : **ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao, như thế nào và bao nhiêu?**

Để thực hiện phỏng vấn linh hoạt cán bộ khuyến nông khuyến lâm cần:

- Chuẩn bị danh mục chủ đề để phỏng vấn và ghi rõ từng chủ đề vào sổ theo dõi công việc hiện trường
- Lựa chọn cá nhân, thông tin viên chính, nhóm sở thích hay các nhóm nông dân để phỏng vấn. Phải đảm bảo rằng những người này có khả năng cung cấp thông tin sâu rộng và có quan điểm rõ ràng.
- Lựa chọn thời gian và địa điểm để cuộc phỏng vấn ít bị ảnh hưởng vì những lý do ngoại cảnh.
- Sử dụng danh mục chủ đề và danh sách kiểm tra, nhưng cho phép mềm dẻo trong đàm thoại từ đó có thể khám phá ra những vấn đề mới hay những ý tưởng mới được xuất hiện.
- Hỏi những câu hỏi thích hợp với từng cá nhân hay nhóm đang được phỏng vấn.
- Sử dụng câu hỏi mở để đạt được giải thích và quan điểm của nông dân hơn là câu hỏi: **có hoặc không ?**
- Ghi chép chi tiết các cuộc phỏng vấn lên sổ theo dõi công việc hiện trường.
- Hãy điều chỉnh danh mục và câu hỏi để nổi lên những vấn đề mới.
- Kiểm tra tính thực tiễn của thông tin thông qua quan sát trực tiếp và kiểm tra chéo.



1. Họp dân để trình bày với dân về mục đích và thảo luận kế hoạch tiến hành PRA tại thôn bản



2. Nhóm cán bộ PRA đào tạo chuyển giao công cụ PRA cho nhóm đại diện của người dân tham gia vào đợt PRA ở thôn, bản



3. Người dân tham gia đắp sa bàn để đánh giá hiện trạng đất đai cây trồng



4. Sa bàn một thôn được người dân tham gia xây dựng có đầy đủ các đặc điểm của hiện trạng sử dụng đất đai và các phương thức sản xuất tại thôn, bản

3.3.5. *Họp dân*

Họp dân thể hiện sự tham gia đóng góp đầy đủ nhất của người dân trong quá trình thực hiện các đợt đánh giá PRA (xem ảnh 1). Trong PRA nhiều cuộc họp dân được tổ chức nhằm:

- Kiểm tra lại thông tin và bổ sung thông tin.
- Bổ sung và thống nhất các giải pháp cho thôn bản.
- Thống nhất chương trình hành động và cam kết thực hiện.

Trong một đợt PRA phải tổ chức nhiều cuộc họp dân. Có thể tổ chức các cuộc họp sau:

- *Họp dân lần 1:*

Cuộc họp này thường được tổ chức vào tối ngày thứ nhất của đợt PRA dưới thôn bản nhằm mục đích:

- Giới thiệu chung về đợt đánh giá tại thôn, bản: Lý do, mục đích, kế hoạch làm việc phương pháp và kêu gọi sự tham gia.
- Trình bày và thảo luận kết quả làm việc của ngày 1.
- Thông báo kế hoạch làm việc ngày 2.

- *Họp dân lần 2:* (có thể bao gồm 2 đến 3 cuộc họp)

Cuộc họp này thường được tổ chức vào tối ngày thứ 2 hoặc ngày thứ 3 của đợt PRA nhằm mục đích:

- Trình bày và thảo luận kết quả làm việc hàng ngày.
- Thống nhất định hướng cho kế hoạch hành động.

- *Họp dân lần 3:*

Cuộc họp được tổ chức vào ngày cuối của đợt PRA nhằm mục đích.

- Trình bày dự thảo kết quả PRA.
- Đóng góp bổ, sung và thảo luận.
- Thống nhất kế hoạch hành động.

Để tổ chức cuộc họp dân thành công cần thực hiện các bước sau:

- *Chuẩn bị:*

- Xác định mục tiêu cuộc họp dân.
- Chuẩn bị nội dung: Các kết quả đánh giá cần viết lên giấy khổ to, chữ to rõ ràng để mọi người có thể đọc.
- Chuẩn bị địa điểm, và ánh sáng.
- Thông báo rõ về thời gian họp cho mọi người.

- *Tiến hành cuộc họp*

- Giới thiệu, nêu mục đích cuộc họp, giới hạn nội dung thảo luận.
- Đại diện cộng tác viên thôn trình bày và điều hành thảo luận theo từng nội dung
- Tạo điều kiện cho người dân thảo luận, đóng góp, bổ sung ý kiến.
- Tổng hợp các ý kiến, thống nhất các kết luận và chốt lại các vấn đề trước dân.
- Kết thúc cuộc họp.

Cuộc họp dân lần 1 và 2 không kéo dài quá 2 giờ.

Cuộc họp dân thông qua kế hoạch hành động có thể kéo dài 2-3 giờ.

4. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MỘT SỐ CÔNG CỤ CHỦ YẾU CỦA PRA TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM

Mục 3 đã giới thiệu khái quát về bộ công cụ của PRA.

Sau đây là những công cụ chủ yếu được sử dụng trong các hoạt động khuyến nông khuyến lâm:

- Lược sử thôn, bản
- Xây dựng sa bàn của thôn, bản
- Vẽ sơ đồ thôn, bản
- Xây dựng biểu đồ hướng thời gian
- Điều tra theo tuyến và xây dựng sơ đồ mặt cắt của thôn, bản
- Phân tích lịch mùa vụ
- Phân loại hộ gia đình
- Phỏng vấn hộ gia đình
- Phân loại xếp hạng cho điểm
- Phân tích tổ chức và xây dựng sơ đồ VENN

Công cụ 1: Lược sử thôn, bản

(1) Mục đích và ý nghĩa

Lược sử thôn, bản là 1 công cụ được dùng chủ yếu trong PRA. Đây là một trong những công cụ để tìm hiểu chung về thôn, bản. Thông qua công cụ này, người dân tự nhìn nhận những sự kiện xảy ra trong quá khứ và ảnh hưởng của nó đến đời sống, tình hình sản xuất, sử dụng các nguồn nhân tài vật lực..., từ đó có thể đề ra được những giải pháp trong tương lai phù hợp với địa phương mình (còn gọi là công cụ "phá băng" hoặc "làm quen" giữa người trong cộng đồng và người ngoài cộng đồng).

(2) Nội dung

Người dân được cán bộ PRA hướng dẫn tự liệt kê các sự kiện đã từng xảy ra ở thôn, bản theo cột thời gian. Họ tự trao đổi, phân tích, đánh giá các sự kiện đó cuối cùng đưa ra một bảng lược sử thôn, bản.

Bảng 2.1. Ví dụ về lược sử bản Tặc Tề, xã Nậm Lành, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

Năm	Những sự kiện ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của bản
1900-1905	Một vài hộ từ Giàng Ngâu chuyển đến Tặc Tề sinh sống lập thành bản Tặc Tề.
1920	Bản có 8-9 hộ sinh sống. Rừng nguyên sinh còn nhiều, có nhiều loài cây gỗ quý hiếm như lát hoa, lim, giổi, vàng tâm, sến, táu..., động vật còn nhiều như khỉ, hổ, báo, hươu, nai, vượn, sóc, chồn...
1949-1950	Bản có 14-15 hộ. Giặc Pháp chiếm, dồn dân ở tập trung, bắt nhiều người đi phu, đi lính. Bản bị đốt phá. Rừng vẫn còn nhiều.
1960	Dịch chuột rừng gây mất mùa, dân bị đói trầm trọng, xuất hiện nhiều bệnh tật.
1966	Thành lập HTX, bắt đầu khai phá ruộng nước và đi vào làm ăn tập thể
1969-1970	Bệnh sốt rét làm chết nhiều người
1971	Tổ chức phong trào diệt giặc đốt. Giáo viên về tận bản dạy học để xóa mù chữ
1972-1981	Nhân dân hạ sơn, định canh định cư ở vùng đất thấp. Bản mới có 19 hộ. Rừng bắt đầu bị nhân dân ở các bản khác chặt phá mạnh để làm nương rẫy
1980	Dịch sởi làm chết 20 trẻ em trong bản
1983-1994	Trồng quế. HTX quản lý rừng quế nhưng không thành công, bị tàn phá. Nhân dân vẫn phá rừng làm nương rẫy.
1990 đến nay	Rừng được khoanh nuôi bảo vệ. Các hộ gia đình nhận khoán trông coi. Rừng giang được bảo vệ tốt. Nhân dân bắt đầu trồng cây ăn quả và quế.

(3) Phương pháp và thời gian tiến hành

Xây dựng biểu đồ lược sử thôn, bản do một nhóm nông dân thực hiện dưới sự hướng dẫn của cán bộ PRA (xem ảnh 2). Quá trình thực hiện công cụ này bao gồm các bước sau:

- Thành lập nhóm nông dân ít nhất 5-7 người để thực hiện công cụ. Họ phải là những người sống lâu năm ở thôn bản, có hiểu biết sâu sắc về địa phương mình

- Địa điểm thực hiện nên chọn tại một nơi đi lại thuận lợi, nhiều người có khả năng tham gia.
- Các vật liệu như: phấn viết, giấy khổ lớn, bút viết và các vật liệu khác cần được chuẩn bị đầy đủ.
- Cán bộ PRA giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa và các bước tiến hành thực hiện công cụ như sau:
 - Cán bộ PRA hướng dẫn khung mô tả lịch sử thôn, bản trên mặt đất và đề nghị họ thực hiện công việc.
 - Nông dân tự tiến hành liệt kê từng sự kiện, trao đổi, thảo luận, phân tích và đánh giá để đưa ra những thuận lợi, khó khăn, ảnh hưởng và nguyên nhân của từng sự kiện chính.
 - Cán bộ PRA có thể tiến hành phỏng vấn hoặc yêu cầu nông dân làm rõ hơn những điểm cần thiết và ghi chép.
 - Kết quả của công cụ này được sao chép vào giấy khổ lớn.

Công cụ này thường được thực hiện ngày thứ nhất, ngay sau khi đoàn PRA xuống thôn, bản và thường kéo dài từ 1,5 đến 2 giờ.

(4) Vai trò của cán bộ PRA

Nhóm công tác PRA gồm 2-3 người được phân công nhiệm vụ cụ thể với vai trò chính là hướng dẫn nông dân cách làm, thúc đẩy và tạo điều kiện cho nông dân tự đánh giá và ghi chép đầy đủ những ý kiến thảo luận của nông dân sau đó hệ thống hoá lại.

Công cụ 2: Xây dựng sa bàn của thôn, bản

(1) Mục đích, ý nghĩa

Sa bàn là hình ảnh không gian thu nhỏ của thôn, bản được người dân trong thôn, bản xây dựng bằng những vật liệu sẵn có như đất cát, cành lá... để mọi người trong thôn có thể nhìn nhận quê hương mình một cách tổng quát, cùng đánh giá, phân tích và lập kế hoạch phát triển. Sa bàn là một công cụ PRA cho phép phân tích một cách trực quan và thường được sử dụng trong quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất thôn, bản.

(2) Nội dung

Nông dân được cán bộ PRA hướng dẫn tự xây dựng sa bàn, rộng 4-5 m² mô tả đầy đủ hiện trạng của thôn, bản như: đồi núi, rừng, ruộng, suối, đường xá cầu cống, khu dân cư... để người dân cùng thảo luận các khó khăn, giải pháp và lập kế hoạch hoạt động cho từng khu vực của thôn, bản.

(3) Phương pháp và thời gian tiến hành

Xây dựng sa bàn do một nhóm nông dân thực hiện dưới sự hướng dẫn của cán bộ PRA (xem ảnh 3). Quá trình thực hiện công cụ này bao gồm các bước sau:

- Thành lập nhóm nông dân cả nam và nữ ít nhất từ 5-7 người
- Địa điểm thực hiện nên chọn tại một nơi rộng rãi đi lại thuận lợi để có nhiều người có khả năng tham gia và bảo quản sa bàn khỏi bị mưa nắng hay súc vật phá hoại.
- Các vật liệu như: đất, bùn, cây con, cành lá, bột màu, phấn viết, giấy khổ lớn, bút viết và các vật liệu khác cần được chuẩn bị đầy đủ.
- Cán bộ PRA giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa và các bước tiến hành thực hiện:
 - Đề nghị nông dân phác họa bằng phấn những vị trí chính dễ nhận biết của thôn như các quả đồi, sông suối, đường đi... lên mặt đất hoặc mặt phẳng sẽ đắp sa bàn.
 - Tạo điều kiện thúc đẩy người dân sử dụng các vật liệu để đắp sa bàn, dùng các vật liệu thể hiện các đặc điểm chính của từng loại đất, kiểu canh tác hay sông suối, cơ sở hạ tầng của thôn...
 - Tiến hành thảo luận: khó khăn, cơ hội và giải pháp chung cho từng khu vực trên sa bàn và cho cả thôn, bản.

Xây dựng sa bàn được thực hiện vào ngày đầu tiên khi đoàn PRA xuống thôn, bản (xem ảnh 4) và thời gian cần thiết từ 3-4 giờ.

(4) Vai trò của cán bộ PRA

Nhóm công tác PRA từ 2 - 3 người có nhiệm vụ chính là giải thích rõ mục đích yêu cầu của xây dựng sa bàn, cách tiến hành và thúc đẩy quá trình, thảo luận của nông dân, ghi chép những ý kiến thảo luận... Trong trường hợp cần thiết cán bộ PRA có thể làm mẫu.

Công cụ 3: Vẽ sơ đồ thôn, bản

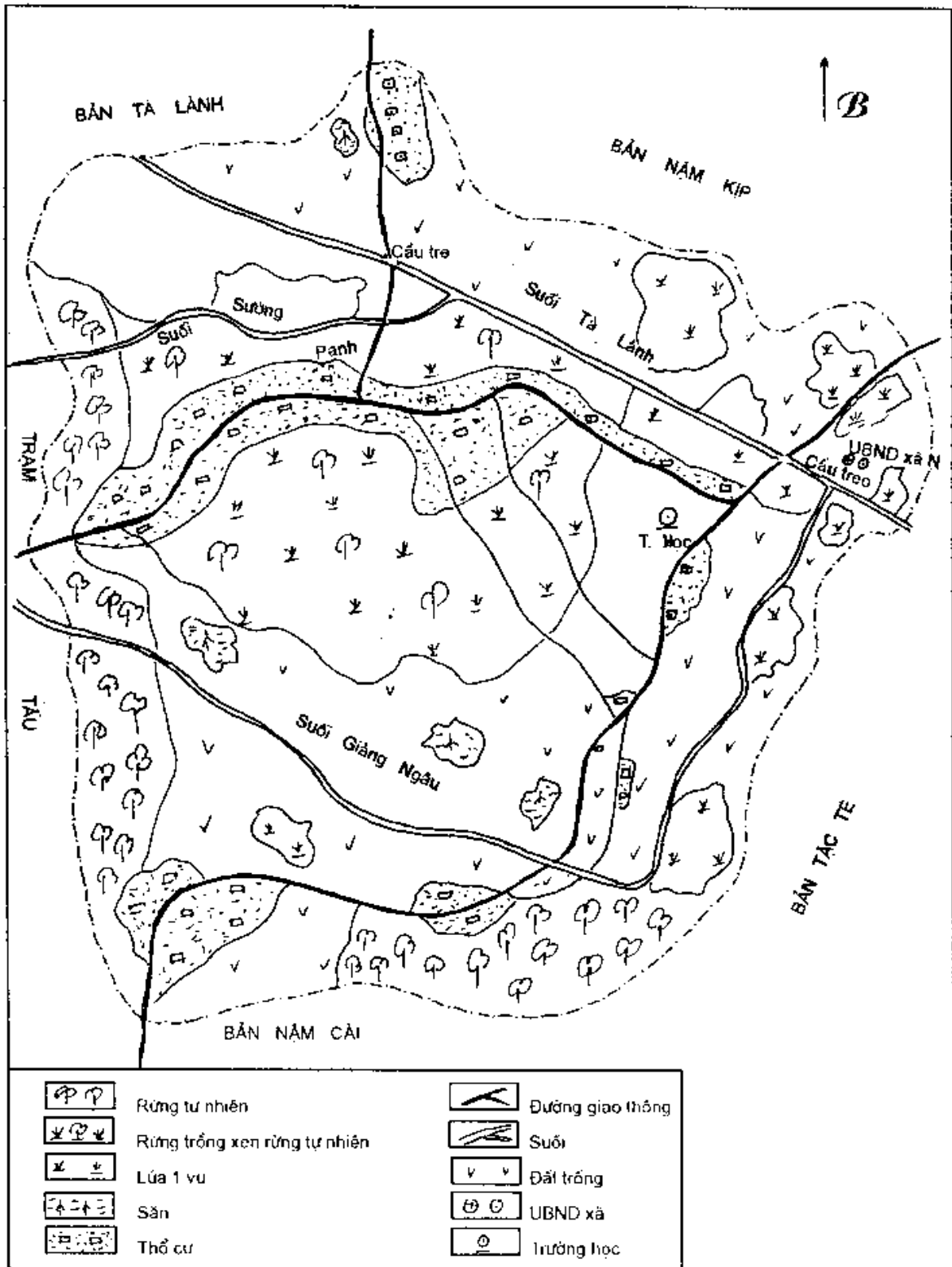
(1) Mục đích, ý nghĩa

Vẽ sơ đồ thôn, bản là một công cụ quan trọng của PRA nhằm đánh giá, phân tích tình hình chung của thôn, bản, đặc biệt là hiện trạng sử dụng đất đai, vật nuôi, cây trồng... để đưa ra được những khó khăn giải pháp trong từng lĩnh vực của thôn, bản từ đó phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch thôn, bản trong tương lai nhất là trong quá trình lập quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân, là tài liệu quan trọng làm cơ sở thảo luận trong hội nghị toàn thôn.

(2) Nội dung

Người dân được cán bộ PRA hướng dẫn để tự phác họa hiện trạng thôn, bản. Sơ đồ này mô tả đầy đủ hiện trạng sử dụng đất đai, vật nuôi cây trồng, điều kiện cơ sở vật chất và kinh tế xã hội của thôn, bản để họ cùng nhau thảo luận, phân tích những thuận lợi, khó khăn để có thể đề ra các giải pháp của thôn, bản trong tương lai (xem hình 2.1).

Hình 2.1. Ví dụ về sơ đồ bản Giàng Còi, xã Nam Lành, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái



(3) Phương pháp và thời gian tiến hành: Vẽ sơ đồ thôn, bản do một nhóm nông dân thực hiện dưới sự hướng dẫn, thúc đẩy của cán bộ PRA.

Quá trình thực hiện công cụ này bao gồm các bước sau:

- Thành lập nhóm nông dân cả nam và nữ ít nhất từ 5-7 người
- Địa điểm thực hiện nên chọn tại một nơi cao trong thôn, bản để quan sát toàn thôn, bản, đi lại thuận lợi để có nhiều người có khả năng tham gia.
- Các vật liệu như: phấn viết, giấy khổ lớn, bút viết và các vật liệu khác cần được chuẩn bị đầy đủ.
- Cán bộ PRA giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa và các bước tiến hành thực hiện như sau:
 - Đề nghị nông dân phác họa sơ đồ lên mặt đất
 - Tạo điều kiện thúc đẩy người dân trao đổi, thảo luận, tranh luận trong quá trình vẽ sơ đồ
 - Chuyển sơ đồ đã được phác họa trên mặt đất vào giấy khổ lớn.
 - Tiến hành thảo luận: khó khăn, cơ hội và giải pháp chung cho cả thôn, bản.

Sơ đồ thôn, bản thường được vẽ vào ngày đầu tiên khi đoàn PRA xuống thôn, bản và thời gian cần thiết để vẽ từ 2-3 giờ (ngoài quan sát hiện trường, sa bàn là cơ sở quan trọng để vẽ sơ đồ thôn bản).

(4) Vai trò của cán bộ PRA

Nhóm công tác PRA bao gồm 2 - 3 người có nhiệm vụ chính là giải thích rõ mục đích yêu cầu của vẽ sơ đồ, cách tiến hành và thúc đẩy quá trình vẽ, thảo luận của nông dân, ghi chép những ý kiến thảo luận... Trong trường hợp cần thiết cán bộ PRA có thể làm mẫu. Nếu nông dân gặp khó khăn khi chuyển sơ đồ đã vẽ vào giấy khổ lớn, cán bộ PRA có thể giúp họ.

Công cụ 4: Xây dựng biểu đồ hướng thời gian

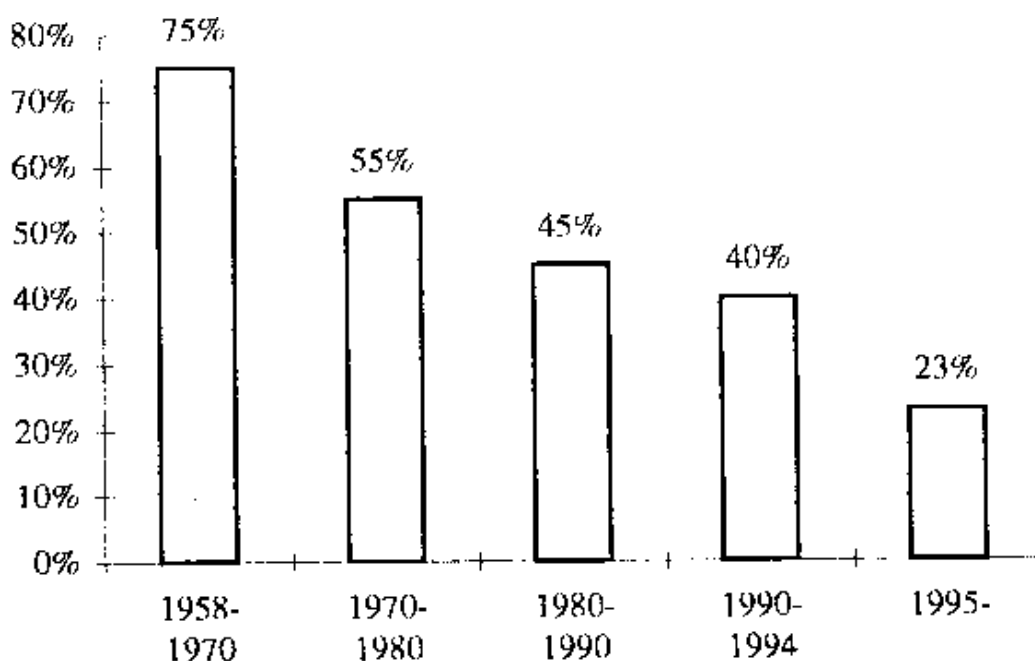
(1) Mục đích, ý nghĩa

Xây dựng các biểu đồ hướng thời gian là một công cụ chủ yếu dùng trong PRA nhằm mục đích phân tích tình hình, sự kiện, hiện tượng của thôn, bản theo thời gian. Thông qua sự phân tích này cho thấy sự biến động của các thành phần trong các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp... theo thời gian và những ảnh hưởng của các sự kiện, hiện tượng trong thôn, bản đối với các hoạt động đó. Kết quả của xây dựng các biểu đồ hướng thời gian làm cơ sở cho việc xác định mục tiêu, định hướng kế hoạch thôn, bản, và còn là tài liệu cho việc giám sát, đánh giá sau này.

(2) Nội dung

Các loại biểu đồ có thể sử dụng: biểu đồ tròn, biểu đồ cột, đường biểu diễn kiểu đồ thị... Thông thường các biểu đồ được mô tả như sau: ứng với mỗi mốc thời gian mô tả nội dung của sự kiện, hiện tượng hay số lượng, chất lượng và nguyên nhân cũng như các ảnh hưởng (xem hình 2.2).

Hình 2.2. Ví dụ về biểu đồ thời gian mô tả sự biến động diện tích rừng tự nhiên của thôn 1 Quyết Tiến, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú



Nội dung mô tả thường được người dân quyết định như:

- Sự biến động tình hình sử dụng đất đai, vật nuôi, cây trồng.
- Sự thay đổi về số hộ gia đình hay nhân khẩu.
- Sự thay đổi về năng suất cây trồng hay thu nhập.
- Sự thay đổi về các loại bệnh dịch...

Mỗi nội dung mô tả cần được nông dân thảo luận kỹ và đưa ra được: khó khăn, nguyên nhân và giải pháp.

(3) Phương pháp và thời gian tiến hành

Đây cũng là một công cụ PRA được tổ chức thực hiện vào ngày đầu khi nhóm công tác PRA xuống thôn. Thời gian thực hiện công cụ này thường kéo dài 3 giờ.

Quá trình thực hiện công cụ này gồm những bước chủ yếu sau:

- Thành lập các nhóm nông dân thực hiện công cụ. Mỗi nhóm nông dân ít nhất 5-7 người cả nam và nữ được huy động vào xây dựng các biểu đồ hướng thời gian. Họ là những người sống lâu năm ở thôn, bản, hiểu biết sâu sắc về tình hình đời sống, xã hội và sản xuất.
- Địa điểm thực hiện nên chọn tại một nơi rộng rãi đi lại thuận lợi để có nhiều người có khả năng tham gia.
- Các vật liệu như: phấn viết, giấy khổ lớn, bút viết và các vật liệu khác cần được chuẩn bị đầy đủ. Huy động nông dân thu lượm các vật liệu có sẵn như các viên sỏi, đá, hạt cây, các que nhỏ... để phục vụ cho đánh giá.
- Cán bộ PRA giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa và các bước tiến hành thực hiện như sau:
 - Tạo điều kiện cho nông dân thảo luận lựa chọn nội dung đánh giá.
 - Tạo điều kiện (có thể gợi ý, giải thích nếu cần) cho nông dân thảo luận lựa chọn loại biểu đồ để mô tả.
 - Cán bộ PRA hướng dẫn nông dân sử dụng loại biểu đồ đã chọn (có thể làm mẫu nếu cần thiết)
 - Nông dân tiến hành đánh giá mô tả từng nội dung lên trên nền đất bằng vật liệu có sẵn và thảo luận, tranh luận.
 - Cán bộ PRA tạo điều kiện, thúc đẩy nông dân thảo luận, phỏng vấn, ghi chép những ý kiến của nông dân.
 - Yêu cầu nông dân đưa ra những khó khăn và giải pháp cho từng nội dung đánh giá.
 - Yêu cầu nông dân chốt lại những vấn đề chính và chuyển các biểu đồ lên giấy khổ lớn.
 - Yêu cầu nhóm nông dân chọn người chuẩn bị trình bày kết quả đánh giá trước cuộc họp toàn thôn, bản.

(4) Vai trò của cán bộ PRA

Nhóm công tác PRA gồm 2-3 người được phân công giải thích, hướng dẫn, tạo điều kiện, thúc đẩy, phỏng vấn và ghi chép. Đây là một công cụ yêu cầu cán bộ PRA phải có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm hướng dẫn nông dân để đảm bảo các thông tin cả về số lượng và chất lượng.



5. Nhóm công tác PRA thực hiện công cụ điều tra "Lát cắt", để đánh giá hiện trạng sử dụng đất đai và phương thức canh tác của cộng đồng



6. Nhóm công tác PRA thảo luận với người dân trên vườn hộ nhà họ (sử dụng công cụ lát cắt)



6. Nhóm công tác PRA thảo luận với hộ gia đình về thực trạng và biện pháp kinh doanh vườn rừng



8. Nhóm công tác PRA thảo luận với người dân trên mô hình canh tác đất dốc của hộ gia đình

Công cụ 5: Điều tra theo tuyến và xây dựng sơ đồ mặt cắt

(1) Mục đích và ý nghĩa

Điều tra theo tuyến hay đi lát cắt là công cụ quan trọng của PRA dùng để đánh giá tiềm năng sử dụng tài nguyên thiên nhiên của thôn, bản.

Xây dựng các tuyến đi lát cắt sẽ cung cấp hình ảnh sâu sắc về tiềm năng đất đai và cộng đồng dân cư sẽ sử dụng như thế nào trong kế hoạch phát triển thôn, bản.

Đây là kỹ thuật điều tra nhằm đánh giá chi tiết tại từng khu vực về đất đai, cây trồng, vật nuôi và tiềm năng nội bộ cộng đồng từ đó lập kế hoạch cho các hoạt động trong tương lai (xem ảnh 5).

(2) Nội dung

- Đi lát cắt là công cụ khảo sát hiện trường ở từng khu vực đặc trưng của thôn, bản được sử dụng các kỹ thuật phỏng vấn, thảo luận, quan sát trực tiếp và điều tra.
- Xây dựng sơ đồ mặt cắt hiện tại của thôn, bản: thông tin từ các tuyến lát cắt được tập hợp lại để lên sơ đồ mặt cắt. Sơ đồ mặt cắt bao gồm 2 phần chính:
 - Mô tả hiện trạng bề mặt theo độ cao trong đó mô tả các hình ảnh chung về các phương thức canh tác, sử dụng đất và vật nuôi cây trồng.
 - Phân dưới mô tả trong các ô vuông ứng với từng khu vực như: điều kiện tự nhiên, các phương thức canh tác, vật nuôi cây trồng, tổ chức sản xuất, khó khăn và giải pháp (xem hình 2.3).
- Xây dựng sơ đồ mặt cắt trong tương lai: đây là sơ đồ mặt cắt thể hiện mong muốn cũng như những giải pháp của thôn, bản trong thời gian tới.

(3) Thời gian và phương pháp tiến hành

Đi lát cắt được thực hiện sau khi thực hiện các công cụ đáp sa bàn và vẽ sơ đồ. Thông thường, tổ chức 2-3 tuyến đi lát cắt để có thể đến tất cả các khu vực chủ yếu của thôn, bản. Thời gian thực hiện cho công cụ này thường kéo dài từ 3 giờ. Quá trình thực hiện đi lát cắt và xây dựng sơ đồ mặt cắt gồm các bước chủ yếu sau:

- Thảo luận trên sa bàn hoặc trên sơ đồ để xác định các hướng đi lát cắt
- Thành lập các nhóm đi lát cắt: mỗi tuyến đi lát cắt thành lập một nhóm gồm: một số nông dân (5-7 người) cả nam, nữ và các cán bộ PRA có chuyên môn khác nhau (3-4 người): nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi...
- Chuẩn bị công cụ: bản đồ, địa bàn, dụng cụ quan sát, đo đếm, giấy bút.
- Cán bộ PRA giải thích thật rõ mục đích đi lát cắt, yêu cầu nông dân dẫn đường và sẵn sàng thảo luận.

Tiến hành đi lát cắt

Thông thường đi từ vùng thấp đến vùng cao. Đến mỗi vùng đặc trưng cho cả khu vực dừng lại thảo luận. Cán bộ PRA phác họa nhanh địa hình và đặc điểm của vùng đó. Tạo điều kiện cho nông dân thảo luận với nhau hoặc tiến hành phỏng vấn.

Trong trường hợp cần thiết cán bộ PRA cùng với nông dân khảo sát kỹ, đo đếm hoặc lấy mẫu vật. Nên tập trung trao đổi và phỏng vấn vào các nội dung sau:

- Đặc điểm tự nhiên: đất đai, nguồn nước, lịch sử sử dụng đất đai...
- Các loài cây trồng vật nuôi chính và kỹ thuật canh tác, năng suất...
- Tình hình tổ chức quản lý.
- Những khó khăn đang gặp phải
- Những định hướng và giải pháp.

Vẽ sơ đồ mặt cắt hiện tại của thôn, bản

Sau khi đi lát cắt, kết quả của các nhóm được củng cố lại, thống nhất và đưa ra được một sơ đồ mặt cắt đặc trưng cho thôn, bản (hình 2.3).

Xây dựng sơ đồ mặt cắt tương lai

Từ những khó khăn và giải pháp được tìm ra trong quá trình đi lát cắt và vẽ sơ đồ mặt cắt hiện tại, cán bộ PRA tạo điều kiện cho người dân thảo luận những dự kiến hoạt động trong tương lai và mô tả lên sơ đồ mặt cắt trong tương lai.

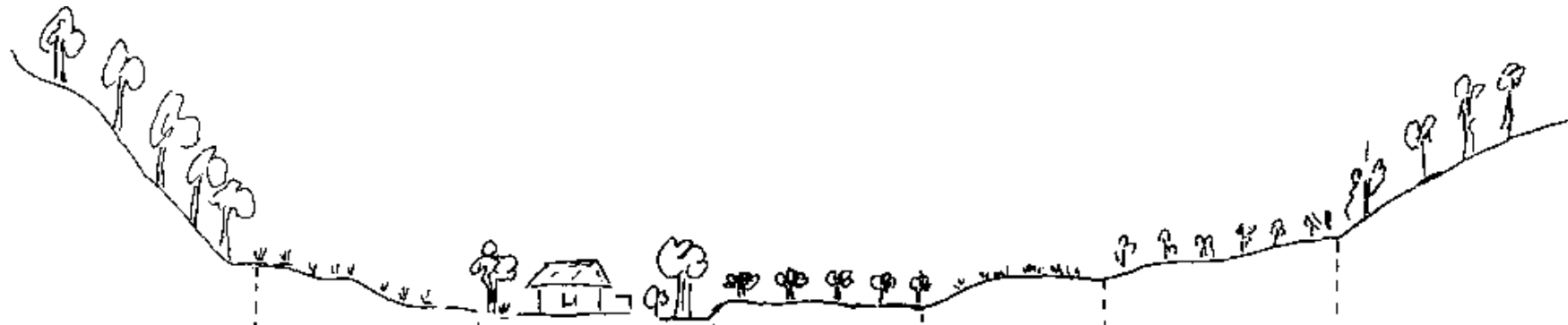
Thông thường sơ đồ mặt cắt tương lai thể hiện thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi các phương thức canh tác sẽ được thực hiện trong tương lai. Nông dân cũng cần phải chỉ ra những sức ép và cơ hội nội tại cho việc hiện thực hoá dự định của họ.

(4) Vai trò của cán bộ PRA

Nhóm công tác PRA có chuyên môn khác nhau có nhiệm vụ giải thích thật rõ cho nông dân về mục đích, ý nghĩa và phương pháp tiến hành.

Kết hợp sử dụng nhiều kỹ thuật PRA như phỏng vấn linh hoạt, quan sát, lắng nghe tích cực, ghi chép và tổng hợp... để thúc đẩy người dân thảo luận, phân tích, đánh giá và đề ra được những giải pháp trong tương lai.

Hình 2.3 : Ví dụ về sơ đồ mặt cắt của thôn Nậm Ty, xã Nậm Ty, huyện Hoàng Su Phì



	Rừng tự nhiên	Ruồng bậc thang	Vườn nhà	Nương chè	Đất trồng	Nương rẫy	Rừng trồng
Điều kiện tự nhiên	Đất màu đen, con tốt, pha sỏi, hơi chua	Đất màu vàng dày 25cm, xấu hơi chua	Đất dày 25 cm, màu đen pha cát, sỏi, xấu, hơi chua, dốc 25 độ	Đất màu đen xám, dày 35 cm, con tốt, chua, độ dốc cao	Đất màu vàng nhạt dày 20 cm, xấu, bạc màu, chua, dốc lớn	đất pha cát sỏi, xấu, chua, độ dốc cao	
Tổ chức quản lý	Đã giao cho các HGD Các loài cây chính. Quế, kháo, sỏi, vầu	Độc canh lúa, trồng 1 vụ, năng suất 2 tạ/ha. Một số diện tích trồng ngô cho năng suất 5 tạ/ha	Cây ăn quả chủ yếu: đào, mận, hồng, bưởi, vầu, chuối. Chưa có quy hoạch, gia súc thả rông	Chè cổ thụ cho NS thấp, chất lượng kém do chế biến. Các HGD quản lý	bỏ hoang nhiều cỏ dại và cây bụi	Phụ thuộc vào tự nhiên, Trồng ngô, sắn, đậu. Bị xói mòn, năng suất thấp, giống địa phương	Chất lượng kém, phụ thuộc vào thiên nhiên
Khó khăn	Thiếu cây lâm nghiệp có giá trị cao và kỹ thuật trồng	Không chủ động nước tưới, thiếu giống có NS cao, ít bón phân chuồng	vườn nhỏ thiếu giống cây con tốt, kỹ thuật trồng và chăm sóc kém	Kỹ thuật chế biến kém, thiếu nơi tiêu thụ, thiếu phân bón		Thiếu giống tốt, phân bón, xói mòn mạnh	
Mong muốn	Trồng hồi, quế, hồng, sa mộc, thông	tăng năng suất	Có vườn rộng và đầu tư	Mở rộng diện tích trồng và chế biến, tiêu thụ	Phủ xanh bằng cây thức ăn gia súc	Trồng cây cải tạo đất, chống xói mòn	
Giải pháp	Quy hoạch sử dụng đất xây dựng quy ước bảo vệ rừng, hướng dẫn kỹ thuật	Cải tạo hệ thống thủy lợi nhỏ, trồng thử nghiệm giống lúa và ngô mới, đào tạo kỹ thuật, tăng cường bón phân	Thiết kế vườn, cung cấp cây giống	Huấn luyện kỹ thuật chế biến, giới thiệu thị trường tiêu thụ		Cung cấp giống mới và huấn luyện kỹ thuật	

Công cụ 6: Phân tích lịch mùa vụ

(1) Mục đích và ý nghĩa

Lập biểu đồ mùa vụ hay phân tích lịch mùa vụ là công cụ quan trọng cho việc đánh giá tiềm năng và kinh nghiệm canh tác của thôn, bản để lập kế hoạch các hoạt động sản xuất của thôn, bản trong tương lai. Công cụ này cho phép xác định mùa vụ gieo trồng theo từng nơi và có quan hệ chặt chẽ với các điều kiện thời tiết khí hậu ở nơi đó. Công cụ này còn là cơ sở để xác định mức độ sử dụng lao động và huy động các nguồn lực của thôn, bản trong mối quan hệ với thời gian, thời tiết trong năm cho các hoạt động sản xuất.

(2) Nội dung

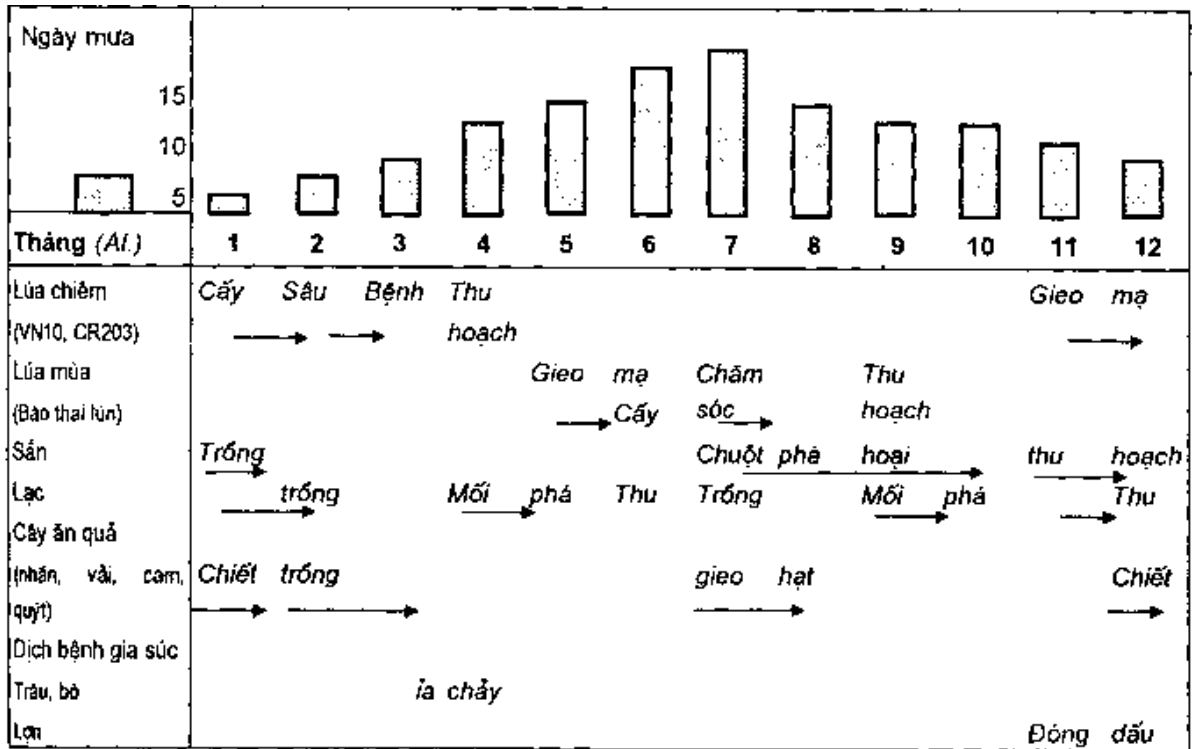
Lịch mùa vụ được chính nông dân sống trong thôn, bản phân tích, thông qua đó người dân xây dựng được biểu đồ lịch mùa vụ cho các lĩnh vực khác nhau như:

- Lịch mùa vụ đối với trồng trọt,
- Lịch mùa vụ đối với chăn nuôi,
- Lịch mùa vụ đối với các hoạt động lâm nghiệp,
- Lịch mùa vụ đối với các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng,
- Lịch mùa vụ đối với các hoạt động tín dụng...

Có thể tổ chức các nhóm cả nam và nữ hoặc nhóm nam, nhóm nữ để xem xét sự quan tâm của mỗi nhóm đối với các yếu tố trong quan hệ với thời tiết, khí hậu trong năm. Biểu đồ lịch mùa vụ là kết quả của quá trình phân tích lịch mùa vụ. Biểu đồ này cho thấy một bức tranh chung nhưng khá chi tiết của các yếu tố trong thôn, bản trong mối quan hệ với thời tiết, đồng thời khả năng huy động các nguồn lực của cộng đồng. Từ đó có thể lập kế hoạch phát triển cho thôn, bản.

Biểu đồ lịch mùa vụ gồm trục thời gian được mô tả 12 tháng trong năm theo âm lịch (hình 2.4).

Hình 2.4. Ví dụ về biểu đồ lịch mùa vụ của thôn Quyết tiến, xã Định Quả huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú



- Phần trên trục thời gian được nông dân mô tả các nhân tố chủ yếu của thời tiết, khí hậu: như lượng mưa, độ nóng theo các tháng hoặc mô tả các sự kiện thời tiết như: gió, bão, lụt. Bằng phương pháp so sánh giữa các tháng nông dân dễ dàng thống nhất đánh giá các yếu tố khí hậu, thời tiết.
- Phần dưới trục thời gian được nông dân mô tả các nhân tố mà họ quan tâm như: lịch gieo trồng của các loài cây chính, các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, lịch sử dụng lao động, lịch thu nhập và chi tiêu, lịch sâu bệnh, bệnh tật...

Người nông dân phân tích từng nhân tố và theo kinh nghiệm nhiều đời họ dễ dàng đưa ra lịch mùa vụ thực tế tại thôn, bản mình.

Từ những phân tích, đánh giá trên họ tự rút ra những khó khăn đang gặp phải và đề ra các biện pháp giải quyết (xem hình 2.4).

(3) Thời gian và phương pháp tiến hành

Công cụ phân tích lịch mùa vụ thường được thực hiện vào ngày thứ 2 tại thôn trong đợt PRA. Thời gian cần thiết để thực hiện công cụ này thường kéo dài từ 2,5 đến 3 giờ. Quá trình phân tích lịch mùa vụ bao gồm các bước sau:

- Thành lập nhóm nông dân tiến hành phân tích lịch mùa vụ. Tùy theo mục đích có thể thành lập một nhóm hỗn hợp cả nam và nữ hoặc 1 nhóm nam, 1 nhóm nữ. Mỗi nhóm gồm 5-7 nông dân có kinh nghiệm trong sản xuất.

- Địa điểm thực hiện nên chọn tại một nơi rộng rãi đi lại thuận lợi để có nhiều người có khả năng tham gia.
- Các vật liệu như: phấn viết, giấy khổ lớn, bút viết và các vật liệu khác cần được chuẩn bị đầy đủ. Huy động nông dân thu lượm các vật liệu có sẵn như các viên sỏi, đá, hạt cây, các que nhỏ... để phục vụ cho đánh giá.
- Cán bộ PRA giải thích thật rõ mục đích, ý nghĩa và các bước tiến hành thực hiện như sau:
 - Cán bộ PRA mô tả và giải thích trên nền khung của biểu đồ lịch mùa vụ (nếu cần thiết cán bộ PRA vẽ giúp)
 - Cán bộ PRA đặt câu hỏi mở về nhân tố thời tiết, khí hậu trong thôn, bản.
 - Hướng dẫn hoặc làm mẫu việc xác định các nhân tố thời tiết theo tháng, cách sử dụng các vật liệu đơn giản bằng phương pháp so sánh.
 - Tạo điều kiện nông dân tự xác định các nhân tố và tranh luận, cán bộ PRA lắng nghe ghi chép.
 - Đề nghị nông dân phân tích các hoạt động theo mùa vụ trong năm. Cán bộ PRA có thể làm mẫu cách phân tích và xác định thời gian thực hiện các hoạt động.
 - Trong quá trình phân tích luôn đặt câu hỏi vì sao và tạo điều kiện cho nông dân suy nghĩ liên hệ với các hoạt động khác. Cán bộ PRA phải ghi chép tất cả ý kiến tranh luận của nông dân.
 - Cán bộ PRA đề nghị và tạo điều kiện nông dân nêu lên những khó khăn và cách khắc phục
 - Tổng hợp kết quả phân tích và vẽ biểu đồ lịch mùa vụ lên giấy khổ to.

Công cụ 7: Phân loại hộ gia đình (HGD)

(1) Mục đích, ý nghĩa

Phân loại hộ gia đình là một công cụ PRA được sử dụng nhằm đánh giá tình hình kinh tế HGD. Kết quả phân loại HGD nhằm mục đích:

- Làm cơ sở cho việc hỗ trợ giúp đỡ của các chương trình, dự án cho từng đối tượng hộ gia đình.
- Phục vụ cho việc giám sát, đánh giá và ảnh hưởng của các chương trình, dự án trong những năm tiếp theo.
- Xây dựng bản đồ xã hội, từ đó lựa chọn hộ để điều tra, phỏng vấn kinh tế hộ.

(2) Cơ sở của phân loại HGD

Giàu nghèo là một khái niệm tương đối và rất khác nhau ở từng cộng đồng, thôn, bản. Làm thế nào để người dân đánh giá, phân loại, từ đó làm cơ sở cho dự án hỗ trợ, giúp đỡ phù hợp

với từng loại hộ. Công cụ phân loại hộ rất đơn giản vì nó không áp đặt về các tiêu chuẩn mà dựa trên sự hiểu biết, quan sát thực tế giữa người nọ với người kia trong cộng đồng. Người dân có thể dùng phiếu để phân loại dựa theo tiêu chuẩn (căn cứ) mà họ đạt ra.

(3) Nội dung của phân loại HGĐ

- Dùng các tờ phiếu đã được ghi tên của các chủ hộ trong thôn, bản để một số nông dân phân loại theo các nhóm bằng phương pháp so sánh.
- Xây dựng bảng tiêu chuẩn (căn cứ) phân loại.

(4) Thời gian và phương pháp tiến hành

Công cụ phân loại HGĐ được thực hiện vào ngày thứ 2 hoặc thứ 3 của đợt PRA tại thôn, bản. Phương pháp phân loại HGĐ gồm các bước tiến hành sau:

- Thành lập nhóm cán bộ PRA thực hiện công cụ phân loại HGĐ gọi là nhóm phỏng vấn phân loại HGĐ.
- Có thể thành lập 2-3 nhóm, mỗi nhóm gồm 2-3 cán bộ PRA và một cộng tác viên hay thông tin viên chính của thôn, bản. Nhóm này phân công 1 cán bộ phỏng vấn, 1 cán bộ ghi chép và thông tin viên làm nhiệm vụ dẫn đường, liên hệ với các HGĐ.
- Mỗi nhóm chuẩn bị 1 bộ phiếu, trên mỗi phiếu được đánh số thứ tự và ghi tên các chủ hộ có trong thôn, bản (xem ảnh 13).
- Chuẩn bị bản danh sách các chủ hộ theo số thứ tự ghi trên phiếu
- Lựa chọn 6-10 HGĐ trong thôn để tiến hành phỏng vấn.

Cần chú ý một số điểm sau:

- Phỏng vấn riêng biệt từng người một
- Điều kiện cơ bản là những người được phỏng vấn phải biết rõ tất cả các HGĐ trong thôn, bản.
- Nếu số lượng HGĐ quá lớn hoặc nằm cách xa nhau và không biết rõ nhau thì phải phân loại HGĐ ở phạm vi xóm hay cụm dân cư.
- Những người được phỏng vấn bao gồm cả nam và nữ.

- Cộng tác viên dẫn nhóm PRA đến gia đình người được phỏng vấn.
- Chào hỏi, giới thiệu và làm quen, nói rõ mục đích đến gia đình và đề nghị của nhóm.

Hướng dẫn chủ hộ cách phân loại (làm mẫu nếu cần thiết)

Cần chú ý một số điểm sau:

- Dùng phương pháp so sánh các lá phiếu đã ghi tên các chủ hộ để xếp ra các nhóm khác nhau, nếu các HGĐ có điều kiện kinh tế như nhau (theo cách hiểu của nông dân) thì xếp vào một nhóm, nếu khác nhau thì xếp vào các nhóm khác. Số lượng các nhóm không qui định.
- Trong lúc nông dân phân loại cán bộ PRA không gợi ý, chỉ có thể giải thích cách phân loại nếu cần thiết.
- Sau khi nông dân phân loại xong, cán bộ PRA thấy nhóm phiếu nào có số lượng > 40% tổng lượng phiếu thì tiếp tục đề nghị họ cân nhắc phân nhóm phiếu đó ra làm 2, để đảm bảo không có nhóm phiếu nào có số lượng phiếu \geq 40%.
- Không nên dùng các từ giàu nghèo cho các nhóm phiếu mà chỉ dùng nhóm hộ I, II, III ...

- Sau khi phân loại xong, cán bộ PRA đề nghị giải thích tiêu chuẩn (căn cứ) phân loại. Nên dùng câu hỏi tại sao.
- Cán bộ PRA ghi kết quả phân loại vào bản danh sách và tiêu chuẩn (căn cứ) phân loại.
- Nói lời cảm ơn và chào từ biệt.
- Tổng hợp tiêu chuẩn (căn cứ) phân loại chung của thôn, bản
- Các nhóm phỏng vấn phân loại HGĐ tiến hành tổng hợp và tính toán kết quả

Bảng 2.2. Ví dụ về bảng tổng hợp tiêu chuẩn (những căn cứ) phân loại HGD thôn Tặc Tè, xã Nậm Lành, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

Nhóm hộ I	Nhóm hộ II	Nhóm hộ III	Nhóm hộ IV
Hàng năm thừa lương thực	Lương thực thừa 1 tháng	Thiếu ăn từ 3-4 tháng	Có năm thiếu ăn 5-6 tháng
Trâu có 2-5 con, có lợn nái (2 con)	Trâu 1-2 con, nuôi lợn nái	Một số HGD có trâu và lợn nái	Không có trâu, có lợn, nuôi cá
Có 3-4 lao động, đất đai rộng, có rừng quế, nương rộng	2-3 lao động, diện tích trồng quế ít	2 lao động, diện tích quế ít	1-2 lao động
Có nhiều kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, biết tính toán.	Có kinh nghiệm chăn nuôi	Không có kinh nghiệm làm ăn nhiều	Không biết làm ăn, chưa thực sự chịu khó
Nhà cửa chắc chắn, tiện nghi đầy đủ, nhiều nhà có tiền gửi tiết kiệm, máy phát điện, máy vô tuyến	Nhà cửa chắc chắn, có máy phát điện, tiện nghi khá đầy đủ, một số có máy vô tuyến	Nhà cửa tạm ổn, chưa có nhiều tiện nghi có giá trị, thiếu công cụ sản xuất	Nhà ở tạm, thiếu đồ dùng sinh hoạt, thiếu công cụ sản xuất

**Bảng 2.3. Ví dụ về kết quả phân loại HGĐ Bản Pác Bó
Nguyên Bình tháng 1 năm 1996**

Stt	Họ và tên chủ hộ	Người phân loại						Điểm trung bình (IX)	Nhóm
		A	B	C	D	E	F		
1	Hoàng Văn Thanh	100	100	100	67	100	100	95	I
2	Nông Dương Bản	75	50	50	34	75	75	59	III
3	La Văn Túc	75	50	50	34	50	50	51	III
4	Hoàng Văn Thuý	100	100	100	67	100	100	95	I
5	Nông Dương Phong	75	50	50	34	75	50	55	III
6	Hoàng Văn Hoà	100	75	100	100	100	75	91	I
7	La Văn Thiết	25	25	50	34	50	25	34	IV
8	Hoàng Văn Li	100	100	100	100	100	100	100 (Xmax)	I
9	Hoàng Văn Tín	25	50	50	34	25	25	34	IV
10	Hoàng Văn Tuấn	75	75	75	100	75	50	75	II
11	Hoàng Văn Thắng	75	75	75	100	25	25	62	III
12	Hoàng Văn Công	50	75	100	100	50	75	75	II
13	Hoàng Văn Đô	75	75	75	100	75	50	75	II
14	Hoàng Văn Tiên	100	75	100	67	75	50	77	II
15	Hoàng Văn Cầu	100	100	100	100	100	100	100	I
16	Hoàng Văn Cương	50	75	75	100	75	50	70	II
17	Hoàng Văn Hà	50	50	75	100	25	75	62	III
18	Hoàng Văn Hải	100	75	100	100	50	50	79	II
19	La Văn Tú	75	75	75	100	50	50	70	II
20	Hoàng Văn Lượng	50	50	50	34	50	50	47	III
21	Phùng Văn Quẩy	25	25	25	34	50	25	30	IV
22	Hoàng Văn Dũng	25	25	25	67	50	25	36	IV
23	Lý Thuỷ Tông	25	25	50	67	25	25	36	IV
24	Lý Mùi Phan	25	25	25	34	25	25	26 (Xmin)	IV
25	Hoàng Văn Học	25	25	50	67	50	25	40	IV

Stt	Họ và tên chủ hộ	Người phân loại						Điểm trung bình (IX)	Nhóm
		A	B	C	D	E	F		
26	Hoàng Văn Hợi	25	50	50	67	25	25	40	IV
27	Hoàng Văn Hiên	25	25	25	67	25	25	32	IV
28	Lý Văn Thim	50	50	75	67	50	75	61	III
29	Hoàng Văn Hoan	25	25	25	67	25	25	32	IV
	Nhóm	4	4	4	3	4	4		

Bảng 2.4. Phương pháp quy điểm

(Tổng số điểm là 100 việc tính điểm cho mỗi HGD theo bảng sau:)

Số nhóm	Điểm chênh lệch giữa các nhóm	I	II	III	IV	V	VI	VII
3	$100:3=33$	100	67	33				
4	$100 : 4 = 25$	100	75	50	25			
5	$100 : 5 = 20$	100	80	60	40	20		
6	$100 : 6 = 17$	100	83	66	50	34	17	
7

Tính điểm xếp loại

- Chú ý đến số nhóm được phân: theo ví dụ trên, 6 người tham gia phân loại thì có 5 người phân 4 nhóm, 1 người phân 3 nhóm. Vậy có thể cho rằng địa phương có 4 nhóm HGD khác nhau.
- Tính điểm chênh lệch bình quân giữa các nhóm: $(X_{\max} - X_{\min}) : \text{Số nhóm HGD}$

Theo ví dụ trên điểm chênh lệch giữa các nhóm là: $(100 - 26) : 4 = 18$

- Tính khoảng điểm của các nhóm.

Nhóm I: những HGD có số điểm từ : $82 \div 100$

Nhóm II: những HGD có số điểm từ : $63 \div 81$

Nhóm III: những HGD có số điểm từ : $44 \div 62$

Nhóm IV: những HGD có số điểm từ : $26 \div 43$



9. Nhóm công tác PRA đánh giá hiện trạng đất để lập kế hoạch sử dụng cho trồng rừng



10. Nhóm công tác PRA đánh giá thực trạng rừng trồng



11. Bảng công cụ cho điểm để đánh giá và xác định, lựa chọn cây ăn quả có giá trị cho cộng đồng



12. Dùng công cụ cho điểm để đánh giá và xác định các loài cây trồng lâm nghiệp cho cộng đồng

Công cụ 8: Phân tích kinh tế hộ gia đình

(1) Mục đích

Là một công cụ PRA nhằm phân tích kinh tế HGĐ trong thôn, bản, phân tích các tiềm năng của các HGĐ theo các nhóm hộ khác nhau để làm cơ sở cho việc hỗ trợ, giúp đỡ của dự án cũng như thu hút sự đóng góp vào các hoạt động của dự án phù hợp với điều kiện kinh tế của từng HGĐ.

(2) Nội dung của phỏng vấn HGĐ

- Phỏng vấn tình hình chung của HGĐ.
- Phỏng vấn để xác định các hoạt động sản xuất chủ yếu và vẽ sơ đồ các hoạt động sản xuất HGĐ (hình 2.5).
- Phân tích kinh tế HGĐ (xem bảng 2.6)
- Kiểm tra kết quả phân loại hộ và chỉ tiêu phân loại hộ.

Hình 2.5. Ví dụ về sơ đồ phỏng vấn HGĐ

Chủ HGĐ: Hoàng Phúc Quảng Nhóm hộ III Dân tộc : Tuổi Thôn Tạc Tề, xã Nậm Lành, huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái Thông tin cơ bản của HGĐ: 8 khẩu, 3 lao động	Người phỏng vấn: Thời gian phỏng vấn:
Sơ đồ phỏng vấn HGĐ	
<i>(vẽ bằng tay theo mẫu)</i>	

Bảng 2.6. Ví dụ về bảng phân tích kinh tế HGĐ

Họ và tên chủ hộ: Hoàng Phúc Quảng			Thông tin cơ bản của gia đình:			
Nhóm hộ : III			Số nhân khẩu : 8 (5 nam, 3 nữ)			
Thôn : Tạc Tè			Số lao động : 3			
Xã: Nậm Lành						
Huyện: Văn Chấn, tỉnh Yên Bái						
Nguồn thu	Thu bằng		Chi		Cân đối	Giải pháp
	Hiện vật	Tiền (đ)	Hiện vật	Tiền (đ)		
I. Lương thực						
- Lúa ruộng 1 vụ	240 kg				Thiếu	Khai thác lâm sản bán lấy tiền mua lương thực
- Lúa nương	600 kg		1200kg			
- Sắn	500 kg		Ăn + chăn nuôi			
II. Nguồn thu khác						
- 1 Lợn nái	Đang nuôi		Cần đầu tư bằng tiền để mua thức ăn và tận dụng thức ăn thừa		Đủ, nhưng một số năm thiếu	Một số năm có thu từ chăn nuôi để cho sinh hoạt
- 2 con gà	Đang nuôi					
- 300 gốc quế	Mới trồng					
- 8 cây mận	Mới trồng					
- 8 cây nhãn	Mới trồng					
III. Nghề phụ						
- Đóng cày bừa để bán (Bq. 25 cái/năm)		25 x 25.000 = 625.000đ		Cho chi tiêu sinh hoạt hàng năm	Không đủ	
- Khai thác lâm sản		Khó thống kê				

(3) Thời gian và phương pháp tiến hành

Công cụ phỏng vấn HGD được thực hiện sau khi tiến hành phỏng vấn phân loại HGD và xây dựng bản đồ xã hội (nếu có, xem ảnh 14).

Thông thường phỏng vấn HGD được thực hiện vào ngày thứ 3 của đợt thực hiện PRA và thực hiện theo các bước sau:

- Thành lập các nhóm phỏng vấn HGD:

Có thể thành lập 2-3 nhóm, mỗi nhóm có ít nhất 2 cán bộ PRA và 1 cộng tác viên chính của thôn, bản (xem ảnh 15). Nhóm này phân công rõ nhiệm vụ: 1 cán bộ PRA làm nhiệm vụ phỏng vấn và hướng dẫn; 1 cán bộ PRA ghi chép, tổng hợp; cộng tác viên thôn, bản làm nhiệm vụ liên hệ với các HGD và dẫn đường.

- Công việc chuẩn bị

- Các nhóm rà soát lại nội dung phỏng vấn HGD, chuẩn bị các mẫu hay danh mục kiểm tra, chuẩn bị vật dụng để vẽ...
- Lựa chọn từ 15% đến 20% HGD của mỗi nhóm hộ để phỏng vấn. Những HGD được lựa chọn phỏng vấn được xác định trên bản đồ xã hội (nếu có) sao cho phân bố đều trong toàn thôn và cơ cấu ngành nghề.

- Các bước tiến hành phỏng vấn tại HGD

- Tổng hợp tình hình kinh tế HGD theo nhóm hộ. Chào hỏi, giới thiệu và tạo mối quan hệ.
- Nói rõ mục đích của cuộc viếng thăm gia đình.
- Vào đề cuộc phỏng vấn thật tự nhiên, đảm bảo người dân không cảm thấy bị thẩm vấn.
- Thảo luận các hoạt động sản xuất của gia đình: vẽ sơ đồ hoạt động sản xuất hiện tại, thảo luận kỹ từng hoạt động sản xuất, đưa ra khó khăn, giải pháp hiện nay, vẽ sơ đồ và thảo luận các hoạt động sản xuất trong năm tới, những khó khăn và cách khắc phục.
- Thảo luận về tình hình kinh tế HGD: đề nghị gia đình tự phân tích kinh tế theo bảng 2.6.

- Tổng hợp tình hình kinh tế hộ:

Sau khi các nhóm phỏng vấn HGD mỗi nhóm hộ cần được tổng hợp theo các nội dung sau:

- Những nét tổng quát tình hình gia đình: nhân khẩu, lao động, nghề nghiệp, trình độ và kinh nghiệm sản xuất, sức khỏe, vị trí của HGD...
- Những nét chủ yếu trong tổ chức sản xuất: các hoạt động sản xuất chủ yếu, quỹ đất canh tác và cơ cấu, tổ chức lao động, những thuận lợi, khó khăn và đề nghị, hướng phát triển sản xuất trong tương lai.
- Những nét chủ yếu từ phân tích kinh tế HGD: Đầu tư, thu nhập, chi tiêu, những khó khăn và đề xuất.

Phân tích kinh tế hộ gia đình (xem ảnh 16) cần tập trung vào hai lĩnh vực chủ yếu sau:

- 1) An toàn lương thực (cân đối lương thực trong hộ gia đình),
- 2) Thu nhập tiền mặt (cân đối thu chi trong hộ gia đình).



13. Dùng phiếu để người dân phân loại hộ gia đình, một công cụ của PRA



14. Sơ đồ xã hội thôn Thang Lợi, xã Nam Dịch, Hàng Su Phì



15. Nhóm công tác PRA thực hiện công cụ phỏng vấn để tìm hiểu kinh tế hộ gia đình, chủ yếu là về cân đối lương thực và cân đối tiền mặt

Thôn Thôn 101

PHÂN TÍCH KINH TẾ HỘ . LOẠI 3, xã Hòa Dịch
TÊN HỘ : Vương Văn Lương, 7 khẩu, 2 lao động
TRÌNH ĐẠY : Hoàng Văn Thanh?

MUỐN THƠ	THU	CHI	CÂN ĐỐI
Lương thực		1000 kg	Thiếu 400kg (ĐI VAY)
Ruộng bãi hoang	450 kg		
NỎ Đ	450		
SẢN	1000 kg	nấu KHAI - nấu LÊN	đủ
ĐẶN TƯỜNG	440 kg	ĂN	đủ
CHẤM NƯỚC			
TRAI	2 CON	ĂN VÀ BÁN	đủ cần
GÀ	30 kg		
CÁ	30 kg	đủ	
LÒN	2 CON	MỎ - ĐỒN	Tam đủ
ĐÈ	4 CON		

TIỀN MẶT	THU	CHI
BÁN ĐÈ 1 CON	220.000 đ	MUA THAI PHÂN : 500.000 đ
BÁN LÒN	240.000 đ	CHI SẠM SÁT : 50.000 đ
CÁ 3 KG	30.000 đ	MUA QUẢ TIA ĐEP : 2.000.000 đ
CHÈ 1 CON	80.000 đ	ĐỒNG THỦY ĐAI : 70.000 đ
CHÈ 30 KG	120.000 đ	HIỆN HÌ : 50.000 đ
RƯỢI 40 CHAI	120.000 đ	CHAI KHẮC : 100.000 đ
DẦU TRÈ	80.000 đ	
LÀM THỦY	100.000 đ	
CỘNG	990.000 đ	970.000 đ

CÔNG VIỆC

- Muối nước, - dùng muối, phân bón
- Công lao nhà máy, công nhân
- Trồng trọt, chăn nuôi, tập thể
- Trồng trọt cây, làm ruộng, công nhân
- Hết công, phân bón của nhà
- Tập thể, kỹ thuật trồng lúa, công nhân
- VỀ CÔNG VIỆC

CÔNG VIỆC, TỰ LÀM

- Các hoạt động
- Tập thể, công nhân, công nhân
- Vườn cây, công nhân
- Tập thể, công nhân, công nhân
- Phụ thuộc kỹ thuật, công nhân
- Hết công, kỹ thuật, công nhân

16. Một ví dụ về phân tích kinh tế hộ gia đình

Công cụ 9: Phân loại, xếp hạng cho điểm

(1) Mục đích của phân loại, xếp hạng và cho điểm

Phân loại, xếp hạng và cho điểm là một công cụ của PRA để người dân đánh giá xác định mức độ cần thiết, ưa thích và ưu tiên trong quản lý tài nguyên cây con vật nuôi hay các hoạt động khác có liên quan.

Bằng kết quả phân loại, xếp hạng và cho điểm người dân có thể làm căn cứ để xây dựng được các hoạt động phù hợp với điều kiện địa phương và mong muốn của họ.

(2) Một số nguyên tắc của công cụ phân loại, xếp hạng và cho điểm

- Đảm bảo tính thực tế của địa phương và sự hiểu biết của cộng đồng.
- Nhiều đối tượng tham gia: cá nhân, nhóm sở thích, nhóm nam giới, nhóm nữ giới.
- Sử dụng tổng hợp các kỹ thuật có sự tham gia của người dân: Phỏng vấn bán định hướng, biểu đồ hay trực quan, thảo luận nhóm...

(3) Các đối tượng phân loại, xếp hạng và cho điểm

- Cây lâm nghiệp (xem ảnh 12)
- Cây ăn quả (xem ảnh 11)
- Cây nông nghiệp
- Cây công nghiệp
- Vật nuôi
- Sử dụng lâm sản
- Hoạt động tín dụng...

(4) Phương pháp chủ yếu trong phân loại, xếp hạng và cho điểm

Sử dụng phương pháp ô vuông la tinh hay gọi là phương pháp ma trận.

Thiết lập một bảng ô vuông gồm:

- Các ô vuông trên cùng hàng ngang của bảng để liệt kê các đối tượng để phân loại đánh giá cho điểm.
- Các ô vuông bên trái hàng dọc của bảng để liệt kê các tiêu chuẩn phân loại đánh giá (trừ ô đầu tiên góc trái)
- Các ô nằm giao giữa các ô liệt kê đối tượng và ô liệt kê tiêu chuẩn dùng để đánh giá cho điểm.
- Các ô vuông cuối cùng hàng ngang dùng để đánh giá lựa chọn các chỉ tiêu khác, ví dụ: lựa chọn ưu tiên (xem bảng 2.7).

Phương pháp này cho phép nông dân cùng bàn luận, trao đổi, tranh luận những lý do vì sao mà họ quyết định phân loại, cho điểm cho từng đối tượng (Phân loại, đánh giá, cho điểm cái gì / tiêu chuẩn nào được đưa vào để làm căn cứ đánh giá...).

Bảng 2.7. Ví dụ về phân loại xếp hạng và cho điểm cây ăn quả của thôn Quyết Tiến, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú

Chỉ tiêu đánh giá	Loài cây							
	Vải	Nhãn	Chanh	Cam	Quýt	Bưởi	Hồng hạt	Na dai
Giá trị kinh tế cao	9	10	5	8	8	5	9	7
Dễ trồng	10	10	10	7	7	10	6	7
Nguồn giống sẵn có, dễ trồng	2	5	10	5	3	8	2	4
Ít bị sâu bệnh	10	10	5	6	7	9	10	10
Vốn đầu tư ít	3	3	10	5	5	8	5	8
Dễ tiêu thụ	10	10	5	8	8	6	8	7
Xuất khẩu tốt	8	10	0	0	0	0	0	0
Giả sử được trồng 100 cây	30	30	10	10	10	0	0	10
Thuận lợi	Đất đai nhiều, vườn rộng, nhiều lao động, điều kiện tưới tiêu tốt							
Khó khăn	Những hộ nghèo thiếu vốn và cây giống tốt. Sâu bệnh nhiều (chủ yếu là sâu đục thân), thiếu hiểu biết về sâu bệnh và cách phòng trừ							
Hướng giải quyết	Quy hoạch lại vườn, trồng các cây có giá trị kinh tế cao : Vải thiều, Nhãn lồng Hưng Yên, na dai, cam đường, quýt...							
Những thuận lợi	Trong thôn đã có một số giống cây như bưởi, cam, nhãn chanh. Trong xã có một số mô hình vườn tốt.							

Hướng dẫn cơ bản (ví dụ: phân loại, xếp hạng và cho điểm cây ăn quả)

- Đề nghị nông dân liệt kê các loài cây ăn quả chủ yếu hiện có trong thôn, bản của mình (có thể viết tên, ký hiệu, tốt nhất là lấy lá cây đó để vào ô của cây đó)
- Thảo luận nhanh với nông dân về tiêu chuẩn đánh giá dựa vào nhận thức của họ (không nên gợi ý)
- Viết từng tiêu chuẩn đánh giá ở ô bên trái hàng dọc: nên viết theo chiều thuận VD: dễ trồng, dễ mua cây giống, bán nhiều tiền, dễ bán... (viết tiêu chuẩn nào, đánh giá cho điểm tiêu chuẩn đó)
- Giải thích cho nông dân cách cho điểm: so sánh giữa các cây với nhau họ thảo luận và cân nhắc để cho điểm bằng: hạt ngô, viên sỏi, hay viết bằng số. Tốt nhất cho 10 điểm, kém nhất cho 0 điểm
- Cán bộ hướng dẫn sẽ phỏng vấn, sử dụng câu hỏi vì sao, nông dân trả lời, cán bộ ghi chép
- Hướng dẫn nông dân 1 trường hợp giả định: Nếu bác chỉ được phép trồng 100 cây thì bác chọn những cây nào và mỗi cây là bao nhiêu?
- Đề nghị nông dân cho xếp loại ưu tiên từng loài cây chính.

Ghi chú: Điểm nông dân cho từng loài cây được coi là 1 công cụ để khuyến khích người dân tranh luận và giải thích câu hỏi vì sao. Cho nên cần tạo điều kiện để nông dân phân tích, lý giải rõ ràng.

(5) Thời gian và các bước tiến hành

Công cụ phân loại, xếp hạng và cho điểm thường được thực hiện vào ngày thứ 2 và thứ 3 trong đợt PRA, sau khi thực hiện các công cụ khác như đi lát cắt, phân tích mùa vụ... Công cụ này được tổ chức thực hiện theo các bước sau:

- Thành lập nhóm: tùy theo mục đích của PRA mà có thể thành lập các nhóm nông dân khác nhau như : nhóm nam, nhóm nữ, nhóm hỗn hợp. Các nhóm này thực hiện tách biệt nhau dưới sự hướng dẫn của cán bộ PRA.

Mỗi nhóm nông dân gồm: 5-7 người, họ là những người hiểu biết sâu sắc về tình hình thôn, bản.

Mỗi nhóm có ít nhất 2 cán bộ và 1 cộng tác viên thôn, bản được phân công: 1 hướng dẫn thực hiện công cụ, phỏng vấn và 1 ghi chép, cộng tác viên thôn giúp liên hệ, tổ chức và có thể huy động vào làm mẫu.

- Công tác chuẩn bị:

- Huy động nông dân và chuẩn bị các vật dụng, mẫu vật cần thiết.
- Chọn địa điểm thích hợp.
- Chuẩn bị phấn viết, giấy viết, bút...

- Thực hiện phân loại, xếp hạng, cho điểm

- Triệu tập nông dân đến địa điểm.
- Chào hỏi, giới thiệu, làm quen.
- Nêu rõ mục đích của cuộc gặp mặt.
- Thảo luận với nông dân về các đối tượng cần đánh giá phân loại.
- Hướng dẫn nông dân cách đánh giá (cán bộ PRA có thể vẽ mẫu bảng ô vuông lên sân hay nền đất)
- Tạo điều kiện nông dân đánh giá và thảo luận.
- Hướng dẫn nông dân phân tích những khó khăn và giải pháp.
- Sao chụp kết quả lên giấy khổ to hoặc giấy khổ A4 và tổng hợp ý kiến thảo luận của nông dân.
- Chuyển sang đánh giá đối tượng khác hoặc kết thúc buổi đánh giá
- Nên tiến hành công cụ này trên sân nhà hoặc trên sân nhà...bằng các vật liệu đơn giản sẵn có như phấn, than, sỏi, hạt, cành lá của cây, hình vẽ của các con vật

Công cụ 10: Phân tích tổ chức và xây dựng sơ đồ quan hệ của các tổ chức (sơ đồ VENN) với cộng đồng thôn bản

(1) Mục đích

Công cụ phân tích tổ chức và xây dựng sơ đồ quan hệ của các tổ chức tạo điều kiện thuận lợi, định hướng cho việc thảo luận của người dân nói lên tầm quan trọng khác nhau và ảnh hưởng của các tổ chức địa phương hiện tại đối với các hoạt động của thôn, bản.

Thông qua đó, có thể phát hiện những thay đổi cần thiết trong hoạt động của các tổ chức để đóng góp nhiều hơn, có hiệu quả hơn cho sự phát triển của địa phương, đặc biệt là yêu cầu của người dân đối với hoạt động của các tổ chức để tạo cơ hội hỗ trợ, giúp đỡ họ phát triển

(2) Nội dung

- Liệt kê các tổ chức mà người dân quan tâm, xác định chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức, đánh giá tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của các tổ chức đó đối với thôn, bản (xem bảng 2.8)
- Xây dựng sơ đồ quan hệ của các tổ chức còn gọi là sơ đồ VENN để mô tả tầm quan trọng và ảnh hưởng của các tổ chức đối với thôn, bản (Xem hình 2.6)

(3) Phương pháp thực hiện công cụ

Thành lập nhóm: một nhóm nông dân 5-7 người bao gồm nhiều thành phần: đại diện nông dân và các tổ chức đoàn thể của thôn, bản, một nhóm cán bộ PRA ít nhất 2 người hướng dẫn nông dân thực hiện công cụ và 1 cộng tác viên thôn, bản.

Chuẩn bị: Địa điểm thực hiện, các vật tư, vật dụng sẵn sàng, báo dân tham gia...

Thời gian và cách tiến hành: Công cụ phân tích tổ chức và xây dựng sơ đồ VENN được thực hiện vào ngày thứ 3 của đợt PRA. Công cụ này được thực hiện theo các bước:

- Chào hỏi, giới thiệu và làm quen.
- Nêu rõ mục đích của cuộc gặp mặt và đề nghị giúp đỡ.
- *Cán bộ hướng dẫn nông dân thực hiện công cụ bước 1:*

Liệt kê các tổ chức, xác định chức năng nhiệm vụ, tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng hiện nay của các tổ chức

Bảng 2.8. Ví dụ về đánh giá và phân tích các tổ chức liên quan đến thôn Quyết Tiến, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú

STT	Tên các tổ chức	Chức năng, nhiệm vụ	Tầm quan trọng	Tác dụng hiện tại đối với thôn
1	Tổ phổ cập thôn	Trực tiếp hướng dẫn phổ cập cho cộng đồng, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch định hướng phát triển của thôn. Thay mặt cộng đồng quan hệ với tổ chức có quan hệ với thôn để thực hiện.	Rất quan trọng đối với các hộ gia đình	Đã hỗ trợ kỹ thuật và vốn cho các hộ gia đình
2	Hội nông dân, phụ nữ và đoàn thanh niên và chi bộ thôn	Là các tổ chức gần gũi với cộng đồng trực tiếp thực hiện các chỉ đạo về sản xuất và phong trào sản xuất, KHKT, công tác bảo vệ cộng đồng. Là người tạo nên thành công của kế hoạch phát triển sản xuất - kinh tế - xã hội của cộng đồng.	Giữ vai trò quan trọng	Có một số hoạt động về chỉ đạo và tín dụng
3	UBND và HĐND xã	Trực tiếp theo dõi, giám sát, đôn đốc tổ PC thực hiện các kế hoạch của cộng đồng trong K.H của địa phương. Trực tiếp tham gia quản lý, phân phối cấp giấy quyền sử dụng đất cho nông dân đảm bảo tư cách pháp nhân cho tổ PC quan hệ với các tổ chức kinh tế - xã hội khác.	Có vai trò trọng lĩnh đạo và chỉ đạo sản xuất	Có tác dụng động viên nhân dân tham gia
4	Hạt kiểm lâm và khuyến nông huyện	Là tổ chức chỉ đạo trực tiếp và giúp đỡ cộng đồng các kiến thức KH-KT, về SX, chăn nuôi cây giống và các đầu tư khác như bảo vệ thực vật, công tác thú y. Trực tiếp quản lý chỉ đạo tổ PC về chuyên môn, cùng PCV phổ cập cho nông dân	Có tầm quan trọng trong công tác bảo vệ rừng	Kết hợp với dự án tỉnh giúp nhân dân
5	Dự án LNTT tỉnh và sở nông lâm	Là cơ quan quản lý dự án, trực tiếp giúp đỡ cộng đồng tham gia đánh giá nông thôn và đầu tư cho nông dân để phổ cập, thực hiện được các định hướng phát triển của thôn đến năm 2000	Có vai trò trong hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ vốn	Mở lớp huấn luyện, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ vốn tín dụng
6	Y tế giáo dục	Là tổ chức giúp đỡ cộng đồng chăm lo sức khỏe và học tập của con em		
7	Ngân hàng nhà nước	Là cơ quan giúp dân vay vốn để SX	Rất quan trọng	Cho vay vốn nhưng ít
8	Dân quân và hội cựu chiến binh	Là tổ chức liên quan tới cộng đồng, giúp đỡ cộng đồng về công tác kế hoạch bảo vệ sản xuất.		

Hướng dẫn cơ bản

- Cán bộ PRA vẽ lên mặt đất hoặc sàn và giải thích khung đánh giá bao gồm các cột: Tên các tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng
- Các cán bộ PRA đề nghị nông dân liệt kê các tổ chức hiện đang có trong địa phương. Sau khi liệt kê đề nghị nông dân khẳng định và lược bỏ bớt các tổ chức ít có quan hệ đến mục tiêu đánh giá
- Đề nghị nông dân thảo luận chức năng của từng tổ chức theo cách hiểu của họ và ghi vào cột
- Đề nghị nông dân đánh giá tầm quan trọng của từng tổ chức theo cách so sánh giữa các tổ chức với nhau: có thể dùng điểm hoặc dùng các tiêu chuẩn khác như: rất quan trọng, quan trọng, ít quan trọng và không quan trọng. Mỗi một tổ chức đề nghị nông dân cho biết lý do vì sao?
- Đề nghị nông dân đánh giá mức độ ảnh hưởng thực tế như cách đánh giá tầm quan trọng, nhưng yêu cầu giải thích và cho biết thật rõ: tổ chức đó đã làm được gì cho thôn, bản.

Ghi chú: cần phân biệt rõ 3 tiêu chuẩn đánh giá theo sự hiểu biết của người dân:

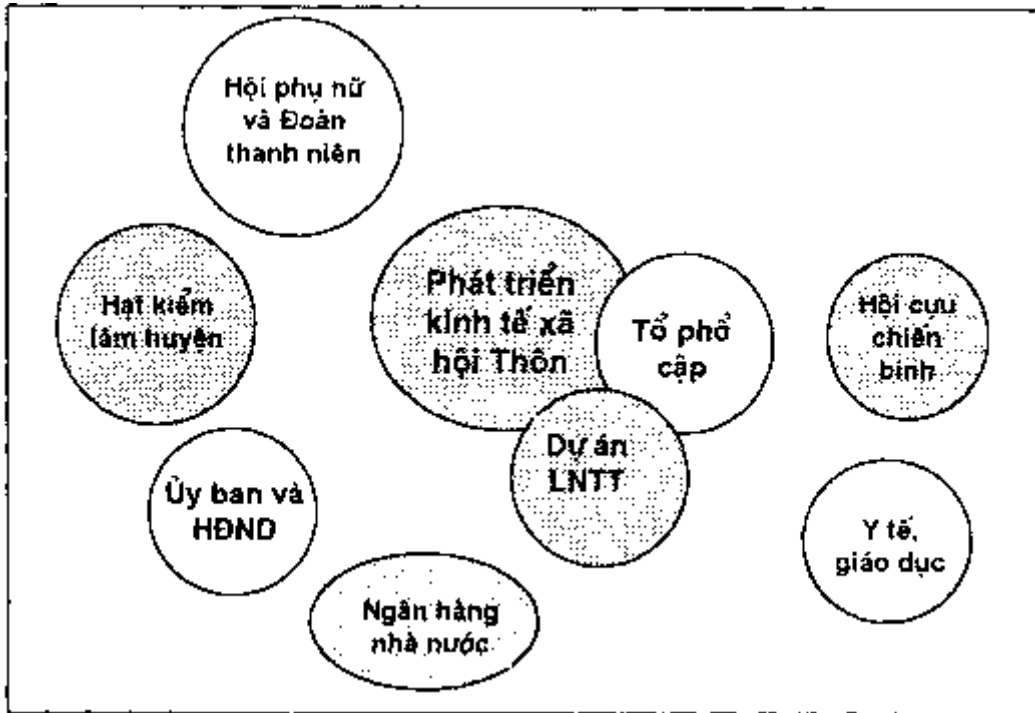
- **Chức năng nhiệm vụ:** Làm gì theo sự hiểu biết của người dân
- **Tầm quan trọng:** Có cần thiết hay không theo thực tế mà họ cảm nhận
- **Ảnh hưởng:** Đã làm được gì, theo thực tế mà người dân thấy

Cán bộ hướng dẫn nông dân thực hiện bước 2: Xây dựng sơ đồ VENN.

Sơ đồ VENN mô tả bản thân mỗi tổ chức và mối quan hệ giữa tổ chức đó đối với thôn, bản hoặc một lĩnh vực nào đó trong thôn, bản. Xây dựng sơ đồ VENN bao gồm 2 nội dung:

- Xác định lĩnh vực quan tâm: phát triển chung của thôn, bản, phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, thủy lợi...
- Thể hiện tầm quan trọng: Mỗi tổ chức được biểu hiện một vòng tròn, độ to nhỏ khác nhau thể hiện tầm quan trọng khác nhau.
- Vị trí của các vòng tròn thể hiện tác động, ảnh hưởng của các tổ chức đó, càng gần hoặc càng chồng lên nhau nhiều, nghĩa là ảnh hưởng hay tác động càng nhiều

Hình 2.6: Sơ đồ VENN



Hướng dẫn cơ bản:

- Đề nghị nông dân dùng kéo cắt các giấy màu khác nhau thành các vòng tròn to nhỏ khác nhau. Dùng phương pháp so sánh để xác định và ghi tên các tổ chức vào các vòng tròn to hay nhỏ. Tổ chức nào càng quan trọng thì được ghi tên vào vòng tròn càng to (cộng đồng thôn bản là vòng tròn to nhất).
- Đề nghị nông dân sắp xếp vị trí các vòng tròn. Tổ chức nào đã, và đang có ảnh hưởng nhiều đến thôn, bản thì xếp gần hoặc chồng lên vòng tròn thể hiện lĩnh vực quan tâm (xem ảnh 17).
- Cán bộ PRA luôn đặt câu hỏi tại sao?

5. PHÂN TÍCH, TỔNG HỢP KẾT QUẢ PRA VÀ VIẾT BÁO CÁO

5.1. Kết quả PRA

Kết quả PRA bao gồm 2 phần chủ yếu sau:

(1) Kết quả thực hiện các công cụ PRA

Mỗi công cụ PRA được thực hiện đều đưa ra kết quả cụ thể. Các kết quả này được thể hiện bằng các bản đồ phác họa, sơ đồ, biểu đồ, hình vẽ, những kết quả thảo luận của nhóm nông dân... (xem các bảng 2.1 đến 2.8) và biên bản do cán bộ PRA ghi trong quá trình thực hiện công cụ PRA.

Các kết quả này mô tả trên giấy khổ lớn được thông qua trong các cuộc họp toàn thôn, sau đó sao chép lên khổ giấy nhỏ (khổ giấy A4). Đây là kết quả thực tế đòi hỏi cán bộ PRA phải phản ánh trung thực khi mô tả, vẽ hoặc sao chụp.

(2) Kết quả phân tích tổng hợp

Phân tích, tổng hợp kết quả PRA được tổ chức sau khi thực hiện xong các công cụ PRA. Đây là bước tiến hành quan trọng để dự thảo kết quả PRA sau đó được trình bày và thông qua trong cuộc họp dân toàn thôn để đưa ra kết quả PRA cuối cùng.

Thông thường kết quả này bao gồm một số nội dung sau:

- Tổng hợp các khó khăn giải pháp và dự kiến các hoạt động của từng lĩnh vực sản xuất của thôn, bản (bảng 2.9).
- Tổng hợp các khó khăn, giải pháp của từng nhóm hộ gia đình
- Kế hoạch hành động của thôn, bản (xem bảng 2.10).

Bảng 2.9. Ví dụ về khung tổng hợp các khó khăn, giải pháp và dự kiến hoạt động

Lĩnh vực	Khó khăn	Giải pháp	Dự kiến hoạt động
Trồng trọt:			
Chăn nuôi:			
Lâm nghiệp:			
Cây ăn quả:			
Thủy lợi..			
Tín dụng:			
.....			

Bảng 2.10. Ví dụ về khung mô tả kế hoạch hành động của thôn, bản

Chương trình	Các hoạt động cụ thể	Kết quả sẽ đạt được	Người thực hiện	Cam kết của nhân dân	Thời gian thực hiện
- Huấn luyện, đào tạo					
- Khuyến nông, khuyến lâm					
- Thử nghiệm giống mới					
- Trồng trọt					
- Chăn nuôi					
- Trồng và bảo vệ rừng					
- Cải tạo hệ thống thủy lợi					
- Tín dụng					
.....					

Có thể tổng hợp, phân tích theo mức độ khác nhau tùy thuộc vào mục đích cụ thể của đợt PRA hay yêu cầu của các hoạt động khuyến nông khuyến lâm sau này.

5.2. Phương pháp phân tích và tổng hợp kết quả PRA

(1) Thành lập tổ phân tích tổng hợp

Tổ phân tích tổng hợp bao gồm: Các thông tin viên chính, các cộng tác viên của thôn, bản, đại diện các tổ chức quần chúng trong thôn, những nông dân chủ chốt và cán bộ PRA. Vai trò của cán bộ PRA là hướng dẫn, thúc đẩy, tạo điều kiện (xem ảnh 18).

(2) Chuẩn bị

- Chọn địa điểm như hội trường, trường học đủ để trình bày các kết quả thực hiện các công cụ PRA.
- Hệ thống kết quả thực hiện các công cụ PRA được treo trình tự của bộ công cụ.
- Các vật tư, dụng cụ phục vụ viết, vẽ phải sẵn sàng.
- Phân công các cán bộ PRA chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều hành, thúc đẩy thảo luận và ghi chép

(3) Các bước tiến hành

Bước 1: Giới thiệu, trình bày và liệt kê các lĩnh vực quan tâm

- Cán bộ PRA trình bày rõ mục đích và phương pháp phân tích, tổng hợp kết quả PRA
- Giải thích rõ từng mẫu phân tích, tổng hợp như bảng 2.8 và 2.10.
- Cán bộ PRA hoặc mời một nông dân trình bày tóm tắt các kết quả thực hiện các công cụ PRA theo các biểu mẫu.
- Cán bộ PRA trình bày những ý chính trong các biên bản ghi khi thực hiện các công cụ và các cuộc họp dân.
- Đề nghị nông dân thảo luận và liệt kê các lĩnh vực chính thôn, bản đang quan tâm đã được đề cập trong khi thực hiện các công cụ PRA.

Bước 2: Thảo luận nhóm (phân tích, tổng hợp các khó khăn, giải pháp theo từng lĩnh vực và dự kiến các hoạt động).

- Cán bộ PRA hướng dẫn và tạo điều kiện thảo luận từng lĩnh vực theo mẫu ở bảng (2.9).
- Phân tích, tổng hợp các khó khăn và giải pháp chủ yếu căn cứ vào kết quả của các công cụ PRA sử dụng các kỹ năng kích thích hồi tưởng, phỏng vấn bán định hướng.
- Cán bộ PRA sử dụng kỹ thuật não công để kích thích phát sinh ý tưởng của nông dân trong việc đề ra các hoạt động cụ thể.

Bước 3: Thảo luận nhóm (dự kiến kế hoạch hành động của thôn).

- Kế hoạch hành động của thôn được xây dựng dựa trên các hoạt động đã vạch ra bao gồm: các chương trình hành động, kết quả mong đợi, người thực hiện, cam kết đóng góp của nhân dân và thời gian thực hiện (xem bảng 2.10).

- Cán bộ PRA hướng dẫn nông dân tổng hợp và liệt kê các chương trình hành động căn cứ vào các hoạt động đã đề ra (xem ảnh 19).

Ví dụ các chương trình như:

- Huấn luyện và đào tạo
- Khuyến nông - khuyến lâm.
- Trồng trọt.
- Chăn nuôi, thú y.
- Lâm nghiệp.
- Cây ăn quả.
- Thuỷ lợi hay cơ sở hạ tầng.
- Tín dụng.
- Tổ chức cộng đồng...
- Cán bộ PRA tạo điều kiện cho nông dân thảo luận và đề xuất cho từng chương trình (xem ảnh 20).
- Cán bộ PRA tổng hợp dự thảo kế hoạch hành động của thôn.

5.3. Viết báo cáo kết quả PRA

(1) Mục đích

Báo cáo kết quả PRA là tập tài liệu được gửi lên cơ quan có thẩm quyền, các chương trình, dự án quan tâm để làm cơ sở cho việc xây dựng dự án cho thôn, bản (đối với các PRA thăm dò) hoặc gửi lên văn phòng dự án đang thực thi các hoạt động tại thôn, bản (đối với các PRA chủ đề, PRA giám sát hàng năm) để làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh và lập kế hoạch hành động của dự án trong năm sau.

(2) Tập báo cáo kết quả PRA

Tập báo cáo kết quả PRA bao gồm 2 phần chính.

- Phần I: Báo cáo tổng hợp quá trình PRA .
- Phần II: Phần phụ lục gồm các tài liệu.
 - Kết quả thực hiện các công cụ PRA (bản viết tay)
 - Kết quả phân tích tổng hợp PRA (xem mục 5.1) Kết quả phân tích khả thi kế hoạch hành động của thôn, bản
 - Các tài liệu liên quan khác.

(3) Nội dung và phương pháp viết báo cáo

Nội dung và phương pháp viết báo cáo phần II đã được đề cập ở mục 5.1 và 5.2 và chương 3. Ở đây chỉ đề cập đến nội dung và phương pháp viết báo cáo phần I.

Phần I là phần báo cáo do cán bộ PRA tổng hợp và viết. Đây là một báo cáo tổng hợp quá trình PRA nên phải thể hiện rõ đầy đủ nội dung của tiến trình PRA, những nhận xét, đánh giá và kiến nghị. Phần báo cáo này bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1) Lời giới thiệu

Nội dung này cần nêu rõ:

- Lý do và xuất xứ của việc hình thành PRA tại thôn, bản.
- Mục tiêu đã đặt ra cho PRA.
- Mục đích của báo cáo.
- Kết cấu của báo cáo.

2) Phương pháp và tiến trình PRA

Nội dung này cần nêu rõ:

- Những hoạt động trước khi tiến hành PRA tại thôn, bản: hình thành ý đồ, khảo sát ban đầu, xác định mục tiêu PRA, xác định phương pháp (công cụ), lập kế hoạch thực hiện PRA, nhân sự, chuẩn bị và nối ghép.
- Tiến trình PRA tại thôn, bản: các hoạt động PRA hàng ngày tại thôn, bản và phương pháp, những thuận lợi và khó khăn.
- Nhận xét về phương pháp và tiến trình PRA.

3) Đánh giá kết quả PRA

Nội dung này cần nêu rõ:

- Phân tích và bình luận các kết quả ở phần phụ lục.
- Phương pháp phân tích và bình luận dựa vào việc so sánh giữa mục tiêu đã đặt ra cho đợt PRA và kết quả thu được của PRA. Yêu cầu là chỉ ra được những mục tiêu đạt được, những mục tiêu chưa đạt được và khoảng trống của nó. Sử dụng kỹ thuật đối chiếu, so sánh để phân tích.
- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội của kết quả PRA

4) Các kiến nghị

Nội dung này cần chỉ rõ những kiến nghị về các mặt:

- Sử dụng các kết quả PRA
- Cần phân biệt rõ kế hoạch hoạt động của thôn được đưa ra bằng phương pháp PRA với kế hoạch của dự án. Kế hoạch hỗ trợ của dự án phải dựa trên kế hoạch thôn, bản nhưng không phải tất cả các kế hoạch đó được dự án hỗ trợ. Vì vậy các kết quả PRA phải do chính nông dân sử dụng làm cơ sở thực hiện các hoạt động và giám sát theo dõi. Trong kiến nghị này cần nêu rõ trách nhiệm của người dân trong thôn, bản, các tổ chức được hình thành trong quá trình PRA, trách nhiệm của chính quyền địa phương, của các tổ chức cấp trên và dự án.
- Những định hướng hỗ trợ cho thôn, bản.
- Dự án hỗ trợ cho phát triển thôn, bản phải được định hướng và xác định ưu tiên. Các hỗ trợ phải xác định như là những xúc tác, ngòi nổ hay động lực ban đầu..., tránh bao cấp. Vì vậy những kiến nghị về hỗ trợ cho thôn, bản phải thể hiện rõ và xác định trách nhiệm và cam kết với nông dân. Thông thường các hỗ trợ của bên ngoài bao gồm nhiều nguồn khác nhau như của dự án, chính phủ hay các tổ chức khác... Những hỗ trợ này phải có kế hoạch và không được chồng chéo. Kế hoạch hỗ trợ nên lập theo kiểu "gói đầu" nghĩa là chỉ khi có được hiệu quả của các hỗ trợ trước mới tiếp tục cho các hỗ trợ tiếp theo. Điều này phải ghi trong cam kết.

- Các hoạt động tiếp theo.
- Trong kiến nghị phải ghi rõ những hoạt động tiếp theo và thông báo cho nông dân tránh việc mong chờ và gây nghi ngờ của nông dân đối với dự án. Những hoạt động tiếp theo vạch ra căn cứ vào tình hình cụ thể nhưng phải xác định rõ thời gian và công việc chủ yếu.

5) Kết luận



17. Nhóm công tác PRA thực hiện công cụ đánh giá các tổ chức và xây dựng mối quan hệ giữa cộng đồng và các tổ chức nhằm để thực hiện tốt kế hoạch phát triển thôn, bản



18. Nhóm công tác PRA thực hiện việc tổng hợp tài liệu quá trình thực hiện PRA để chuẩn bị cho lập kế hoạch phát triển thôn, bản



19. Nhóm công tác PRA, cùng người dân lập kế hoạch phát triển thôn, bản



20. Họp dân thông qua kế hoạch phát triển thôn, bản

CHƯƠNG 3

SỬ DỤNG PRA TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG VÀ KHUYẾN LÂM

A. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA

1. SỰ THAM GIA TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP (QHSDĐ VÀ GĐLN)

Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp (QHSDĐ và GĐLN) là một tập hợp các biện pháp kỹ thuật, nhưng phải tuân thủ theo luật pháp và các chính sách, quy định của Nhà nước, nhằm sử dụng bền vững và ngày càng có hiệu quả đất lâm nghiệp được giao. Kinh nghiệm nhiều năm qua cho thấy ở nơi nào có sự tham gia thật sự của người dân vào quá trình QHSDĐ và GĐLN thì ở đó có kết quả tốt và ngược lại.

Vậy thực chất sự tham gia này là gì?

Sự tham gia trong QHSDĐ và GĐLN có nghĩa là sự tham gia của các tổ chức Nhà nước có liên quan như: Địa chính, Nông lâm nghiệp, các cấp chính quyền... nhưng những người nhận đất sẽ phải được tiếp cận với các thông tin, số liệu đánh giá và đề xuất để hiểu cận kề về nội dung và các vấn đề có liên quan đến đất đai, tài nguyên rừng... Các thông tin này cần phải được chuyển dịch sang ngôn ngữ địa phương cho dễ hiểu. Đây là quá trình mà tất cả các thành viên hưởng lợi đều tham gia tích cực vào các hoạt động QHSDĐ và GĐLN. Sự tham gia này không phải là lúc nào người dân cũng phải có mặt trong tất cả các hoạt động QHSDĐ-GĐLN mà là đảm bảo rằng mọi hoạt động đều có sự tham gia tối đa của người dân. Sự tham gia phải được bắt đầu từ khi tiến hành lập kế hoạch để thực hiện QHSDĐ cho đến từng bước công việc cụ thể khi tiến hành giao đất. Sau khi có được sự tham gia tối đa của những đối tượng hưởng lợi, việc đề xuất của các cơ quan chức năng về sử dụng đất cho từng khu vực nên được coi là các đề xuất ngõ làm cơ sở cho các cuộc thảo luận và góp ý kiến của những người hưởng ứng, đặc biệt là nhóm đối tượng hưởng lợi trực tiếp. Để cho công việc này có hiệu quả nhất, nên sử dụng những người nòng cốt của làng bản (có thể gọi là "Thông tin viên" làm hướng dẫn viên) cho các cuộc thảo luận, họ có thể đưa ra các vấn đề về sử dụng đất phù hợp của làng bản có thể được tất cả mọi người tham gia và chấp nhận.

Trong khuôn khổ phân ứng dụng này chúng tôi chỉ giới thiệu những ứng dụng của PRA trong QHSDĐ và GĐLN, đồng thời nêu lên một số biện pháp nhằm thu hút sự tham gia của người dân nhất là đồng bào miền núi, phụ nữ vào quá trình này.

2. CÁC HÌNH THỨC CỦA SỰ THAM GIA

Sự cùng tham gia có thể là trực tiếp khi cá nhân người dân trực tiếp trình bày các quan điểm của họ. Sự cùng tham gia có thể là bán trực tiếp khi người dân trình bày ý kiến của họ thông qua một người đại diện mà người đó có mối quan hệ trực tiếp, thường xuyên và tin tưởng. Sự cùng tham gia là gián tiếp khi người dân trình bày thông qua những người bên ngoài mà người dân ít khi có quan hệ trực tiếp. Sự cùng tham gia có thể là trực tiếp, bán trực tiếp, hoặc gián

tiếp của các cá nhân là thành viên của cộng đồng vào quá trình QHSDĐ và GĐLN, mà trong đó người dân tiến hành các hoạt động nhằm:

- 1) Đánh giá các nhu cầu và nguồn lực của họ, thừa nhận các cơ hội của QHSDĐ và GĐLN
- 2) Góp phần vào quá trình quy hoạch và đưa ra quyết định trong từng giai đoạn của quá trình.
- 3) Đầu tư và cung cấp các nguồn lực để phát triển đất lâm nghiệp họ được giao.
- 4) Thu lợi từ mảnh đất đã được giao cho họ.
- 5) Cộng tác có hiệu quả hơn với các đại diện chính quyền ở cấp xã và cấp huyện.

Khi bàn đến sự tham gia của người dân vào công việc này, nhiều người cho rằng đây là một công việc đơn giản vì nó chỉ thông qua các cuộc họp mà nhiều khi rất hình thức. Song trên thực tế, sự thành công của nó phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp và khả năng hướng dẫn cũng như sự kiên trì của những người hướng dẫn thảo luận cùng với việc vận dụng thành thạo các công cụ và kỹ thuật của PRA để lôi cuốn được sự hứng thú tình nguyện tham gia của các nông hộ trong thảo luận và thực hiện các bước trong QHSDĐ và GĐLN.

Công việc này tốn nhiều thời gian và nếu không cẩn thận thì rất dễ dẫn tới các cuộc thảo luận không có được kết luận nào hoặc chỉ đi đến một kết luận thoả hiệp mà không thể thực hiện được.

3. NHỮNG YẾU TỐ CẦN BIẾT TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT NHẪM LÔI CUỐN SỰ THAM GIA

Để thu được sự tham gia hiệu quả từ phía người dân, cần lưu ý một số yếu tố sau:

- Hiện nay nông dân địa phương đang tham gia vào các hoạt động phát triển như thế nào?
- Hiện họ đang có các điều kiện, khuyến khích và hình thức tham gia gì?
- Mỗi người dân có cơ hội như nhau để cùng tham gia hay không? Nếu không thì tại sao?
- Dự kiến người dân sẽ tham gia trực tiếp hay thông qua các đại diện?
- Ai có thể được chấp nhận làm đại diện và tại sao?
- Việc giám sát và đánh giá sự tham gia sẽ làm như thế nào, ai làm?

Khi nắm được các yếu tố nêu trên ta sẽ lựa chọn cách tham gia cho phù hợp với từng đối tượng nhằm phát huy hết khả năng có thể tham gia của từng đối tượng và phát huy có hiệu quả nhất của từng đối tượng đó.

4. MỘT VÀI ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO SỰ CÙNG THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Các đề xuất sau đây sẽ giúp cho sự cùng tham gia có hiệu quả hơn:

- Ngay từ khi bắt đầu quá trình cần xác định đầy đủ mọi nhân tố sẽ tham gia, bao gồm mọi thành phần dân cư khác nhau và cả các tổ chức tham gia vào quản lý hoặc sử dụng đất lâm nghiệp ở huyện, xã và thôn, bản.
- Trước hết, giải thích thật rõ ràng những lợi ích đối với người dân địa phương nếu họ tham gia vào quá trình QHSDĐ và GĐLN, giải thích chính xác việc họ sẽ được hưởng

lợi từ đất lâm nghiệp được giao như thế nào, cái gì sẽ là lợi ích của họ, khi nào họ thu được những nguồn lợi đó và thu lợi trong bao lâu.

- Giải thích thật rõ ràng những nghĩa vụ và trách nhiệm của những hộ gia đình tham gia vào quá trình này.
- Các vấn đề đặt ra cần cụ thể hoá và rõ ràng ở mức cao nhất trong khả năng cho phép, nên sử dụng ngôn ngữ địa phương và trao đổi tóm tắt những thông tin cho phù hợp với từng đối tượng.
- Thoả thuận với nông dân về chế độ chia sẻ hoa lợi.
- Lắng nghe hết mọi ý kiến của người dân.
- Đưa ra những đề xuất mở, nghĩa là các đề xuất là để đưa tới thảo luận chứ không chỉ đơn thuần là cần thông qua và phê chuẩn.
- Đưa ra các câu hỏi đơn giản, dễ hiểu và cụ thể.

Ngoài ra còn có rất nhiều phương pháp nhằm tăng cường sự tham gia của người dân, những gợi ý trên đây chỉ là một vài ví dụ, hãy cố gắng tìm thêm những cách khác...

5. NHỮNG CÔNG CỤ PRA CẦN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG QHSDĐ VÀ GĐLN

5.1. Đắp sa bàn và vẽ sơ đồ khu vực

Đắp sa bàn và vẽ sơ đồ khu vực nhằm thu hút nhiều người dân vào việc xác định hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch cho việc giao đất. Ngoài ra còn có chức năng cung cấp thông tin còn thiếu về hiện trạng sử dụng đất và ý kiến của người dân trong khi quy hoạch sử dụng đất sẽ được giao.

5.2. Đi theo tuyến, lát cắt

Đi theo tuyến cắt ngang địa hình thôn bản hoặc một phần thôn bản là công cụ được sử dụng theo cách rất gần với sử dụng bản đồ, nhưng thực tế hơn và người dân dễ tham gia hơn, vì nó dễ hiểu và gần với mỗi người dân. Đi theo tuyến cũng rất gần với mọi người dân, có thể áp dụng nhằm biết được tính đa dạng của địa hình và xem chúng được và sẽ sử dụng như thế nào cho hợp lý nhất. (xem công cụ 5, chương 2).

5.3. Làm sơ đồ hiện trạng sử dụng đất

Làm bản đồ và đi theo tuyến có sự tham gia của người dân là những công cụ PRA có thể sử dụng để làm rõ quyền sử dụng đất và những tồn tại về ranh giới giữa các thôn bản và các hộ gia đình, thậm chí giữa xã hoặc hộ gia đình với các tổ chức Nhà nước như Nông, Lâm trường, đơn vị quân đội... Có thể sử dụng các công cụ này để thu thập các thông tin chi tiết về hiện trạng sử dụng đất, thảm thực vật, tài nguyên rừng và đất rừng đang được sử dụng. Có thể vẽ các bản đồ của thôn bản và bản đồ của từng hộ cụ thể, khi tiến hành vẽ các bản đồ có sự tham gia của người dân có thể thảo luận để nắm bắt các thông tin hữu ích về lịch sử thôn bản cũng như lịch sử rừng và đất rừng (xem ảnh 21. *Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng bản Đồng Đình, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh*).

5.4. Làm sơ đồ dự kiến sử dụng đất

Trên cơ sở hiểu biết và sử dụng các công cụ PRA, các thông tin tối cần thiết về đất đai sau đây sẽ giúp cho việc quy hoạch sử dụng đất đạt kết quả tốt:

Đất: Bao nhiêu diện tích đất đang được sử dụng, hình thức sử dụng?
Một mảnh hay nhiều mảnh?
"Sở hữu" thuê hay các hình thức thoả thuận khác?
Đất được sử dụng để làm gì?
Đường đến mảnh đất?
Loại đất gì?
Cách nhà bao xa?
Nhu cầu đất đai: Họ có đủ đất không (theo nhóm phân loại)?
Họ đã được giao đất hay chưa? đất nông nghiệp hay lâm nghiệp? Tỷ lệ?
Họ có hài lòng không? Nếu không thì tại sao?
Họ có mong muốn nhận thêm đất hay không? Tại sao?
Loại đất nào? ở đâu?
Diện tích bao nhiêu?
Theo những điều kiện nào?
Những khó khăn đặc biệt liên quan đến sử dụng đất?
Năng lực quản lý bảo vệ đất và rừng?
Phân chia ranh giới và tranh chấp quyền sử dụng đất
Giữa các hộ gia đình.
Giữa hộ gia đình và lâm trường, nông trường hay các tổ chức khác.
Giữa các nhóm, tổ, đội sản xuất, thôn bản hoặc xã.
Các quyền sử dụng đất liên quan tới tranh chấp?

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI NGUYÊN RỪNG
bản ĐỒNG ĐÌNH, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh



21. Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng bản Đồng Đình, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh

Rừng và tài nguyên rừng:

- *Đánh giá việc sử dụng rừng và các tài nguyên của các bộ phận dân cư.*

- Xác định các loại rừng, diện tích rừng cụ thể mà nếu giao cho dân thì có thể được quản lý và bảo vệ tốt hơn.
- Tìm hiểu các nhu cầu cũng như cách sử dụng tài nguyên rừng của các hộ gia đình: Tiêu dùng trong gia đình hay để bán.
- Xác định sự phụ thuộc kinh tế của hộ gia đình vào sản phẩm gỗ, kể cả gỗ nhiên liệu (củi) và các lâm sản ngoài gỗ.

- *Các sản phẩm gỗ, theo loại.* Củi, các lâm sản khác ngoài gỗ (thực phẩm, cây thuốc, song, mây...), Các loài được ưa chuộng, các loài đã sử dụng.

- Ai khai thác, ai sử dụng, ai bán?
- Hộ khai thác các sản phẩm đó ở đâu?
- Theo các điều kiện gì (lệ phí hoặc các hình thức khác)? Khi nào?
- Lịch sử thảm rừng và sử dụng các tài nguyên rừng.

- *Tìm hiểu xem thảm rừng có thay đổi gì từ khi thôn bản thành lập? Cụ thể là những thay đổi nào?*

- Có những loại cây nào trước đây có mà hiện không còn nữa? Cụ thể loại nào? Tại sao chúng biến mất.

- *Hệ thống canh tác của cộng đồng? Mô tả?*

- *Người giàu và người nghèo có quản lý, sử dụng đất giống nhau hay không? Họ có cùng chung một điều kiện tiếp cận đất hay không? Văn bản?*

- Cố gắng tìm những thông tin chi tiết về cách sử dụng đất đồi làm nông nghiệp hoặc chăn nuôi, kể cả làm nương rẫy du canh và các hoạt động nông - lâm kết hợp trong cộng đồng.
- Quá trình đưa ra quyết định về quy hoạch sử dụng đất, quản lý đất? Ai là người quyết định, các quyết định được đưa ra như thế nào?
- Hiện trong cộng đồng (xã, thôn, bản) có tồn tại tranh chấp về sử dụng đất hoặc đất lâm nghiệp hay không?
- Mối quan hệ với lâm trường như thế nào (nếu ở đó có lâm trường)? ý kiến của lãnh đạo và công nhân của lâm trường? Hợp đồng phụ để bảo vệ và trồng rừng? Tài liệu cũ, hiện tại và tình trạng mong muốn trong tương lai (xem ảnh 22. *Quy hoạch sử dụng đất bản Đổng Đình, xã Phong Dụ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh*).

5.5. Phỏng vấn linh hoạt

5.6. Phương pháp tổ chức một cuộc họp làng bản

5.7. Một số công cụ khác

Phân loại hộ, bản đồ xã hội, phân nhóm, lịch thời vụ, so sánh cặp đôi (Ma trận) và các công cụ, kỹ thuật PRA khác được sử dụng nhằm biết được kiến thức của những thành viên trong

cộng đồng về các nhân tố ảnh hưởng đến các chiến lược sản xuất. Phỏng vấn linh hoạt, so sánh cặp đôi và sơ đồ Venn được sử dụng nhằm nắm bắt các vấn đề về quản lý nguồn.

6. CÁC BƯỚC CÔNG VIỆC CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH QUI HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VỚI SỰ THAM GIA VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Các cán bộ hiện trường (những người liên quan) tham gia vào quá trình quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp cần áp dụng những hình thức, biện pháp và công cụ phù hợp để lôi cuốn sự tham gia của người dân càng nhiều càng tốt vào công việc này, cụ thể:

6.1. Tổ chức thực hiện

- Xác định đối tác tham gia quá trình qui hoạch sử dụng đất:

Gồm toàn bộ các thành viên, mọi bộ phận dân cư. Trong khi xác định lưu ý sự tham gia của phụ nữ, người dân tộc, họ có thể tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp và họ muốn thực sự tham gia hay không?

- Xác định vai trò và trách nhiệm:

Phân công một vài người chịu trách nhiệm về việc tăng cường sự tham gia của nông dân, đồng thời khẳng định các vấn đề về tham gia, các công việc này cần phải được thể hiện trong nhiệm vụ (đề cương công tác).

- Tổ chức các tổ công tác:

Tổ công tác cần phải có sự tham gia của các ngành (Nông lâm nghiệp, Địa chính, chính quyền các cấp, các tổ chức thông tin đại chúng...)

- Lập kế hoạch làm việc chi tiết:

Khi lập kế hoạch cần lưu ý đảm bảo các khía cạnh cụ thể về sự tham gia đối với từng hoạt động, dự kiến hình thức tham gia nào (trực tiếp hay gián tiếp), ai sẽ tham gia. Bản kế hoạch này cần phải được trình bày tại cuộc họp thôn xã, các ý kiến của dân cần được lắng nghe và bổ sung vào bản kế hoạch chính thức, điều cần chú ý là thời gian thực hiện phải căn cứ vào lịch mùa vụ của dân địa phương. Các thành viên của tổ công tác phải nắm chắc lịch mùa vụ, thời điểm nào là thích hợp để gặp phụ nữ, nam giới và gặp ở đâu?

- Tập huấn về QHSDĐ và GĐLN:

Tổ chức tập huấn cho tổ công tác về phương pháp cùng tham gia, về các công cụ cụ thể của PRA để ứng dụng linh hoạt trong quá trình QHSDĐ và GĐLN. Quá trình tập huấn cần được chia thành các lớp tập huấn thường kỳ cả về nghiệp vụ và sự cùng tham gia.

- Giám sát và đánh giá:

Giám sát và đánh giá các khía cạnh cụ thể của sự tham gia. Đối với phụ nữ và dân tộc cần có các chủ đề đánh giá riêng về sự tham gia của họ. Xác định các khía cạnh tham gia tích cực nhất, kém nhất và tìm hiểu nguyên nhân, tại sao? đề xuất và thực hiện biện pháp sửa chữa?

6.2. Quy hoạch sử dụng đất

- Xác định các thông số hiện có:

Xác định cá nhân trong cộng đồng gồm người già, phụ nữ và các thành phần, tổ chức khác nắm được các thông tin cơ bản để cung cấp các thông tin về kinh tế, xã hội, các kiến thức tại chỗ về quy hoạch và sử dụng đất được coi là một nguồn tin quan trọng.

- Đánh giá chất lượng và tính hữu dụng:

Kiểm tra các báo cáo và thống kê chính thức khi họp thôn xã. Tiến hành phỏng vấn linh hoạt các trưởng bản, các thông tin viên để kiểm tra độ chính xác của thông tin đã được thu nhận. Sử dụng phép tam giác để kiểm tra và bổ sung các thông tin còn thiếu.

- Xác định các thông tin bổ sung cần thiết:

Cần đảm bảo rằng các thông tin kinh tế xã hội được xác định, các kinh nghiệm truyền thống được ghi chép là những thông tin bổ sung cần thiết. Ngoài thông tin về hiện trạng quy hoạch sử dụng đất cần bổ sung thông tin về hệ thống canh tác do chính người dân mô tả và cách sử dụng đất truyền thống của họ.

- Xác định người và cách thu thập:

Các thông tin viên được lựa chọn theo nguyên tắc cùng tham gia trước khi thu thập thông tin, gồm các trưởng thôn bản, đại diện nông dân, phụ nữ,... Quá trình thu thập sẽ sử dụng các công cụ PRA phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương và cụ thể hoá các công cụ thành biện pháp cụ thể và thời gian sử dụng các công cụ đó.

- Thu thập các thông tin còn thiếu:

Các thông tin còn thiếu sẽ được thu thập từ người dân địa phương, việc này sẽ giúp cho dân chúng địa phương tham gia nhiều hơn vào cung cấp các thông tin còn thiếu mà khi thu thập chính thức không được đề cập đến, muốn vậy các thông tin này cần được trình bày đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ...

- Các văn bản pháp luật:

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người dân trong QHSDĐ và GĐLN, các văn bản pháp luật liên quan cần được phổ biến kỹ, rõ ràng, tỷ mỉ cho mọi người dân để họ biết và tự giác thực hiện.

- Bản đồ địa hình:

Sử dụng các phương pháp cùng tham gia để cập nhật và bổ sung chi tiết bản đồ. Một số công cụ PRA được sử dụng để xây dựng bản đồ là: công cụ phỏng vấn linh hoạt, đi theo tuyến, vẽ sơ đồ, họp thôn bản...

- Ranh giới hành chính:

Phân định ranh giới trong các cuộc họp với trưởng thôn và các thông tin viên bao gồm ranh giới xã và thôn bản, ranh giới với các Nông-lâm trường, các tổ chức, tập thể khác...

- Phân tích thông tin, xác định các tồn tại và đưa ra các ưu tiên:

Thông qua các cuộc họp thôn bản hoặc xã để thông báo về quy hoạch sử dụng đất, từ đó thu thập các thông tin phản hồi từ người dân địa phương. Từ các thông tin đó sẽ tiến hành phân tích để bổ sung vào những vấn đề tồn tại, đặc biệt là:

- Vấn đề kinh tế, xã hội
- Vấn đề an toàn lương thực
- Vấn đề liên quan đến gỗ và sản phẩm ngoài gỗ
- Vấn đề liên quan đến phụ nữ và đồng bào ít người
- Vấn đề liên quan đến việc sử dụng tài nguyên rừng...

Từ các vấn đề nêu trên chọn lọc các ưu tiên để bổ sung vào quá trình QHSDĐ và GĐLN.

- Xác định các mục tiêu phát triển:

So sánh các mục tiêu QHSDĐ với các mục tiêu khác của cộng đồng và đảm bảo rằng các mục tiêu này phải phù hợp với nhau. Các mục tiêu nêu ra phải mang tính kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo tính bền vững.

- Lựa chọn biện pháp sử dụng đất một cách tối ưu:

Cùng người dân sẽ được giao đất thảo luận để lựa chọn biện pháp sử dụng đất một cách tối ưu nhất, đồng thời cùng với họ thảo luận và đưa ra những quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi bên và các thảo thuận về chia sẻ lợi ích. Cuối cùng phải đưa ra được một sự lựa chọn phù hợp nhất cho cả hai phía để cùng thực hiện.

- Lập kế hoạch sử dụng đất cho mỗi mảnh đất được giao:

Kế hoạch này phải được lập ngay trên thực địa tại mảnh đất được giao với sự chứng kiến và cùng lập kế hoạch của hộ được giao đất. Họ là những người cùng trao đổi và đưa ra các quyết định liên quan đến quy hoạch sử dụng đất và thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ sau này.

6.3. Giao đất lâm nghiệp

- Tập huấn về giao đất lâm nghiệp:

Nội dung tập huấn về giao đất lâm nghiệp bao gồm những chính sách, những quy định liên quan đến giao đất lâm nghiệp, các biện pháp nghiệp vụ về giao đất và cả các công cụ và biện pháp thu hút sự tham gia của người dân vào công tác quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp.

- Tiến hành giao đất:

Trong quá trình giao đất, trước tiên mọi người dân nhất thiết phải được giải thích rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của họ, sau đó cán bộ sẽ giải thích về nội dung và ý nghĩa của đơn xin nhận đất và giúp dân tự giác điền vào đơn xin nhận đất. Thời gian này phải đủ để mọi người hiểu được đầy đủ ý nghĩa của việc viết đơn, không nóng vội và không thúc ép dân viết đơn để đảm bảo tính công bằng cho mọi người khi xin nhận đất.

- Xem xét và cân nhắc kế hoạch giao đất lâm nghiệp:

Tổ chức các cuộc họp thôn, xã nhằm lôi cuốn mọi người có quan tâm đến họp, trong các cuộc họp này cần tạo điều kiện để mọi người được bình đẳng nêu lên các suy nghĩ, nguyện vọng của mình về QHSDĐ và GĐLN.

- Xác định và đo đạc các diện tích đất sẽ giao:

Công việc này được tiến hành ngoài hiện trường, với sự tham gia trực tiếp của các hộ được giao đất. Các hộ phải đóng vai trò chính trong việc giải quyết các tranh chấp về ranh giới và

tốt nhất là họ tự giàn xếp các tranh chấp đó, cán bộ chỉ đóng vai trò ghi nhận những thống nhất của các bên một cách hợp lý, theo quy hoạch chung rồi yêu cầu các bên ký kết thỏa thuận.

- Dự thảo đăng ký địa chính:

Cùng với các hộ dự thảo đăng ký địa chính, giải quyết dứt điểm những tranh chấp tồn tại ở hiện trường giao đất, sau đó tổ chức cuộc họp có sự tham gia của tất cả các hộ nhận đất để thông qua kết quả giao đất và để mọi người phát biểu lần cuối ý kiến của mình trước khi đăng ký địa chính.

- Trình hồ sơ đăng ký địa chính lên UBND xã, huyện để xin phê duyệt:

Việc đệ trình này do cơ quan chức năng thực hiện theo quy định của Pháp luật, người dân chỉ có vai trò tham gia gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện cho họ.

- Hỗ trợ nông dân triển khai sử dụng đất lâm nghiệp được giao:

Vùng giao đất lâm nghiệp chủ yếu là vùng còn nhiều khó khăn, do vậy sau khi giao đất cần thông qua công tác khuyến nông khuyến lâm để hỗ trợ dân khai thác sử dụng đất được giao càng nhanh càng tốt. Việc hỗ trợ này phải thông qua việc thảo luận trực tiếp với các hộ dân và theo yêu cầu của từng người dân, nhưng vẫn phải đảm bảo tính bền vững và bảo vệ môi trường.

Ngoài công tác khuyến nông khuyến lâm, hoạt động tín dụng nông thôn là mang tính hỗ trợ bền vững nhất, giúp cho người dân hiểu sâu sắc hơn nghĩa vụ và quyền lợi của họ trong việc nhận đất và giúp họ vốn đầu tư cho các mảnh đất vừa được giao.

7. MỘT SỐ LƯU Ý KHI TIẾN HÀNH QHSDD VÀ GDLN CÓ SỰ THAM GIA

- 1) Các công việc nêu trên khi thực hiện QHSDD và GDLN không nhất thiết phải thực hiện theo một trình tự bắt buộc, mà tùy hoàn cảnh cụ thể ở mỗi địa phương có thể thay đổi trình tự các bước công việc và có thể cùng tiến hành song song để tiết kiệm thời gian. Tuy nhiên vẫn phải đảm bảo đầy đủ các nội dung nêu ở trên nhằm lôi kéo càng nhiều sự tham gia của người dân vào quá trình càng tốt.
- 2) Khi có người dân tham gia họ luôn luôn đấu tranh vì quyền lợi của chính bản thân họ và gia đình mà ít khi quan tâm đến lợi ích chung, do vậy việc kết hợp giữa lợi ích cá nhân nhận đất với lợi ích cộng đồng, tính bền vững và đảm bảo môi trường là yếu tố mà cán bộ giao đất phải biết kết hợp hài hòa và lôi kéo người dân vào thực hiện mục tiêu chung là xoá đói giảm nghèo trên quy hoạch bền vững và bảo vệ môi trường.
- 3) QHSDD và GDLN là công việc vừa mang tính kỹ thuật vừa phải đảm bảo tính pháp luật, do đó tuy tôn trọng sự tham gia tích cực của người dân, nhưng tất cả các hồ sơ liên quan đều phải đầy đủ và đảm bảo tuân thủ theo quy định chung của pháp luật, tuyệt đối không được bỏ một công đoạn nào hoặc làm thiếu chi tiết nào trong hồ sơ giao đất.
- 4) Sau khi giao đất, cấp xong sổ đỏ chưa phải công việc đã hết, mà phải tiếp tục theo dõi và giúp người dân thường xuyên bổ sung và cập nhật các thay đổi về QHSDD và GDLN trên từng mảnh đất được giao. Các bản đồ, báo cáo cần được lưu lại ở thôn bản, ấp để dân tự điều chỉnh và bổ sung khi có sự thay đổi, đồng thời tập hợp để bổ sung vào kết quả theo dõi ở xã, huyện mỗi tháng, quý và năm.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG & KHUYẾN LÂM THÔN, BẢN CÓ NGƯỜI DÂN THAM GIA (PVEP)

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Áp dụng phương thức khuyến nông, khuyến lâm từ người dân, một yêu cầu bức thiết không những đối với nông dân mà còn bức thiết cho sự nghiệp phát triển nông thôn hiện tại và trong tương lai.

Phương thức khuyến nông, khuyến lâm từ người dân đã đặt ra 2 yêu cầu cơ bản:

- 1) Hoạt động khuyến nông, khuyến lâm phải xuất phát từ yêu cầu của người dân.
- 2) Người dân phải được tham gia vào quá trình hoạt động khuyến nông, khuyến lâm.

Xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn, bản có sự tham gia của người dân là nhằm mục đích:

- Nêu được các yêu cầu về khuyến nông và khuyến lâm của người dân thôn bản thông qua quá trình làm PRA.
- Xác định và thống nhất được mục tiêu và những hoạt động cụ thể về khuyến nông và khuyến lâm tại thôn, bản.
- Xác lập được vai trò và trách nhiệm của người dân, các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm trong việc thực hiện hoạt động và hỗ trợ người dân trong hoạt động khuyến nông, khuyến lâm tại thôn, bản.

Yêu cầu đặt ra cho việc lập kế hoạch là người dân thôn, bản phải được tham gia vào quá trình một cách tự nguyện, bình đẳng, chủ động và có trách nhiệm. Cán bộ khuyến nông, khuyến lâm là người hướng dẫn, hỗ trợ để quá trình xây dựng kế hoạch đạt hiệu quả có tính thực thi cao.

2. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TRONG QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG, KHUYẾN LÂM THÔN BẢN BẰNG PHƯƠNG PHÁP PRA

Lập kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn bản có sự tham gia của người dân là phương pháp lập kế hoạch từ dưới lên để tạo lập một cơ cấu yêu cầu từ người dân về hoạt động khuyến nông, khuyến lâm trên một địa bàn cụ thể, trên cơ sở kế hoạch được lập, các cơ quan khuyến nông cấp trên có cơ sở xây dựng một cơ cấu hỗ trợ hợp lý, đúng đắn và cụ thể để giúp đỡ cộng đồng, hộ gia đình và người dân trong hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp góp phần nâng cao đời sống và phát triển nông thôn.

Lập kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn bản là một quá trình vận động và điều cốt lõi là có người dân tham gia với trách nhiệm cao. Quá trình này thường phải qua 3 bước, các bước diễn ra tuần tự trước sau từ 1 đến 3, PRA được sử dụng nhằm để khuyến khích người dân tham gia một cách thực sự vào các bước và là phương tiện giao tiếp và tiếp cận chủ yếu giữa cán bộ khuyến nông, khuyến lâm với người dân và giữa người dân với người dân trong quá trình lập kế hoạch.

Bước 1: Được gọi là bước chuẩn bị

Tham gia vào bước chuẩn bị thường bao gồm cán bộ khuyến nông xã, huyện (có thể có sự hỗ trợ của khuyến nông cấp tỉnh). Họ trực tiếp làm việc với các cấp chính quyền cơ sở thôn, xã và gặp gỡ nông dân trong một số cuộc họp thôn nhất định.

Công việc phải làm trong bước này gồm:

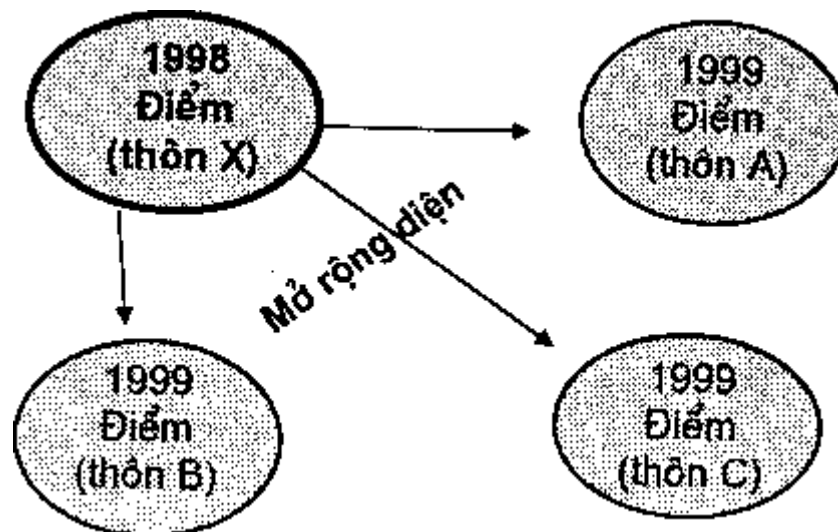
1) Chọn điểm để tiến hành lập kế hoạch

Điểm chọn được là cấp cộng đồng thôn, bản nơi sẽ diễn ra các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm.

Tại sao phải chọn điểm (chọn thôn, bản)?

Chọn điểm để thực hiện chiến lược phát triển khuyến nông, khuyến lâm: Xây dựng điểm (thành mô hình) để mở rộng điểm ra diện rộng (mở rộng theo chiều ngang).

Sơ đồ 3.1.



Nên chọn điểm như thế nào?

Điểm được chọn làm kế hoạch và tiến hành hoạt động khuyến nông, khuyến lâm theo kế hoạch có vai trò rất quan trọng.

Điểm không những là nơi thử nghiệm phương thức hoạt động khuyến nông, khuyến lâm từ người dân, nó còn là mô hình hoạt động khuyến nông, khuyến lâm để mở rộng diện cho những hoạt động này trên địa bàn rộng (từ thôn đến xã...)

Do vậy cán bộ khuyến nông, khuyến lâm cần lựa chọn một số tiêu chuẩn nhất định để xác định điểm.

Một số tiêu chuẩn có thể xác định làm căn cứ chọn thôn điểm sau đây:

- 1) Thôn trong xã đã có quy hoạch sử dụng đất
- 2) Thôn đã hoàn thành việc giao đất
- 3) Người dân có nhu cầu phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bằng phương thức khuyến nông, khuyến lâm để nâng cao đời sống.
- 4) Các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng hoạt động tốt, có cán bộ có khả năng và nhiệt tình trong quản lý và hoạt động khuyến nông, khuyến lâm.

Để chọn được điểm cần tạo ra mối quan hệ chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương xã và huyện, căn cứ vào tiêu chuẩn họ sẽ là người lựa chọn chủ yếu để đưa ra thống nhất trong một cuộc họp giữa khuyến nông và chính quyền.

2) Chuẩn bị về mặt xã hội và tổ chức cộng đồng

Các công việc phải làm cho bước này là:

- Tổ chức họp thôn (thôn được chọn làm điểm) để trình bày mục đích yêu cầu của phát triển khuyến nông, khuyến lâm, vai trò trách nhiệm của thôn điểm.
 - Xác lập vai trò và sự tham gia của mọi người dân trong hoạt động khuyến nông, khuyến lâm
 - Lập kế hoạch và thống nhất tiến độ cho việc tiến hành lập kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn bản
- Thành lập nhóm công tác PRA (lập kế hoạch) bằng cách chọn các thành viên đại diện cho người dân tham gia vào nhóm công tác PRA (số người: 10 -15; được dân tín nhiệm, nhiều thành phần khác nhau, có hiểu biết nhiều về thôn, bản mình. Chú ý: có cả nam, nữ, già, trẻ...).
- Thu thập một số thông tin cơ bản về kinh tế - xã hội của cộng đồng.
- Xem xét các tổ chức cơ sở của cộng đồng để phát huy vai trò của các tổ chức này trong quá trình tham gia vào lập kế hoạch phát triển thôn bản.

Tóm lại trong bước này: Cần phải xác định vai trò của sự tham gia:

- Tham gia của các cấp chính quyền để đảm bảo nhất trí về quan điểm "chọn điểm" hỗ trợ về chuyển giao những thông tin cần thiết đến tận hộ nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận người dân của nhóm công tác PRA (xây dựng kế hoạch khuyến nông, khuyến lâm).
- Tham gia của người dân trong việc bày tỏ thái độ và trách nhiệm đăng ký tham gia vào thực hiện lập kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, tham gia lựa chọn người thay mặt mình tham gia vào nhóm công tác PRA lập kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm.

Bước 2: Thực hiện quá trình lập kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm tại thôn bản

Bước này là bước kế tiếp bước chuẩn bị, sau khi thôn đã được chọn, người dân đã nhất trí tham gia, thôn đã chọn được các thành viên đại diện, thôn đã thống nhất kế hoạch và thời gian tiến hành lập kế hoạch... Cách thức tiến hành bước này tại thôn bản như sau:

1) Cán bộ khuyến nông huyện (hoặc tỉnh) xuống thôn tổ chức chuyển giao các kỹ năng thực hiện PRA cho các thành viên đại diện đã được thôn bản lựa chọn

- Thống nhất với họ lần cuối cùng về kế hoạch tiến hành bước 2
- Xác định vai trò, nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm
- Huấn luyện và chuyển giao các công cụ PRA cho nhóm

2) Thực hiện quá trình đánh giá thôn bản có sự tham gia của người dân để xác định thực trạng của thôn bản

- Bằng các công cụ và kỹ năng sử dụng công cụ của PRA, nhóm công tác PRA (gồm cán bộ khuyến nông huyện, xã và đại diện thôn, bản) cùng với người dân đánh giá thực trạng về các tiềm năng: đất đai, lao động, vật nuôi, cây trồng và kiến thức của cộng đồng.
- Bằng các công cụ và kỹ năng sử dụng công cụ của PRA đánh giá về thực trạng kinh tế - xã hội (phân loại kinh tế hộ, phân tích kinh tế hộ, các phương thức hoạt động sản xuất, sử dụng đất đai, thực trạng y tế, giáo dục vv...).
- Bằng các công cụ và kỹ năng sử dụng công cụ PRA đánh giá và tập hợp được các yêu cầu của người dân và cộng đồng về phát triển sản xuất, hoạt động khuyến nông, khuyến lâm... Nói chung là những yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động khuyến nông, khuyến lâm địa phương.

(các công cụ PRA sử dụng cho từng mục đích và nội dung đã được giới thiệu ở Chương 2 "PRA - Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia").

Thực trạng của thôn bản là bức tranh toàn cảnh mô tả một cách chân thực về tiềm năng, kinh tế, xã hội hiện tại của cộng đồng, là cơ sở để xác định điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn đang tồn tại ở cộng đồng và căn cứ để tìm ra những giải pháp cho hoạt động khuyến nông, khuyến lâm trong lập kế hoạch ở bước sau. Thực trạng cũng có thể nói là "chỗ đứng hiện tại" của cộng đồng và từ chỗ đứng hiện tại của mình, cộng đồng có thể lấy đó làm căn cứ để xác định các hoạt động phát triển cộng đồng trong tương lai.

3) Xây dựng mục tiêu dài hạn và ngắn hạn cho quá trình phát triển hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn bản

Thực trạng là chỗ đứng hiện tại, mục tiêu là đích phải đến hoặc phải đạt được trong tương lai (sau 1 năm hoặc 5 năm).

- **Mục tiêu dài hạn:** Là mục tiêu xác định cho mỗi thời hạn kỳ kế hoạch (5 năm) hoặc một giai đoạn dự án (3,4 hoặc 5 năm). Mục tiêu dài hạn là sự cụ thể hoá mong muốn của cộng đồng trong tương lai xa, trong hoạt động dự án khuyến nông, khuyến lâm khi đưa vào kế hoạch nên gọi là: Kết quả cuối cùng cho thời hạn 5 năm hay giai đoạn dự án. Nó là kết quả cuối cùng của một quá trình thực hiện kế hoạch, do vậy cần được người dân tham gia, xác định hết sức cụ thể để làm căn cứ phấn đấu và cũng làm căn cứ để đánh giá vào cuối kỳ kế hoạch.

Ví dụ:

Thôn B có 100 ha đồi trọc, mỗi năm phấn đấu trồng được 20 ha

Kết quả cuối cùng sau 1 kỳ kế hoạch (5 năm) của cộng đồng có thể xác định cụ thể là phủ xanh toàn bộ đất trống đồi trọc bằng trồng rừng (Tất nhiên khi đánh giá căn cứ vào mục tiêu này, không những xem xét diện tích trồng rừng có đạt không? Mà còn chất lượng ra sao để phủ xanh được toàn bộ diện tích đã xác định)

- **Mục tiêu ngắn hạn:** Thường xác định cho 1 năm kế hoạch. Mục tiêu ngắn hạn cho một năm kế hoạch lại cần phải xác định cụ thể vì đó là kết quả cuối cùng của 1 năm, là đích của việc thực hiện kế hoạch của cộng đồng phải đạt tới.

Mục tiêu ngắn hạn thường đặt ra cho từng nội dung cụ thể để dễ phấn đấu và đánh giá vào cuối năm, nó cũng sẽ là căn cứ để xây dựng các hoạt động cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu. Mục tiêu ngắn hạn là xác định kết quả cuối cùng cho sự phấn đấu hàng năm của cộng đồng nên thường dựa trên: Mục tiêu dài hạn, khả năng và tiềm lực của cộng đồng và phải được người dân tham gia đề xuất, thảo luận và nhất trí.

Ví dụ:

Kết quả cuối cùng của thôn B trong năm 1998:

1. Giữ và bảo vệ được (không có hiện tượng chặt phá, đốt...) 10 ha rừng tự nhiên hiện có
2. Phủ xanh được 20 ha bằng biện pháp trồng rừng và nông lâm kết hợp
3. Đưa được 50% diện tích vào trồng Ngô Đông (Ngô lai có năng suất cao) - 20% diện tích vào thử nghiệm giống lúa mới
4. 50% lượt hộ gia đình được tập huấn kỹ thuật (lúa mới, ngô mới, thú y, nuôi cá...)
5.

4) Xác định các giải pháp để đạt được kết quả cuối cùng cho năm kế hoạch

Các giải pháp chính là các hoạt động cụ thể của cộng đồng sẽ làm để phấn đấu đạt tới mục tiêu hay kết quả cuối cùng của năm kế hoạch.

Các giải pháp thông thường được nhóm công tác PRA tập hợp sau quá trình đánh giá thực trạng và xác định được mục tiêu bằng phương pháp PRA. Các giải pháp được xây dựng cho từng nội dung hoạt động khuyến nông, khuyến lâm của thôn bản

Các nội dung hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thường được tiến hành ở địa bàn thôn, bản ở vùng đồi núi là:

- Phát triển lâm nghiệp (bảo vệ rừng tự nhiên, phục hồi rừng, trồng rừng...)
- Phát triển nông lâm trên đất dốc (trồng kết hợp cây công nghiệp, cây mầu, cây lâm nghiệp...)
- Phát triển vườn hộ (cây ăn quả, cây mầu, cây thuốc...)
- Nâng cao năng suất lúa nước, cây ngô, mầu vụ 2, 3 trên đất lúa.
- Phát triển chăn nuôi (lợn, trâu, bò, gia cầm...)
- Phát triển nuôi cá, nuôi đặc sản (ba ba, tôm...)

Các hoạt động khuyến nông khác có thể đưa vào kế hoạch

- Tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp
- Hoạt động thú y, bảo vệ thực vật...
- Xây dựng mô hình, thử nghiệm, tham quan học tập...
- Xây dựng tổ chức khuyến nông thôn bản

Thông qua sự tham gia của người dân (trong quá trình tiến hành PRA), các nội dung hoạt động cho khuyến nông, khuyến lâm đã được người dân nêu ra, thảo luận, nhóm công tác sẽ tập hợp và tiến hành làm 2 bước:

a) Tập hợp các nội dung hoạt động chính

b) Đưa ra để người dân thảo luận, xác định tầm quan trọng và tính cấp thiết của các nội dung (bằng công cụ so sánh cặp đôi) để xếp ưu tiên việc tiến hành các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm của thôn bản.

5) Xác định khối lượng cho từng hoạt động

Khối lượng là chỉ tiêu hết sức cụ thể cho từng hoạt động, nhóm công tác lập kế hoạch có thể đưa ra dự kiến của mình sau khi đã thảo luận với cán bộ thôn, bản và người dân. Dự kiến khối lượng cho từng nội dung hoạt động cần được đưa ra thảo luận và được thống nhất cao (trồng bao nhiêu ha rừng cho năm 1998, thử nghiệm bao nhiêu ha giống lúa mới, ngô mới, trên bao nhiêu hộ gia đình), xây dựng bao nhiêu mô hình, bao nhiêu thử nghiệm khuyến nông, khuyến lâm...)

6) Xác định thời gian cho các hoạt động

Thời gian tiến hành các hoạt động cũng cần phải xác định rõ và phù hợp với yêu cầu của người dân và quan trọng là phù hợp với lịch mùa vụ của địa phương. Xác định được thời gian cho các hoạt động cụ thể sẽ giúp nhóm khuyến nông viên thôn bản lên được kế hoạch tiến độ. Các tổ chức khuyến nông các cấp cơ sở phối hợp trong việc theo dõi và hỗ trợ cho cộng đồng

thực hiện kế hoạch (hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật, vật tư, cây con, vốn vay theo dõi, giám sát, đánh giá... cho kịp thời vụ và đúng với yêu cầu của người dân).

Thời gian cần cho một hoạt động nên xác định:

- Khi nào bắt đầu ?
- Khi nào kết thúc?
- Khi nào tiến hành tổng kết, đánh giá?

7) Xác định nguồn lực và trách nhiệm cho từng hoạt động

Nguồn lực và trách nhiệm thực hiện cho từng hoạt động là một nội dung hết sức quan trọng trong việc lập kế hoạch hàng năm cho hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ở thôn, bản.

Thông thường các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm trên địa bàn thôn, bản có sự góp phần của 3 nguồn lực: i) Nguồn lực từ người dân/ hộ gia đình; ii) nguồn lực từ cộng đồng thôn bản; iii) Nguồn lực từ Nhà nước /Dự án. Cũng trên cơ sở nguồn lực mà xác định trách nhiệm cho các bên trong việc thực hiện từng nội dung hoạt động khuyến nông, khuyến lâm tại thôn, bản.

Trong quá trình sử dụng phương pháp PRA để xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn bản, vấn đề xác định nguồn lực và xác định trách nhiệm cho 2 bên: người dân và Nhà nước có ý nghĩa rất lớn.

a) Đây là một dịp thảo luận với người dân để đi đến thống nhất, người dân thôn bản không những tham gia vào quá trình lập kế hoạch mà còn có trách nhiệm đóng góp nguồn lực và thực hiện kế hoạch để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, đảm bảo tính bền vững của hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ở địa phương.

b) Người dân xác định được trách nhiệm của mình trong việc tham gia giải quyết các vấn đề của riêng mình và của cộng đồng sẽ là yếu tố cơ bản để xã hội hoá, toàn dân hoá được hoạt động khuyến nông địa phương.

Ý nghĩa lớn như vậy cho nên khi xác định nguồn lực và trách nhiệm cần làm cho người dân thôn, bản thấy rõ vai trò của mình: là vai trò làm chủ và sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm về mình, huy động tiềm lực cá nhân, hộ gia đình đóng góp để thực hiện tốt và có kết quả từng nội dung hoạt động, góp phần cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội trong cộng đồng.

Phương châm chung của việc xác định nguồn lực trong phát triển nông thôn nói chung và hoạt động khuyến nông, khuyến lâm nói riêng là: *Dân làm, Nhà nước hỗ trợ hoặc Nhà nước và nhân dân cùng làm.*

Trên cơ sở chỉ đạo của phương châm này, và trên cơ sở của các chính sách chủ trương của nhà nước / dự án, nhóm công tác sẽ cùng với dân thảo luận cụ thể nguồn lực và trách nhiệm cho từng nội dung hoạt động, làm rõ phần nào là nguồn lực từ dân, phần nào là nguồn lực từ dân là chủ yếu nhà nước hỗ trợ thêm hoặc theo chính sách trợ giá; phần nào nhà nước hỗ trợ là chủ yếu, dân đóng góp thêm...

Bảng 3.1

Ví dụ: Một số chính sách hỗ trợ từ MRDP Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển		
Hoạt động/nguồn lực	Nguồn lực / trách nhiệm	
	Dân / cộng đồng	Nhà nước / Dự án
Trồng rừng		
<ul style="list-style-type: none"> Hạt giống, túi bầu, phân bón 	<ul style="list-style-type: none"> Làm vườn ươm, sản xuất ở hộ gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ hạt giống, túi bầu, phân bón
<ul style="list-style-type: none"> Cây con trồng rừng 	<ul style="list-style-type: none"> Mua cây con trả 30% giá 1 cây 	<ul style="list-style-type: none"> Dự án sản xuất cây con cung cấp và thu lại 30% giá 1 cây
<ul style="list-style-type: none"> Trồng cây ăn quả 	<ul style="list-style-type: none"> Mua cây giống trả 30% giá 1 cây 	<ul style="list-style-type: none"> Nhà nước sản xuất cây giống cung cấp và thu lại 30% giá 1 cây
<ul style="list-style-type: none"> Giống lúa ngô mới 	<ul style="list-style-type: none"> Mua theo giá dịch vụ 	<ul style="list-style-type: none"> Trợ giá tùy theo mỗi loại
<ul style="list-style-type: none"> Huấn luyện, chuyển giao kỹ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức lớp học, hướng dẫn và cung cấp tài liệu kỹ thuật

8) Lập kế hoạch sơ bộ về hoạt động khuyến nông, khuyến lâm / năm

Sau khi đã cùng với người dân và cán bộ của cộng đồng thảo luận và xác định được 7 vấn đề đã nêu trên, nhóm công tác lên kế hoạch sơ bộ và trình bày trước một cuộc họp dân toàn cộng đồng.

Mục đích trình bày kế hoạch này trước dân để thống nhất lại:

- Toàn bộ các hoạt động cần phải làm trong 1 năm đã được dân nêu ra và đã thảo luận.
- Các giải pháp cụ thể để thực hiện các nội dung hoạt động
- Thời gian thực hiện các giải pháp và cuối cùng là;
- Thống nhất về nguồn lực và trách nhiệm cho từng hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ở thôn, bản.

Đây là dịp để cho người dân xem xét lại một lần nữa về vai trò, trách nhiệm của mình không những đã tham gia vào quá trình làm kế hoạch mà còn đóng góp ý kiến để chỉnh sửa lại kế hoạch một cách hợp lý với khả năng, nguồn lực của mình, phấn đấu thực hiện nó để đạt được đến kết quả cuối cùng (mục tiêu) mà họ đã thống nhất phấn đấu.

Trong lần họp thôn này, nhóm công tác cần hướng dẫn cộng đồng bầu nhóm quản lý để quản lý và điều hành hoạt động khuyến nông, khuyến lâm theo kế hoạch đã lập ra.

Bảng 3.2

<p>Theo kinh nghiệm từ MRDP:</p> <p>Nhóm quản lý gồm có 3 thành viên: Nhóm trưởng (thường là trưởng thôn) 2 khuyến nông viên thôn bản.</p>
<p>Trách nhiệm của nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none">• Quản lý và điều hành các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm theo tiến độ kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm đã lập ra.• Làm đầu mối liên hệ với mọi hoạt động hỗ trợ từ các cấp tổ chức khuyến nông Nhà nước/Dự án để thực hiện hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ở thôn, bản.• Tham gia các lớp tập huấn do các cấp tổ chức khuyến nông mở và tổ chức chuyển giao kỹ thuật về khuyến nông, khuyến lâm cho người dân. <p>Tiêu chuẩn lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none">• Có tinh thần tự nguyện phục vụ nông dân/ cộng đồng.• Được dân tin nhiệm• Có trình độ nhất định về văn hoá, kỹ thuật canh tác• Có thời gian tham gia các lớp tập huấn và giao tiếp với người dân và hộ gia đình

Bảng 3.3. Mẫu kế hoạch hoạt động khuyến nông thôn, bản hàng năm

Mục tiêu dài hạn				
KẾT QUẢ CUỐI CÙNG NĂM 199...				
Nội dung hoạt động / giải pháp	Khối lượng thực hiện (ha, hộ ...)	Thời gian hoạt động	Nguồn lực / trách nhiệm	
			Dân /cộng đồng	Nhà nước / Dự án
Hiện trạng năm 199...				

Bước 3: Thẩm định kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn, bản

Kế hoạch hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn, bản sau khi đã thống nhất lần cuối với toàn bộ cộng đồng được gọi là kế hoạch sơ bộ về hoạt động khuyến nông, khuyến lâm thôn, bản. Nhóm quản lý thôn, bản sẽ gửi lên trạm khuyến nông huyện để khuyến nông cấp huyện và tỉnh tổ chức thẩm định.

Mục đích của bước này là tổ chức khuyến nông cấp huyện và cấp tỉnh xem xét lại *tính khả thi của bản kế hoạch của thôn, bản*:

- Về khối lượng
- Về nguồn lực/ trách nhiệm của nhà nước/ dự án
- Có thể bổ sung một số hoạt động khuyến nông, khuyến lâm từ nhà nước (như các Chương trình khuyến nông từ cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương)

Sau khi xem xét, cấp huyện gặp lại nhóm quản lý thôn, bản và người dân (cuộc họp dân) trình bày kết quả thẩm định của mô hình để thảo luận thống nhất với dân lần cuối trước khi kế hoạch trở thành kế hoạch chính thức trình duyệt.

Quá trình thẩm định sẽ được tiến hành như sau:

(Theo cách làm của Chương trình MRDP)

Thành viên nhóm thẩm định: Cán bộ dự án khuyến nông Huyện, xã, nhóm quản lý thôn, bản

Nội dung thẩm định:

- Căn cứ vào kế hoạch sơ bộ soát lại khả năng nhà nước/ dự án thông qua chính sách và quy định về hỗ trợ để điều chỉnh cho phù hợp.
- Nêu rõ cam kết của nhà nước/ dự án
- Đề xuất thêm các hoạt động, chủ yếu là các hoạt động từ bên ngoài để hỗ trợ hoạt động khuyến nông - khuyến lâm thôn, bản.
- Xem xét lại các chỉ số, chỉ tiêu tính toán của kế hoạch.
- Xem xét lại phân bố thời gian cho các nội dung hoạt động.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nhóm quản lý & khuyến nông thôn bản.

Sau khi thẩm định họp dân để báo cáo và thống nhất với dân lần cuối cùng

C. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

(*Participatory Applied Research - PAR*)

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG QUAN HỆ GIỮA NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ SẢN XUẤT

Mục tiêu của nghiên cứu là để phục vụ sản xuất của người dân, hay nói một cách khác là kết quả nghiên cứu sẽ được người dân sử dụng để nâng cao hiệu quả của sản xuất.

Tuy nhiên hiện tại đang có một số tồn tại sau:

- 1) Nhiều nghiên cứu chưa xuất phát *từ yêu cầu sản xuất* của người dân và cộng đồng nông thôn.
- 2) Người làm nghiên cứu chưa thực sự *tiếp cận được nông dân* để trao đổi, thảo luận, thu thập các thông tin về yêu cầu, về kinh nghiệm, về kỹ thuật truyền thống, về tồn tại sản xuất của nông dân và cộng đồng nông thôn.
- 3) Nhiều nghiên cứu vẫn mang tính áp đặt, do cán bộ nghiên cứu làm mà không có sự tham gia của người dân từ thiết kế, thực hiện và đánh giá.

Và những tồn tại đó đã dẫn tới một số nghiên cứu không đi đến kết quả, hoặc có kết quả, nhưng những kết quả đó không phục vụ được sản xuất hoặc người nông dân không chấp nhận, không sử dụng trong sản xuất.

Căn cứ vào tài liệu đánh giá theo phương pháp PRA tại một thôn miền núi thì tình trạng tiếp nhận kỹ thuật mới của nông dân thể hiện như sau:

- Tiếp nhận để ứng dụng trong sản xuất 5 %
- Tiếp nhận và ứng dụng sau đó từ bỏ 10 %
- Không tiếp nhận 85 %

Một số nghiên cứu thông qua xây dựng các mô hình *trình diễn kết quả* do cán bộ nghiên cứu thiết kế, xây dựng và tiến hành ở nhiều địa phương.

Khi đánh giá bằng ba chỉ tiêu cơ bản:

- Có phù hợp với địa phương không?
- Có hiệu quả không?
- Có ứng dụng hay mở rộng được không?

Một thôn ở Bảo Thắng, Lào Cai, đã đánh giá 3 chỉ tiêu trên bằng thang điểm 10 như sau: **6/10; 7/10; và 2/10.**

Người nông dân đã lý giải sự đánh giá đó như sau:

⇒Loại xây dựng mô hình canh tác như thế là phù hợp với địa phương này.

⇒Mô hình đó đạt được hiệu quả tốt và có tác dụng nhiều mặt (kết hợp nhiều sản phẩm, chống được xói mòn..)

⇒Nhưng chúng tôi không áp dụng được vì:

- Người thực hiện mô hình là cán bộ tỉnh, huyện và gia đình khá giả có vốn đầu tư có trình độ canh tác cao, có nhân lực.

- Dự án, nhà nước hỗ trợ lớn (công xây dựng, giống vật tư, vay vốn tín dụng..)

Trên đây là một số lý do để thấy rằng vấn đề nghiên cứu ứng dụng phải được người dân tham gia vào mọi quá trình vì như thế kết quả nghiên cứu mới là của họ, của cộng đồng họ và thiết thực phục vụ họ.

II. SỬ DỤNG PRA TRONG NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG NÔNG LÂM NGHIỆP

Mục tiêu của PRA cần đạt được là:

- a. Huy động được sự tham gia của người dân và của cộng đồng.
- b. Tạo ra cơ hội tiếp cận người dân để thu thập được nhiều thông tin phản hồi.

1. PRA trong nghiên cứu ứng dụng là gì?

PRA trong nghiên cứu ứng dụng là một PRA chuyên đề, xuất phát từ việc đánh giá cao vai trò của người dân trong việc thành, bại của một nghiên cứu ứng dụng, quyết định tác dụng, khả năng ứng dụng và khả năng mở rộng của các kết quả nghiên cứu, khi họ trực tiếp tham gia vào mọi quá trình, từ việc nêu yêu cầu xác định ưu tiên, xác định nguồn lực, xây dựng kế hoạch cho đến việc thiết kế, chọn nơi, chọn thời gian tiến hành, giám sát theo dõi, trình diễn và đánh giá kết quả ...

Nói cách khác, PRA trong nghiên cứu ứng dụng là một quá trình nghiên cứu ứng dụng có người dân tham gia (Participatory Applied Research)

2. Thực hiện quá trình PRA trong nghiên cứu ứng dụng như thế nào?

Một quá trình nghiên cứu ứng dụng có người dân tham gia được tiến hành theo các bước sau đây:

- 1) Đánh giá thực trạng, nhu cầu và mục tiêu của nghiên cứu ứng dụng.
- 2) Xác định những vấn đề chủ yếu, xếp ưu tiên cho từng vấn đề.
- 3) Xây dựng kế hoạch cho nghiên cứu ứng dụng
- 4) Thẩm định tính khả thi của kế hoạch nghiên cứu và xác định trách nhiệm của cả hai bên: Nhà nước / Dự án và nhân dân / cộng đồng trong thực hiện, quản lý, theo dõi, đánh giá nghiên cứu.
- 5) Thiết kế, thi công các đề tài nghiên cứu
- 6) Theo dõi, giám sát, đánh giá các đề tài nghiên cứu, trình diễn.
- 7) Mở rộng điểm và diện.

Tất cả các bước trên cần có sự tham gia một cách tích cực của người dân, tất nhiên là tùy tính chất từng bước mà có những yêu cầu tham gia khác nhau của người dân. Tuy nhiên do vai trò tham gia của người dân vào nghiên cứu ứng dụng là rất quan trọng nên người cán bộ cần tìm mọi biện pháp khuyến khích sự tham gia của họ, tăng cơ hội tiếp cận họ, dần dần xây dựng khả năng cho họ bằng hướng dẫn, tập huấn, chuyển giao kỹ năng cho họ và cuối cùng là chuyển giao trách nhiệm cho họ và cho cộng đồng; và vai trò của cán bộ chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn người dân mà thôi.

3. Thực hiện các bước trong quá trình PRA/ Nghiên cứu ứng dụng - Các công cụ được sử dụng trong từng bước

a. Người dân tham gia vào đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội

(Phần này được giới thiệu trong tài liệu "Đánh giá nông thôn có người dân tham gia").

Tuy nhiên trong quá trình đánh giá thực trạng chung về Kinh tế - xã hội địa phương, để phục vụ cho nghiên cứu ứng dụng cần hướng dẫn người dân làm rõ thực trạng về ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất Nông lâm nghiệp

- Làm rõ những khó khăn trong thực hiện khoa học kỹ thuật ở địa phương
- Nêu cho được những phương pháp canh tác truyền thống và các kỹ thuật địa phương (có tính chất kinh nghiệm)

Công cụ sử dụng:

- 1) Phỏng vấn cá nhân, nhóm
- 2) Họp dân
- 3) Điều tra, thống kê
- 4) Tập hợp tài liệu, lên biểu và vẽ một số biểu đồ đặc trưng.

b. Người dân tham gia vào đánh giá nhu cầu về nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật mới

Cán bộ tập hợp cho được những nhu cầu mà trong quá trình tham gia đánh giá người dân đã nêu:

- 1) Những nghiên cứu nào cần được tiến hành tại địa phương; những mô hình nào cần được thiết lập... Những nghiên cứu và mô hình đó nhằm để giải quyết một vấn đề gì cho sản xuất nông lâm nghiệp đặt ra ở địa phương.
- 2) Những kỹ thuật mới nào cần được chuyển giao cho người dân, hoặc cho toàn cộng đồng (để nâng cao năng suất, nâng cao tính chống chịu, tăng vụ hoặc nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, mặt nước, nâng cao thu nhập...)
- 3) Nhu cầu tập huấn cho nông dân về kỹ năng thiết lập những nghiên cứu ứng dụng trên đồng ruộng, trên đất hộ gia đình, xây dựng mô hình... những lớp tập huấn kỹ thuật cụ thể về cây trồng, chăn nuôi, nuôi cá...

Các công cụ PRA được sử dụng cho việc xác định nhu cầu:

- 1) Phỏng vấn bán chính thức cá nhân, nhóm
- 2) Thảo luận, thu thập thông tin từ các cuộc họp dân
- 3) Điều tra, thống kê, lập biểu, đánh giá bằng cho điểm.

c. Người dân tham gia vào xác định các vấn đề nghiên cứu chủ yếu và xếp thứ tự ưu tiên

Sau khi có danh sách các vấn đề nghiên cứu đã được người dân nêu yêu cầu cần hướng dẫn người dân xếp thứ tự ưu tiên cho các vấn đề yêu cầu nghiên cứu chủ yếu.

Công cụ dùng cho xếp thứ tự ưu tiên thường dùng là:

** phương pháp so sánh cặp đôi*

Dưới đây là một ví dụ để tham khảo để hướng dẫn người dân thực hiện:

Thôn A, sau khi thu thập nhu cầu đã liệt kê được các vấn đề nghiên cứu để đưa vào ứng dụng đại trà sau đây:

- 1) Đưa cây keo lai sinh trưởng nhanh vào thử nghiệm trên đất đồi trọc
- 2) Đưa cây ngô lai vào vụ đông trên đất lúa (vụ 3)
- 3) Đưa cây khoai tây vào đất lúa (vụ 3)
- 4) Đưa một số loài cây thức ăn gia súc vào đất đồi.
- 5) Thử nghiệm nuôi cá ruộng
- 6) Trồng gừng (giống mới) dưới tán rừng trồng.

Hình 3.4. Kết quả xếp thứ tự ưu tiên của cộng đồng như sau:
(Theo phương pháp so sánh cặp đôi)

Các vấn đề chủ yếu	1	2	3	4	5	6	Tổng số điểm	Thứ tự ưu tiên
1		2	3	1	5	6	2	4
2	2		2	2	2	2	10	1
3	3	2		3	3	3	8	2
4	1	2	3		5	6	0	5
5	5	2	3	5		5	5	3
6	6	2	3	6	6		5	3

Theo kết quả so sánh trên thì thứ tự ưu tiên sẽ sắp xếp lại như sau:

- 1) Đưa cây ngô lai vào vụ đông trên đất lúa
- 2) Đưa cây khoai tây vào vụ đông trên đất lúa
- 3) Thử nghiệm nuôi cá ruộng
- 4) Thử nghiệm trồng gừng dưới tán rừng trồng
- 5) Đưa cây keo lai thử nghiệm trồng trên đồi trọc
- 6) Thử nghiệm trồng cây thức ăn gia súc

d. Xây dựng mục tiêu cho nghiên cứu ứng dụng tại địa phương

Mục tiêu là *mong muốn* hay là *kết quả cuối cùng* mà hoạt động cần phải đạt được trong một thời gian nhất định.

Mục tiêu có hai loại:

Mục tiêu dài hạn: Có thể xác định cho thời gian 5 năm hoặc lâu hơn (có thể căn cứ vào thời hạn của một dự án).

Mục tiêu ngắn hạn: Thông thường là cho một năm (theo kế hoạch hàng năm), cũng có thể cho một vụ (nếu phần lớn những thử nghiệm kết thúc sau một vụ...)

Mục tiêu cũng phải được người dân thảo luận để có sự nhất trí cao. Vì mục tiêu là đích để cộng đồng chung sức chung lòng cố gắng phấn đấu đạt tới.

Một số cộng đồng thôn bản nhờ xác định được mục tiêu rõ ràng cụ thể, và với tinh thần phấn đấu tốt đã đưa được một số kỹ thuật mới, giống mới vào 100% diện tích canh tác, tạo ra nhiều mô hình tốt về sản xuất và khả năng nhân rộng rất cao.

e. Xây dựng kế hoạch hoạt động về nghiên cứu ứng dụng

Kế hoạch hoạt động về nghiên cứu ứng dụng cũng sẽ được người dân và cộng đồng tham gia xây dựng.

Kế hoạch hoạt động cần dựa vào 3 cơ sở:

Hiện trạng, mục tiêu và yêu cầu của người dân/cộng đồng.

Các hoạt động cụ thể dựa vào đề xuất đã được xếp thứ tự ưu tiên, và được thống nhất trong cộng đồng.

Người dân trong cộng đồng cần được tham gia thảo luận từng đề xuất một để xây dựng kế hoạch cụ thể theo yêu cầu sau:

- 1) Vấn đề nghiên cứu, thử nghiệm, mô hình
- 2) Khối lượng (bao nhiêu thử nghiệm, mô hình, số ha, số hộ gia đình tham gia...)
- 3) Thời gian thực hiện (thiết kế, thực thi, kết thúc, đánh giá...)
- 4) Nguồn lực:
 - Hộ gia đình
 - Cộng đồng thôn bản
 - Nhà nước/dự án hỗ trợ

Bảng 3.5

Mục tiêu năm 2000									
Mục tiêu năm 1998									
Kế hoạch năm 1998									
STT	Nội dung hoạt động	khối lượng	Thời gian thiết kế	Thực thi	Kết thúc	Đánh giá	Nguồn lực		
							Hộ gia đình	Cộng đồng thôn, bản	Nhà nước/ Dự án
Hiện trạng về nghiên cứu ứng dụng của cộng đồng thôn bản									

g. Thẩm định tính khả thi của kế hoạch nghiên cứu

Thẩm định kế hoạch được tiến hành bởi cán bộ huyện và tỉnh. Tuy nhiên cần có sự tham gia của cán bộ xã, thôn, bản và người dân. Thẩm định thông qua các bước như sau:

- 1) Xác định lại lần cuối về các hoạt động đã đề ra trong kế hoạch theo yêu cầu của người dân và cộng đồng.
- 2) Xem xét lại nguồn lực huy động thực hiện các hoạt động, làm rõ hơn về trách nhiệm của dân, cộng đồng, nhà nước/dự án. Đặc biệt là làm rõ phần hỗ trợ của nhà nước/ dự án và trả lời cho dân chính sách hỗ trợ (làm thử nghiệm, làm mô hình trình diễn... thực hiện chương trình khuyến nông v.v...)
- 3) Xem xét thời gian thực hiện để điều chỉnh cho phù hợp. Sau khi thẩm định cần thiết phải thông qua hội nghị toàn cộng đồng. Khi đã thống nhất, kế hoạch hoạt động sẽ trở thành kế hoạch chính thức để thực hiện.

h. Người dân tham gia vào thiết kế thực thi các thử nghiệm, mô hình

Có thể phân thành bốn loại thử nghiệm, và vai trò của người dân cũng khác nhau.

1) *Loại cao nhất*: Nó tương tự như thí nghiệm được tiến hành bởi cán bộ nghiên cứu; loại này thường do cán bộ nghiên cứu thiết kế và thực hiện; những công việc được tiến hành trên trang trại có người nông dân tham gia. (thường theo hình thức thuê lao động để thực hiện) và có cán bộ nghiên cứu nông nghiệp quản lý.

2) *Loại thứ 2:* Thiết kế là do cán bộ nghiên cứu nhưng người nông dân thực hiện. Những thông tin cần thiết để thiết kế đều phải được người nông dân cung cấp.

3) *Loại thứ 3:* Người nông dân và nhóm nông dân là lực lượng chính trong thiết kế và thực thi. Người nông dân tham gia như một cộng sự chủ yếu trong thiết kế và sẽ được hướng dẫn trong việc quản lý và thực hiện thử nghiệm. Đây thực sự là những thử nghiệm có sự tham gia của người dân, những kết quả của các thử nghiệm có thể là khác nhau nhưng rõ ràng có lợi là nâng cao được khả năng hiểu biết của người nông dân và đặc biệt là nâng cao được tính phù hợp của kỹ thuật mới với hệ thống trang trại của họ.

4) *Loại thứ 4:* Là những thử nghiệm không chính tác của nông dân. Là những thử nghiệm hoàn toàn của người nông dân không có sự tham gia của người cán bộ nghiên cứu; nó hoàn toàn tự phát. Tuy nhiên nhiều khi, theo yêu cầu của người dân, cán bộ nghiên cứu cũng cần cung cấp cho họ những thông tin cần thiết giúp họ thực hiện tốt. Những thử nghiệm này cũng cần được theo dõi của cán bộ nghiên cứu và thông qua đó mà học hỏi kinh nghiệm của nông dân.

i. Người nông dân tham gia vào trình diễn và đánh giá kết quả của nghiên cứu

Trình diễn kết quả là vai trò của người nông dân, hay nói cách khác đây là phương pháp khuyến nông từ người dân đến người dân.

- Người làm thí nghiệm hoặc mô hình trình bày tổng hợp kết quả của thí nghiệm hoặc mô hình của mình thực hiện, hướng dẫn những người nông dân khác tham quan, tìm hiểu trên thực địa.
- Nông dân khác trong cộng đồng hoặc cộng đồng khác nghe giới thiệu, tham quan học tập, đặt những câu hỏi và bình luận, đánh giá.
- Cán bộ nghiên cứu tổng hợp ý kiến bình luận và những vấn đề mà người nông dân quan tâm và đánh giá. Tuy nhiên cũng có những ý kiến của riêng mình để đóng góp với người nông dân và khuyến khích họ trong việc phát triển những thử nghiệm và mô hình để có cơ sở cho việc mở rộng và phát triển đại trà.

D. SỬ DỤNG PRA TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ NHU CẦU TÍN DỤNG VÀ XÂY DỰNG KHẢ NĂNG SỬ DỤNG VỐN CÓ HIỆU QUẢ Ở CỘNG ĐỒNG THÔN BẢN

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín dụng là một nội dung quan trọng trong phát triển hệ thống dịch vụ tài chính nông thôn. Hiện nay tín dụng nông thôn là nguồn vốn vay có tính chất cứu cánh, hỗ trợ một cách thiết thực cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình và cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng nông thôn vùng trung du và vùng núi.

Viễn cảnh về dịch vụ tài chính nông thôn được xác định là *"Sự tiếp cận của người dân tới các dịch vụ tín dụng và tiết kiệm bền vững và có hiệu quả để không ngừng cải thiện đời sống của người lao động nghèo trong các cộng đồng miền núi."*

Cùng với sự phát triển của hệ thống và hoạt động khuyến nông, nhu cầu về phát triển một hệ thống dịch vụ tài chính nông thôn và trước tiên là dịch vụ về tín dụng, tiết kiệm nông thôn ngày càng lớn và ngày càng cấp thiết. Làm thế nào để người dân có cơ hội tiếp cận được với các dịch vụ tài chính nông thôn hay nói một cách khác làm thế nào để người dân phản ánh được nhu cầu thật sự của họ về vay vốn tín dụng, vay ở đâu và đặc biệt là làm thế nào để sử dụng vốn có hiệu quả, phát triển được sản xuất, nâng cao được đời sống của họ? Người dân trong cộng đồng thôn bản phải có cơ hội tiếp cận được với dịch vụ tín dụng mới, để đạt được nguyện vọng, yêu cầu của mình về vay vốn. Các dịch vụ tín dụng tiếp cận được với người dân mới thu thập được thông tin thực sự về nhu cầu vay vốn, về điều kiện, hoàn cảnh sản xuất, kinh tế - xã hội của nông dân mới tìm ra được giải pháp thích đáng để tạo điều kiện, tạo cơ hội đưa tín dụng đến tay người nông dân kịp thời, đúng đối tượng, đúng yêu cầu, trên cơ sở đó cùng với hoạt động khuyến nông trên địa bàn sẽ nâng cao được hiệu quả sử dụng vốn vay.

"Sự tiếp cận" hay nói một cách khác là làm thế nào để người dân thôn, bản tham gia vào quá trình phát triển nông thôn mà dịch vụ tài chính nông thôn là một nội dung quan trọng. Phương pháp tiếp cận được nhiều tổ chức, nhiều chương trình, dự án ở nước ta áp dụng là Phương pháp Đánh giá Nông thôn có người dân tham gia gọi tắt là Phương pháp PRA (Phương pháp này đã được giới thiệu kỹ ở Chương 2 của quyển sách này). Trong phần ứng dụng này, PRA cho tín dụng được xem như một PRA chuyên đề và mục đích của nó là: tạo ra môi trường để cho người dân tham gia vào việc đánh giá thực trạng và nhu cầu về tín dụng đồng thời xây dựng khả năng sử dụng vốn vay có hiệu quả ở cộng đồng thôn bản.

Tín dụng và tiết kiệm nông thôn có quan hệ hết sức chặt chẽ với hoạt động khuyến nông - khuyến lâm ở địa bàn thôn bản.

- Hoạt động Khuyến nông khuyến lâm ở thôn bản xem hoạt động tín dụng tiết kiệm nông thôn là nội dung quan trọng, góp phần tạo đầu ra cho hoạt động khuyến nông khuyến lâm, nói một cách cụ thể, vốn vay sẽ là nguồn hỗ trợ thiết thực để người dân có thể thực hiện đúng và tốt hơn kỹ thuật sản xuất do khuyến nông khuyến lâm chuyển giao, do họ có điều kiện mua thêm giống tốt, phân bón, thuốc trừ sâu, và cũng có thể tăng thêm đầu tư về nhân lực cho sản xuất.
- Trái lại, khuyến nông khuyến lâm sẽ là biện pháp thiết thực (kỹ thuật, hỗ trợ vật tư kỹ thuật...) để người dân sử dụng vốn đúng, có hiệu quả vì thông qua hoạt động của khuyến nông khuyến lâm, người dân sẽ biết nên đầu tư vào cái gì, đầu tư ở đâu, lúc nào là thích hợp và do đó đầu tư của họ sẽ có hiệu quả hơn, tránh được rất nhiều rủi ro nhờ biết kỹ thuật sản xuất, chọn giống, chọn hướng đầu tư thích hợp...

Do vậy tuy tín dụng - tiết kiệm nông thôn được xem như một hoạt động riêng biệt cần được sử dụng PRA chuyên đề để xây dựng hoạt động cụ thể, nhưng cũng cần nên hiểu rằng đây là một nội dung quan trọng đặc biệt và có quan hệ rất chặt chẽ với hoạt động khuyến nông khuyến lâm, và do đó thường kết hợp nội dung này trong cùng thời gian xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông khuyến lâm ở thôn bản (Xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông khuyến lâm thôn bản đã được giới thiệu trong Chương của cuốn sách này).

SỬ DỤNG PRA ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU TÍN DỤNG Ở THÔN BẢN

1. Đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng- tiết kiệm thôn bản

a. Mục đích

Thấy rõ một bức tranh toàn cảnh về hoạt động tín dụng và tiết kiệm tại thôn bản, bao gồm:

- Các tổ chức hoạt động dịch vụ Tín dụng - Tiết kiệm
- Khả năng hoạt động của các tổ chức đó
- Nguồn vốn và tổ chức hoạt động
- Đánh giá các phương thức hoạt động hiện tại
- Và thực trạng về vay vốn của người dân địa phương

b. Phương pháp tiến hành

- Họp dân thống nhất về mục đích, nội dung và phương pháp tiến hành
- Thành lập nhóm công tác
- Nhóm công tác chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm sẽ cùng với người dân trong thôn bản thực hiện một số nội dung sau.

c. Nội dung tiến hành

**** Đánh giá thực trạng về hoạt động của các tổ chức dịch vụ Tín dụng - Tiết kiệm ở địa phương***

1) Bằng phương pháp thảo luận với người dân để có thể liệt kê toàn bộ các tổ chức hoạt động tín dụng địa phương, sau đó xác định các chức năng và vai trò hiện tại và cuối cùng hướng dẫn người dân đánh giá bằng phương pháp cho điểm từ 1 đến 10. Kết quả được bảng sau đây:

Bảng 3.6

Tổ chức dịch vụ	Hoạt động ở cấp nào	Xác định vai trò hiện tại	Đánh giá theo điểm từ 1- 10
<i>Ví dụ:</i>			
Ngân hàng Nông nghiệp	Huyện	Cho vay vốn theo yêu cầu của người dân để phát triển sản xuất	5
Ngân hàng người Nghèo	"	Cho nông dân nghèo vay vốn	4
Hội Phụ nữ	"	Nhận dịch vụ tín chấp cho phụ nữ vay vốn	6
Lâm trường A	"	Dịch vụ vay vốn theo dự án 327	3

2) Bằng phương pháp thảo luận đánh giá với người dân, đánh giá về vai trò, khả năng dịch vụ của các tổ chức và khả năng tiếp cận của người dân với các tổ chức đó

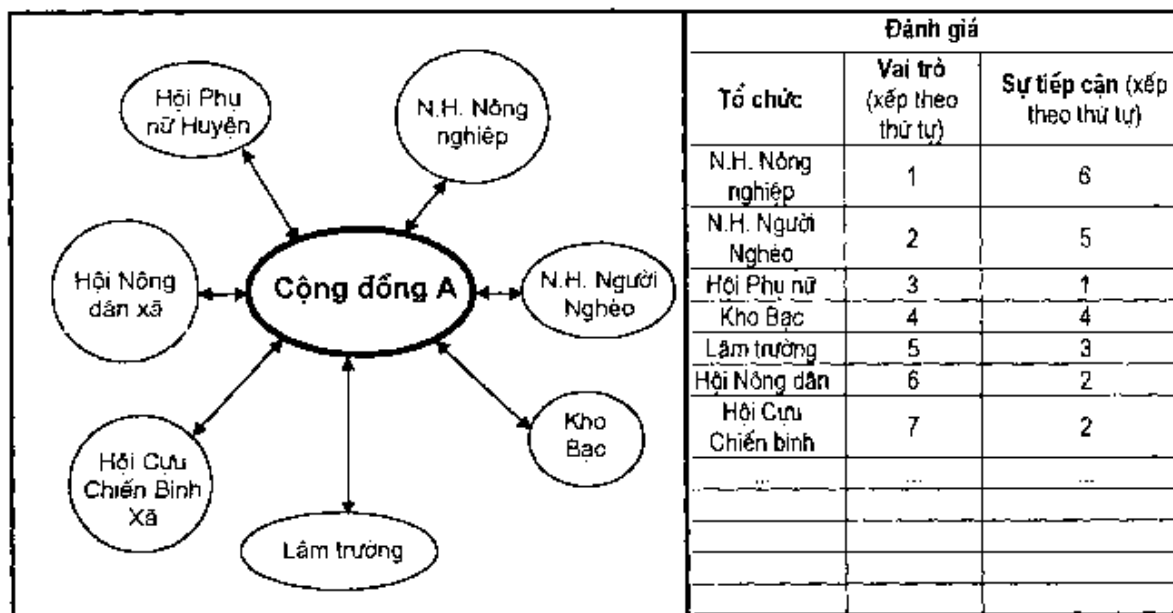
*** Phương pháp thực hiện:** Dùng sơ đồ VENN

Thảo luận với người dân để xác định:

- Tổ chức nào có vai trò lớn đối với dịch vụ vốn vay: Được biểu thị bằng vòng tròn lớn nhất.
- Tùy theo vai trò mà có vòng nhỏ dần
- Xác định sự tiếp cận:
 - Các tổ chức đó có khả năng tiếp cận với thôn bản nhiều hoặc ít?
 - Người dân được tiếp cận nhiều hoặc ít
- Bằng phương pháp xếp: Khả năng tiếp cận nhiều thì xếp gần với cộng đồng hơn .

Kết quả sẽ được sơ đồ VENN sau:

Sơ đồ 3.2. Mô tả sơ đồ VENN tại thôn A



3) Bằng các công cụ PRA, thảo luận với người dân xác định các nguồn vốn, và các phương thức cho vay từ các nguồn vốn có ở địa phương.

- Nguồn vốn và phương thức cho vay vốn có ở địa phương
 - Bằng công cụ phỏng vấn, thống kê thực hiện với các cá nhân, nhóm nông dân để thống kê các loại vốn vay, phương thức cho vay bao gồm mức vay, thời hạn vay, lãi suất, thời gian trả lãi, mục đích vay, thủ tục vay...

Kết quả của phân đánh giá này được biểu hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3.7

STT	Nguồn vốn	Mức vay	Thời hạn trả	Lãi suất	Thời kỳ trả lãi	Đối tượng vay	Mục đích vay	Mô tả thủ tục vay (tóm tắt)
1	Từ N.H. Nông nghiệp	Không quy định	Tuỳ theo mục đích	1,2%	/	Nông dân có nhu cầu	Phát triển sản xuất NN	- Làm đơn, kế hoạch sản xuất, xã duyệt, N.H. xét làm thủ tục, cho vay
2	Từ Dự án MRDP	Tối đa 2 triệu	1 năm	1 %	Hàng tháng	Nông dân trong thôn dự án	Phát triển sản xuất	- Nhóm Tín chấp nhận xét, Nhóm Tín dụng - Tiết kiệm xét có xã chứng nhận, đóng dấu - Giám đốc dự án duyệt - Cho vay tại thôn

4) Người dân đánh giá về các phương thức hoạt động của các nguồn vốn có tại địa phương

Có thể sử dụng phương pháp cho điểm để người dân đánh giá một số nội dung của phương thức hoạt động của các nguồn vốn theo sự tiếp cận và phù hợp với điều kiện sản xuất của họ như: mức vay, thời hạn vay, lãi suất, trả lãi, đối tượng, mục đích, thủ tục. Phương pháp đánh giá bằng cho điểm theo mức độ từ 1 đến 10 (theo khả năng thích hợp với yêu cầu của dân và hộ gia đình). Kết quả của phần đánh giá này sẽ được lên bảng sau:

Bảng 3.8

T/T	Nguồn vốn	Mức vay thích hợp	Thời hạn thích hợp	Lãi suất thích hợp	Thời hạn trả lãi thích hợp	Thủ tục dễ dàng	Sử dụng vốn hiệu quả	Xếp loại
	<i>Ví dụ:</i>							
	N.H. Nông nghiệp	8	7	5	6	3	4	4
	Từ MRDP	6	6	7	8	9	9	1

	Tư nhân	8	6	1	3	8	2	

5) Đánh giá thực trạng về vay vốn theo hộ giàu nghèo và sử dụng cho các mục đích vay

Đây là nội dung cuối cùng của phần đánh giá thực trạng của hoạt động hiện tại về Tín dụng - Tiết kiệm thôn bản. Trong phần này nhóm công tác cần làm cho người dân thấy rõ và thảo luận về các loại hộ tiếp cận với vốn vay ra sao? Với các nguồn vốn, mức độ vay của các loại hộ như thế nào? Đồng thời người dân đã sử dụng vốn vay vào các hoạt động sản xuất nào? Sử dụng đầu tư vào nội dung hoạt động sản xuất nào là có hiệu quả?

Để thực hiện được phần này, PRA thường dùng công cụ so sánh cho điểm từ 1 - 10 theo mức độ nhiều ít hoặc hiệu quả hay không hiệu quả.

Kết quả thảo luận với dân sẽ được tổng hợp thành bảng sau đây:

Bảng 3.9

TT	Nguồn vốn	Theo mức độ vay của các hộ				Hiệu quả sử dụng theo nội dung sản xuất					
		Loại 1 (giàu)	Loại 2 (khá)	Loại 3 (TB)	Loại 4 (nghèo)	Ươm cây	Trồng cây ăn quả	Tăng năng suất lúa, lương thực	Chăn nuôi	Phát triển cá	...
1	N. H. Nông nghiệp	8	7	3	1	6	8	3	4	4	...
2	Từ Dự án MRDP	2	3	5	7	2	2	8	7	6	...

2. Đánh giá nhu cầu về dịch vụ tín dụng ở thôn bản

a. Cùng với người dân thảo luận để đánh giá được nhu cầu vay vốn cho các thời hạn vay khác nhau từ các nguồn vốn

Mục đích là làm cơ sở cho các tổ chức dịch vụ đáp ứng nhu cầu.

* **Phương pháp:** Dùng công cụ phỏng vấn và cho điểm. Kết quả thảo luận với người dân, nhóm công tác phải tập hợp được bảng sau đây: Mức độ là điểm hoặc %

Bảng 3.10

Thời hạn vay	Từ nguồn vốn					
	Ngân hàng Nông nghiệp	Ngân hàng Người Nghèo	MRDP
Vay ngắn hạn	30%	...	70% (7)			
Vay trung hạn	50%	...	0			
Vay dài hạn	20%	...	0			

b. Cùng với người dân thảo luận để đánh giá nhu cầu vay vốn cho các ngành nghề sản xuất khác nhau

Ngành nghề hiện tại là đa dạng, nhu cầu vay vốn để phát triển các ngành nghề ở cộng đồng thôn bản cũng khác nhau, thông qua thảo luận với người dân đánh giá nhu cầu vay vốn để phát triển cho từng ngành, nghề cũng hết sức cần thiết và tài liệu thu thập được cũng rất quan trọng cho các tổ chức dịch vụ tín dụng, nó là căn cứ để đáp ứng vốn cho các yêu cầu này của cộng đồng thôn bản, tạo ra cơ hội tiếp cận và đầu tư cho các ngành nghề.

Phương pháp: Dùng công cụ phỏng vấn, thảo luận, điều tra và cho điểm. Kết quả cũng sẽ được nhóm công tác tập hợp lên bảng dưới đây:

Bảng 3.11

Chăn nuôi				Trồng trọt			Chế biến		Buôn bán		Thủ công			Dịch vụ	
Trâu bò	Lợn	Thủy sản	Gia cầm	Cây ăn quả	Lương thực	Lâm nghiệp	Chè (cà-phê)	Hoa quả	Tạp hoá	Rau quả	Đồ gỗ	Song, máy tre	...	Sửa chữa	Thú y, BVTV

c. Đánh giá nhu cầu về chuyển giao kỹ thuật khuyến nông khuyến lâm

Chuyển giao kỹ thuật khuyến nông khuyến lâm là điều kiện tiên quyết để sử dụng vốn có hiệu quả và tránh được nhiều rủi ro, bảo toàn được vốn. Vốn và kỹ thuật là hai vấn đề quan trọng trong quá trình phát triển sản xuất ở cộng đồng thôn bản: Sau khi chuyển giao kỹ thuật sản xuất cần được hỗ trợ vay vốn và nếu được hỗ trợ vay vốn nhất thiết phải được hỗ trợ về chuyển giao kỹ thuật (nói là chuyển giao kỹ thuật nhưng nên hiểu rộng là hoạt động khuyến nông khuyến lâm). Tất nhiên trong nội dung đánh giá này cũng bao gồm cả việc chuyển giao kiến thức về hoạt động tín dụng, về quản lý vốn cho hộ gia đình và cộng đồng. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở cho các tổ chức Khuyến nông khuyến lâm thôn, xã, huyện, tỉnh xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông khuyến lâm tại thôn bản.

* **Phương pháp thực hiện:** Dùng công cụ phỏng vấn, điều tra và thảo luận, để đánh giá mức độ cũng có thể dùng điểm. Kết quả đánh giá cũng sẽ được nhóm công tác tập hợp theo bảng sau đây (Cho điểm từ 1 - 10):

Bảng 3.12

Phương pháp	Kỹ thuật				
	Ươm cây, trồng cây lâm nghiệp	K.T. giống mới, lương thực, thực phẩm	Trồng và kỹ thuật chiết ghép cây ăn quả	Chăn nuôi thú y	Cá và các đặc sản khác
Tổ chức thành lớp					
Lớp học đầu bờ					
Cung cấp tài liệu					

d. Đánh giá về yêu cầu tổ chức dịch vụ tín dụng

Tổ chức mạng lưới hoạt động dịch vụ Tín dụng - Tiết kiệm ở các cấp là nội dung quan trọng trong việc phát triển hoạt động tín dụng. Tổ chức được mạng lưới tốt sẽ đảm bảo được 3 chức năng cơ bản:

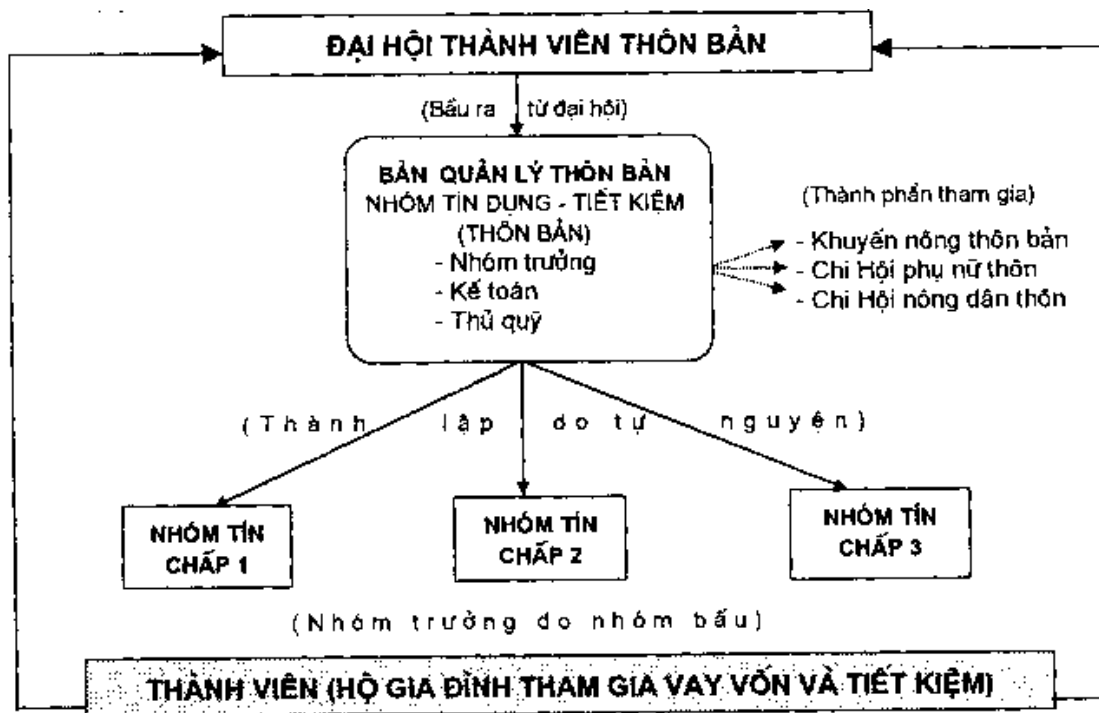
- Tạo ra cơ hội tiếp cận được với các nguồn vốn, các tổ chức tín dụng
- Quản lý được hoạt động Tín dụng - Tiết kiệm ở thôn bản
- Tạo điều kiện để bảo toàn vốn vay và sử dụng vốn có hiệu quả.

Với nội dung này, nhóm công tác cần tiếp cận và thảo luận được với các cấp chính quyền, đoàn thể trong xã, thôn và tiếp cận trực tiếp với người dân (đối tượng vay vốn) để thảo luận với họ:

- Nên tổ chức mạng lưới hoạt động tín dụng như thế nào ở địa phương, cộng đồng thôn bản là hợp lý và hoạt động có hiệu quả?
- Cơ quan, tổ chức nào, ai tham gia vào mạng lưới hoạt động này?
- Xác định rõ ràng trách nhiệm cho từng cấp và các thành viên

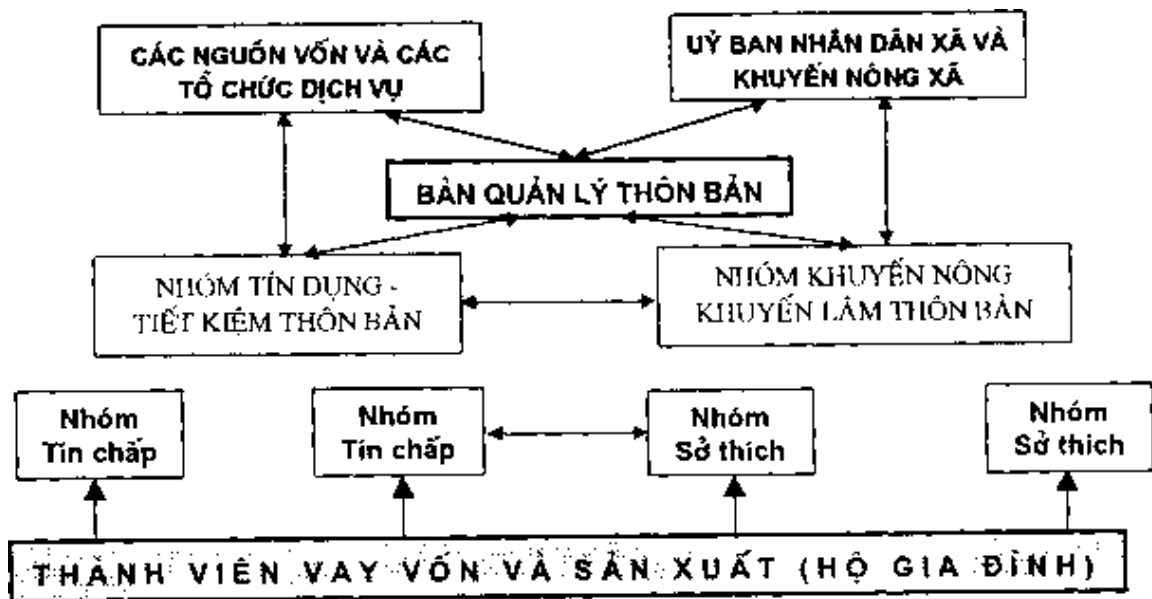
Dưới đây là sơ đồ tổ chức mạng lưới hoạt động tín dụng cơ sở (lấy ví dụ từ hoạt động Tín dụng - Tiết kiệm ở cộng đồng thôn bản trong Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển (MRDP))

Sơ đồ 3.3



Mối quan hệ chặt chẽ giữa tổ chức hoạt động Tín dụng - Tiết kiệm thôn bản và các tổ chức có liên quan là hết sức cần thiết và rất quan trọng không những để tạo cơ hội tiếp cận nguồn vốn mà còn đưa vốn vay về cho cộng đồng, tổ chức được cho cộng đồng sử dụng vốn vay có hiệu quả và cuối cùng là bảo toàn được vốn vay

Sơ đồ 3.4. Lấy ví dụ từ Hoạt động Tín dụng - Tiết kiệm của Chương trình Phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam - Thụy Điển



E. SỬ DỤNG PRA TRONG ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO KIẾN THỨC CHO NGƯỜI NÔNG DÂN

1. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO KIẾN THỨC CHO NÔNG DÂN

Trên mảnh đất của mình, người nông dân vừa là người quản lý và cũng là người sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi...).

Là người quản lý, người nông dân phải thực hiện chức năng ra quyết định hoặc lựa chọn các phương án khác nhau, nghĩa là người nông dân cần phải có kiến thức quản lý, biết tính toán hiệu quả, tổ chức sản xuất...

Là người trồng trọt, người nông dân thực hiện các công việc đồng áng, chăn nuôi súc vật để tạo ra của cải vật chất cho chính mình nên người nông dân cần có các kỹ năng bằng tay, cơ bắp, bằng mắt..., nghĩa là biết, hiểu và sử dụng thuần thục các kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi.

Bản thân mỗi người nông dân đều có kiến thức và kỹ năng thực hành vốn có nhưng kiến thức và kỹ năng đó không đủ đáp ứng đòi hỏi của kỹ thuật ngày càng cao để tạo ra những sản phẩm của vật nuôi cây trồng ngày càng nhiều, có chất lượng cao. Do vậy người nông dân cần phải được học hỏi và đào tạo.

Quá trình học hỏi và đào tạo được thực hiện bằng 2 con đường. Thứ nhất, học hỏi bằng quá trình trao đổi kiến thức và kinh nghiệm giữa những người dân sống trong cộng đồng và thứ hai, học tập, đào tạo kiến thức và kỹ năng mới với những người bên ngoài cộng đồng.

Do vậy, việc đào tạo, chuyển giao kiến thức cho nông dân cần chú ý mấy điểm sau đây:

- Kiến thức và kỹ năng vốn có của mỗi nông dân và của cộng đồng.
- Kiến thức và kỹ năng mới mà nông dân và cộng đồng cần học hỏi và được đào tạo từ bên ngoài.
- Các kiến thức và kỹ năng phải đáp ứng nhu cầu học hỏi về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và quản lý.
- Con đường học hỏi và đào tạo của người nông dân bằng cả 2: trong cộng đồng và ngoài cộng đồng.
- Quá trình đào tạo và chuyển giao kiến thức và kỹ năng mới cho nông dân phải xét đến khả năng tiếp nhận của chính họ.
- Vì vậy quá trình đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân bao gồm các bước sau:
 - Xác định rõ nhu cầu kiến thức và kỹ năng của nông dân và cộng đồng của họ.
 - Xác định rõ mục tiêu học hỏi dựa vào nhu cầu trên.
 - Xác định nội dung cần đào tạo và chuyển giao.
 - Lựa chọn các phương pháp đào tạo và chuyển giao thích hợp.
 - Phát triển tài liệu đào tạo và chuyển giao thích hợp.
 - Tiến hành đào tạo và chuyển giao.
 - Giám sát và đánh giá kết quả đào tạo và chuyển giao.

- Hoàn thiện và cải tiến quá trình đào tạo và chuyển giao.

2. XÁC ĐỊNH NHU CẦU ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO KIẾN THỨC CỦA NÔNG DÂN

2.1. Sự cần thiết phải xác định nhu cầu đào tạo và chuyển giao kiến thức

Nội dung đào tạo và chuyển giao kiến thức căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo thể hiện trên 3 mặt: **kiến thức, kỹ năng và thái độ**. Tuy nhiên loại kiến thức kỹ năng nào mà nông dân cần được đào tạo và chuyển giao phụ thuộc vào từng cộng đồng, từng nhóm nông dân trong cộng đồng và thời điểm khác nhau. Vì vậy việc đánh giá nhu cầu đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân là hết sức cần thiết cho mỗi chương trình đào tạo khuyến nông khuyến lâm, hoặc cụ thể hơn cho mỗi khoá đào tạo và chuyển giao kiến thức.

2.2. Nội dung của xác định nhu cầu đào tạo

Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân được mô tả trong lĩnh vực sau:

Bảng 3.13. Ví dụ về khung đánh giá nhu cầu đào tạo của nông dân

Đối tượng đào tạo	Nhu cầu về kiến thức	Nhu cầu về kỹ năng	Yêu cầu về phẩm chất
Cán bộ quản lý dự án của thôn			
Nhóm nông dân cùng sở thích (VD. Nhóm chăn nuôi)			
Nhóm phụ nữ			
Nhóm nông dân cao tuổi			
.....			

Đối tượng đào tạo được xác định căn cứ vào các nhóm nông dân trong cộng đồng như: phân theo ngành nghề: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp... , nhóm có cùng sở thích, nhóm có cùng mặt bằng về kiến thức và kinh nghiệm. Mỗi đối tượng đào tạo xác định rõ nhu cầu về kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về phẩm chất.

2.3. Áp dụng phương pháp PRA trong đánh giá nhu cầu đào tạo

a. Sử dụng kết quả PRA để xác định nhu cầu đào tạo

Khi thực hiện các công cụ PRA, nông dân luôn nêu lên các khó khăn mà họ gặp phải, đồng thời cũng đề ra những giải pháp khắc phục. Trong các khó khăn và giải pháp đó có những khó khăn về kiến thức và kinh nghiệm sản xuất, và những nhu cầu học tập. Như vậy, kết quả

PRA cũng chỉ ra nhu cầu đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân. Tuy nhiên, những nhu cầu đào tạo của nông dân thể hiện trong kết quả PRA chưa cụ thể và chi tiết cho từng đối tượng nông dân. Mặc dù vậy cán bộ khuyến nông khuyến lâm căn cứ vào kết quả này để có thể vạch ra các chương trình đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân. Việc xác định nhu cầu đào tạo căn cứ bản dự thảo kế hoạch hành động của thôn (xem mục 5.1 bảng 2.10). Từ chương trình huấn luyện đào tạo do nông dân đề xuất xác định được các khoá và nội dung đào tạo.

b. Sử dụng kỹ thuật PRA để đánh giá nhu cầu đào tạo

PRA chuyên đề đánh giá nhu cầu đào tạo chỉ thực hiện khi cần có các thông tin chi tiết về nhu cầu đào tạo, đặc biệt là xác định nhóm đối tượng cụ thể cho thôn, bản và các mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo cho phù hợp cho từng đối tượng. Quá trình tổ chức PRA chuyên đề đánh giá nhu cầu đào tạo cần được tổ chức linh hoạt và sử dụng mềm dẻo các công cụ PRA thích hợp. Sau đây là một số phương pháp và công cụ PRA thường được sử dụng trong đánh giá nhu cầu đào tạo cho nông dân:

- Họp dân:

Họp dân toàn thôn để xác định nhu cầu chung về đào tạo và chuyển giao kiến thức của toàn thôn, bản, xác định ưu tiên và nhóm sở thích. Nếu trong kết quả PRA đã thể hiện rõ các nhu cầu trên thì không cần sử dụng công cụ này.

- Thảo luận nhóm:

Các nhóm đối tượng được xác định dựa vào các nhóm cùng sở thích hay những người có cùng nhu cầu học vấn. Mỗi nhóm được tổ chức thảo luận nhằm xác định chi tiết nhu cầu đào tạo, nội dung và phương pháp đào tạo của từng nhóm. Nội dung đào tạo được xác định chi tiết theo kiến thức và kỹ năng (xem bảng 3.14)

- Phỏng vấn cá nhân:

Một số cá nhân nông dân ở mỗi nhóm đối tượng được lựa chọn để phỏng vấn. Mỗi nhóm chọn 3-5 nông dân có kinh nghiệm sản xuất để phỏng vấn. Kỹ thuật phỏng vấn linh hoạt được sử dụng nhằm khai thác tối đa ý kiến của nông dân về kiến thức, kỹ năng, nội dung và phương pháp đào tạo. Ngoài các cuộc phỏng vấn nông dân cũng cần tiến hành phỏng vấn một số lãnh đạo thôn, xã, đại diện các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ..., các thầy cô giáo đang dạy tại thôn, bản.

2.4. Tổ chức xác định nhu cầu đào tạo

Đánh giá nhu cầu đào tạo của nông dân bao gồm các bước sau:

- Thành lập nhóm cán bộ đánh giá nhu cầu đào tạo từ 3-4 người có chuyên môn khác nhau: nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, trong đó có ít nhất một cán bộ có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về phát triển chương trình đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân. Tiến hành tập huấn phương pháp cho các thành viên.
- Tổng hợp kết quả đánh giá.
- Đề xuất các khoá đào tạo và xây dựng chương trình đào tạo.
- Tiến hành hội thảo hay Seminar

3. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG ĐÀO TẠO VÀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Nội dung đào tạo

Nội dung đào tạo căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo thể hiện bằng các khoá đào tạo. Kết quả và kinh nghiệm đào tạo ở một số nơi cho thấy :

- Cán bộ quản lý dự án thôn cần các khoá sau: đánh giá nông thôn, lập kế hoạch thôn bản, phương pháp khuyến nông - lâm, quản lý tín dụng thôn bản...
- Các nhóm nông dân cùng sở thích cần các khoá sau: các chuyên đề kỹ thuật của các nhóm sở thích.
- Các đối tượng là nông dân cần các khóa sau:
 - Quản lý trang trại: thiết kế trang trại, tổ chức sản xuất HGD, hạch toán kinh tế trang trại.
 - Bảo vệ đất và nước trong trang trại: các kỹ thuật bảo vệ đất và nước, trồng cỏ trong hệ thống bảo vệ đất, hàng rào xanh, sử dụng thuốc chữ "A" ...
 - Nông lâm kết hợp và canh tác đất dốc: các kỹ thuật canh tác trên đất dốc, trồng xen theo băng, trồng cây theo hàng đồng mức, trồng cây ăn quả, kỹ thuật làm vườn VAC...
 - Canh tác cây hoa màu: canh tác lúa nương, canh tác cây có củ cho lương thực, canh tác cây có bắp, hạt, trồng cây thức ăn gia súc, phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM).
 - Tạo cây con: kỹ thuật vườn ươm, kỹ thuật chiết ghép...
 - Kỹ thuật trồng cây và chăm sóc bảo vệ.
 - Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm.
 - Kỹ thuật chế biến, bảo quản sản phẩm nông - lâm nghiệp.

3.2. Xây dựng khung chương trình đào tạo

Mỗi khoá học phải được thiết kế khung chương trình đào tạo và bài giảng hay giáo án.

Khung chương trình đào tạo bao gồm các nội dung sau:

- **Tên khoá học**
- **Mục đích của khoá học:** nêu rõ sau khi học xong khoá học nông dân sẽ biết được gì về mặt kiến thức và làm được gì về mặt thực hành và khả năng áp dụng vào điều kiện cụ thể đến đâu.
- **Kế hoạch giảng dạy**
- **Kế hoạch giám sát đánh giá khóa học**

Bảng 3.14. Ví dụ về khung chương trình giảng dạy

Chủ đề	Mục tiêu	Nội dung chi tiết	Thời gian	Phương pháp và tài liệu
Tên chủ đề 1:	- -			
Tên chủ đề 1:	- -			
.....				

3.3. Xây dựng bài giảng hay giáo án

Bài giảng hay giáo án là tập tài liệu giảng dạy luôn được đổi mới, cập nhật những kiến thức và kỹ năng mới. Bài giảng được soạn thảo theo khung chương trình giảng dạy.

Có thể một chủ đề bao gồm nhiều bài giảng khác nhau. Mỗi bài giảng bao gồm các phần sau:

- ***Giới thiệu bài giảng***

Lý do, mục tiêu, nội dung chính sẽ thực hiện, thời gian sẽ sử dụng và phương pháp sẽ thực hiện.

- ***Nội dung gồm:***

Lý thuyết: không vượt quá 25% tổng quỹ thời gian và được viết các nội dung chi tiết, ứng với mỗi nội dung phải chỉ rõ phương pháp và thời gian chi tiết.

Thực hành: ít nhất 75% tổng thời gian và mỗi bài thực hành phải xây dựng một tệp kỹ năng. Đây là tài liệu và phương pháp hướng dẫn thực hành tiên tiến nhất nên mỗi cán bộ khuyến nông khuyến lâm cần phải tiếp cận.

- ***Tài liệu phát tay***

Tài liệu này đòi hỏi trình bày nội dung đơn giản, dễ hiểu, dễ sử dụng, nên sử dụng nhiều hình vẽ tranh, ảnh.

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO KIẾN THỨC CHO NÔNG DÂN

4.1. Phương pháp giảng bài

Giảng bài là một phương pháp huấn luyện truyền thống. Phương pháp này ít được áp dụng trong đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân. Tuy nhiên, một số chủ đề mới vẫn có thể sử dụng phương pháp giảng bài, nhưng không thể chiếm hơn 25% tổng số thời gian của khoá tập huấn. Để nâng cao chất lượng đào tạo khi sử dụng phương pháp giảng bài cần chú ý một số điểm:

- Kết cấu bài giảng gọn nhẹ, đi sâu vào vấn đề mới.
- Chỉ áp dụng cho học viên là cán bộ dự án của thôn hoặc phổ cập viên cấp thôn.

- Sử dụng các phương tiện nghe nhìn (máy đèn chiếu qua đầu, phim đèn chiếu, video...) để thực hiện giảng bài có minh họa.
- Tích cực đặt câu hỏi để tạo thông tin hai chiều.

Phương pháp này có ưu điểm là tiết kiệm thời gian, thích hợp với lớp có nhiều học viên, sử dụng phương tiện giảng dạy hiện đại, dễ kiểm tra và tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên phương pháp này có nhiều hạn chế: giao tiếp 1 chiều không có phản hồi hoặc tương tác qua lại giữa người dạy và học, hiệu quả kém, không có kỹ năng thực hành

4.2. Thảo luận nhóm hay làm bài tập theo nhóm

Thảo luận nhóm cho phép nông dân trao đổi ý tưởng với nhau và với cán bộ khuyến nông khuyến lâm. Do vậy thảo luận nhóm kích thích suy nghĩ của từng cá nhân nông dân. Thảo luận nhóm còn tạo cho nông dân một cảm giác về trách nhiệm và mong muốn đóng góp... Đây là một phương pháp huấn luyện hữu hiệu trong công tác đào tạo khuyến nông khuyến lâm.

Sau đây là một số kỹ năng về huấn luyện bằng phương pháp thảo luận nhóm:

- Thu thập càng nhiều thông tin càng tốt về mỗi cá nhân nông dân tham gia huấn luyện.
- Tạo lập một không khí thoải mái từ khi bắt đầu cuộc thảo luận.
- Điều khiển cho mỗi nông dân tự giới thiệu về mình (nếu họ chưa biết nhiều về nhau)
- Trình bày vấn đề thật ngắn gọn và rõ ràng.
- Hướng cuộc thảo luận tập trung vào chủ đề đã lựa chọn.
- Luôn khuyến khích mỗi nông dân đưa ra quan điểm của mình.
- Điều khiển nhóm làm sao trong một thời điểm chỉ có một người nói.
- Luôn đặt các câu hỏi mở cho nông dân khi vấn đề nào còn chưa rõ.

Sau mỗi cuộc thảo luận phải tổng hợp phản hồi từ phía nông dân về lợi ích của lớp huấn luyện, thành công của lớp huấn luyện.

4.3. Huấn luyện tại hiện trường

Huấn luyện trên hiện trường là một hoạt động đào tạo ngay trên địa điểm sản xuất như: đồng ruộng, vườn ươm... Đây là đào tạo kỹ năng nên đòi hỏi sự tham gia của nông dân trực tiếp thực hiện các bước công việc cụ thể.

Để đạt kết quả tốt, người nông dân đã được trang bị trước hoặc đã hiểu biết nhất định về các công việc phải làm.

Kỹ năng huấn luyện hiện trường đòi hỏi ở cán bộ khuyến nông khuyến lâm là:

- Phải có tay nghề thành thục, hiểu biết rõ về khả năng của từng nông dân và hiện trường thực hiện.
- Có khả năng giao tiếp và làm mẫu tốt.
- Có khả năng phân tích và tổng kết các vấn đề thực tiễn

Các bước tiến hành huấn luyện hiện trường:

- Chọn chủ đề huấn luyện.

Mỗi chủ đề huấn luyện bao gồm 1 bước công việc riêng biệt hoặc 2 hoặc 3 bước công việc kế tiếp liên tục, ví dụ, kỹ thuật dùng thước chữ A để xác định đường đồng mức là một bước công việc riêng rẽ hay kỹ thuật đào hố và trồng cây là 2 bước công việc kế tiếp nhau...

- Tổ huấn luyện.
Tổ huấn luyện gồm một số nông dân 5-7 người (không nên quá đông) để đảm bảo mỗi nông dân đều phải thực hành các công việc, được theo dõi và đánh giá kết quả.
- Chuẩn bị hiện trường, vật tư và công cụ.
- Tiến hành huấn luyện.
 - Cán bộ khuyến nông khuyến lâm nêu rõ mục đích.
 - Cán bộ khuyến nông khuyến lâm giới thiệu các thao tác và làm mẫu.
 - Nông dân tiến hành thực hiện.
 - Cán bộ khuyến nông khuyến lâm giám sát.
- Đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm

4.4. Trình diễn kết quả

Trình diễn kết quả là một phương pháp huấn luyện nhằm:

- Chứng minh và chỉ cho nông dân những kết quả thực tiễn của một hoạt động sản xuất nào đó.
- Thuyết phục nông dân chấp nhận và làm theo.

Trình diễn kết quả bao gồm các bước sau:

- Xác định mục tiêu.
- Lựa chọn mô hình và địa điểm trình diễn. Ưu tiên lựa chọn các mô hình trình diễn ngay tại cộng đồng.
- Xây dựng kế hoạch trình diễn.
 - Kế hoạch phối hợp với nông dân có mô hình.
 - Dự toán ngân sách.
 - Xác định trách nhiệm và thời gian.
- Hướng dẫn trình diễn kết quả
 - Trình bày tổng hợp kết quả của mô hình (có thể người chủ mô hình trình bày)
 - Hướng dẫn nông dân thăm và xem trên thực địa.
 - Đề nghị mỗi nông dân đưa ra nhận xét và thảo luận.
 - Tổng hợp những vấn đề mà nông dân quan tâm về mô hình trình diễn.
- Trao đổi kinh nghiệm
 - Yêu cầu một số nông dân đã từng được thăm qua, xem hay có mô hình tương tự báo cáo cho mọi nông dân cùng biết họ đã xem gì, nhìn thấy gì và có những gì
 - Mọi người cùng thảo luận.

Một cuộc trình diễn kết quả đạt kết quả tốt chỉ khi nông dân hiểu, tin và áp dụng những gì mà họ đã học được

4.5. Trình diễn phương pháp

Trình diễn phương pháp là một phương pháp đào tạo thực hành nhằm chỉ cho nông dân: làm như thế nào? vì vậy, trình diễn phương pháp là phương pháp huấn luyện hiện trường, nông dân phải thực hiện những công việc, thao tác cụ thể. Trình diễn phương pháp bao gồm các bước sau:

- Xác định mục tiêu.
- Lập kế hoạch trình diễn.
- Lựa chọn điểm trình diễn. Phải đảm bảo rằng, điểm trình diễn giống hoặc tương tự như điều kiện của nông dân. Tốt nhất, nên lựa chọn địa điểm tại thôn bản của họ.
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và phương tiện.
- Thông báo về trình diễn.
- Hướng dẫn trình diễn.
 - Giải thích rõ mục tiêu và tầm quan trọng của trình diễn.
 - Cán bộ khuyến nông khuyến lâm làm mẫu, đảm bảo các thao tác đơn giản dễ làm và có kết quả tốt để nông dân muốn làm.
 - Mỗi một thao tác hay bước công việc cần phải giải thích thật rõ tại sao phải làm như vậy.
 - Luôn khuyến khích nông dân đặt câu hỏi, đưa ra ý kiến bình luận và đề nghị. Luôn thể hiện sự nhiệt tình trong thao tác, để nông dân có thể cảm nhận mong muốn làm.
- Học trong khi thực hành.
 - Để cho mỗi nông dân thực hành.
 - Khuyến khích nông dân hướng dẫn cho nhau và giúp nhau đến khi họ làm được.
- Đánh giá tổng kết và bình luận.

4.6. Hội thảo trên hiện trường

Hội thảo trên hiện trường hay còn gọi là hội thảo đầu bờ là một hình thức huấn luyện bằng việc trao đổi kinh nghiệm để đánh giá và giải quyết các vấn đề ngay trên hiện trường. Đây là hình thức đào tạo mang lại kết quả cả 2 mặt: nâng cao kinh nghiệm cho nông dân và giải quyết các vấn đề cụ thể. Hội thảo trên hiện trường còn là quá trình học hỏi kinh nghiệm giữa nông dân với nhau trong cộng đồng.

Tiến hành hội thảo trên hiện trường cần chú ý một số điểm sau:

- Lựa chọn hiện trường thảo luận sao cho đại diện chung cả thôn bản.
- Những vấn đề thảo luận đặt ra từ thực tế của đồng ruộng mà nhiều người trong cộng đồng cùng quan tâm.
- Khuyến khích nông dân đưa ra những đánh giá và kinh nghiệm của mình.
- Phải đưa ra được những kết quả thảo luận cụ thể.

- Giám sát và theo dõi các hoạt động sau thảo luận.

4.7. Đào tạo theo kiểu huấn luyện IPM

Huấn luyện IPM là một phương pháp huấn luyện cùng tham gia đã và đang áp dụng phổ biến trong trồng trọt, đặc biệt là trồng lúa. Đào tạo theo kiểu huấn luyện IPM cần được phổ biến rộng rãi cho huấn luyện đào tạo các kỹ thuật chăn nuôi, lâm nghiệp và các cây trồng dài ngày.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN CÓ TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH PRA VÀ TRONG LẬP KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM

(tham khảo cho các thành viên nhóm công tác PRA)

1. MỘT SỐ KỸ NĂNG TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH PRA

PRA là một quá trình bao gồm nhiều người, nhiều chuyên môn, nhiều thành phần với trình độ khác nhau cùng tham gia. Nếu biết phát huy thế mạnh của những người tham gia, hạn chế những nhược điểm cố hữu của từng thành phần thì công việc sẽ tiến hành thuận lợi, thu được kết quả như mong muốn. Nếu không, chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn trong công việc. Dưới đây, chúng tôi xin nêu lên một số kỹ năng trong việc làm PRA để mọi người tham khảo khi tiến hành PRA.

1.1. Kỹ năng trong giao tiếp

Giao tiếp là một khoa học, một nghệ thuật để đạt đến sự hài hoà giữa người nói và người nghe, và ngược lại. Vì thế, người cán bộ làm PRA cần phải lưu ý mấy điểm sau:

- Phải cởi mở, chân thành, lắng nghe ý kiến của người dân, quan tâm đến những gì mà người dân quan tâm. Phải nói chậm, rõ ràng.
- Phải cố gắng nghe hết ý kiến của người dân, tuyệt đối không nên ngắt lời họ. Nếu chưa rõ có thể đưa ra câu gợi ý để họ trả lời, vừa lắng nghe, vừa ghi chép, thường xuyên có cử chỉ bày tỏ sự đồng tình với ý kiến của họ và có lời khen khi cần thiết
- Cách nêu vấn đề và đặt câu hỏi mở, dễ hiểu, hỏi với thái độ nhẹ nhàng, khiêm tốn, tuân tự từng câu hỏi một, tạo cho người dân có điều kiện trả lời và tham gia một cách chủ động vừa trả lời vừa thảo luận với chúng ta tránh tình trạng nêu câu hỏi liên tục bắt người dân trả lời. Như vậy thì có khác nào một cuộc "thăm vấn họ"
- Cần chủ động mời những người ít nói, rụt rè để họ bày tỏ ý kiến quan điểm của mình, tránh tình trạng một vài người nói hết phần của người khác.
- Cần tạo ra sự chú ý của người nghe, vì sự chú ý là khởi điểm của việc quan tâm
- Khuyến khích sự quan tâm của người nghe.
- Gợi sự ham muốn về thông tin của người nghe.
- Thuyết phục người nông dân từ nghe, hiểu đến có hành động cụ thể và làm cho họ tin chắc rằng họ sẽ được thoả mãn từ các hành động của họ.
- Cần chú ý đến đặc điểm dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, trình độ văn hoá, tuổi tác, giới tính để có cách giao tiếp sao cho phù hợp.
- Cần tránh lối giao tiếp áp đặt, một chiều.
- Các câu hỏi nên là các câu hỏi gợi mở, hoặc các tình huống giả thiết gắn liền với điều kiện hoàn cảnh của địa phương.

1.2. Kỹ năng trong quá trình thu thập và xử lý thông tin

PRA là quá trình thu thập, đánh giá thông tin có sự tham gia của nông dân. Vì thế, kỹ năng thu thập, xử lý và đánh giá thông tin là hết sức quan trọng đối với cán bộ khuyến nông.

Để có thể thu thập thông tin khi làm PRA, có thể dựa vào các nguồn sau:

- Các dữ liệu thứ cấp: Nguồn này thường có sẵn ở các Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở KH-CN và môi trường, Cục thống kê, các phòng nông nghiệp và PTNT, UBND các xã... Chúng ta có thể liên hệ xin các số liệu về tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội, dân tộc, diện tích, năng suất, sản lượng, số con gia súc, địa điểm đất đai, thị trường và các bản đồ... Các số liệu này rất cần cho công tác PRA ở một vùng nào đó mà ta nghiên cứu.
- Các nghiên cứu, chương trình, dự án đã làm trước đây: Khi tiến hành thu thập thông tin, nên tìm hiểu xem trên địa bàn đã có các chương trình, dự án hay nghiên cứu nào đã làm trước đây hay không, số liệu công bố hay báo cáo, khuyến cáo của chúng ra sao... để xem ta có thể tận dụng được gì, tránh điều gì, nhằm tiếp kiệm thời gian, sức lao động và tiền bạc.
- Các nghiên cứu viên và cán bộ khuyến nông cơ sở: Cần dựa vào những người này để khai thác thông tin vì họ là những người gắn bó trực tiếp với cơ sở, hiểu biết khá rõ điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương nên họ là những người cung cấp thông tin đáng tin cậy.
- Quan sát bằng mắt: Bằng chính mắt mình chúng ta có thể thu thập được các thông tin trực giác như: độ dốc, thảm thực vật, nguồn nước, phân bố dân cư, tình hình sản xuất...
- Đo đạc trực tiếp: Để có các thông tin chính xác và định lượng, chúng ta có thể dùng dụng cụ như cân, thước... để cân đong, đo, đếm. Thông thường là người ta dùng phương pháp trên khi cần có các thông tin về diện tích, năng suất, sản lượng, số đầu con gia súc...
- Hiện trạng canh tác và hiệu quả kinh tế của các hệ thống canh tác hiện có.
- Kiến thức và sự hiểu biết của người nông dân.
- Phỏng vấn nông dân và cán bộ địa phương.
- Các thí nghiệm trên đồng ruộng của nông dân.

Để thu thập thông tin, có thể dựa vào các phương pháp sau:

- Thu thập thông tin không dùng phiếu điều tra, bao gồm:
 - Sử dụng kết quả của các thí nghiệm trước.
 - Sử dụng các dữ liệu thứ cấp.
 - Tìm hiểu quan sát trực tiếp.
 - Đo đạc trực tiếp.
- Thu thập thông tin có dùng phiếu điều tra, bao gồm:
 - Phỏng vấn những người am hiểu nhất về một chuyên đề nào đó.
 - Phỏng vấn bán chính thức từng nông dân.
 - Phỏng vấn chính thức nông dân với nội dung chuyên sâu.
 - Phỏng vấn nhóm nông dân.

Người ta cũng thường sử dụng các phương pháp sau đây để thu thập và xử lý thông tin khi làm PRA

- *Phương pháp KIP* (hỏi những người am hiểu sự việc)

Thành phần từ 7-15 người, bao gồm: Nông dân, nhà buôn, ngân hàng, chủ nhiệm hợp tác xã, chính quyền địa phương, cán bộ khuyến nông, thầy cô giáo... Mục đích là để tìm hiểu tình hình chung.

- *Phương pháp SWOT* (viết tắt của các từ tiếng Anh: mạnh yếu, triển vọng và rủi ro)

Mục đích: Để xác định những mặt mạnh, yếu, triển vọng và rủi ro của một điều kiện sản xuất, một đặc điểm kinh tế xã hội nào đó trong một thời gian nhất định của một làng, xã, cộng đồng hay một tổ chức, một nông hộ.

- *Phương pháp phân loại ABC*

Mục đích để xác định những nông hộ nghèo trong số nông hộ trong làng, xã, cộng đồng:

A: Biểu thị cho hộ giàu

B: Biểu thị cho hộ trung bình

C: Biểu thị cho hộ nghèo

Các mức độ giàu, trung bình, nghèo thường do nhóm KIP bình chọn

- *Phương pháp WEB*

Mục đích là để phân tích những khó khăn hiện tại trong một cộng đồng. (Xem phần phương pháp xác định nhu cầu). Khi phân tích các thông tin trong PRA, người ta có thể phân tích theo các hướng sau đây:

* Phân tích các yếu tố không gian

- Bản đồ: Bản đồ đất, địa hình, nước, bản đồ cây trồng, bản đồ xã hội
- Sơ đồ mặt cắt
- Hình vẽ mô tả hoạt động sản xuất của toàn bộ nông hộ với những mối tương quan qua lại giữa các sản phẩm và phụ phẩm của mỗi hoạt động sản xuất.

* Phân tích các yếu tố thời gian

- Lịch bố trí cây trồng
- Diễn biến các yếu tố khí tượng như nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, mực nước trên đồng và sông ngòi.
- Lịch diễn biến mức độ cung cấp thực phẩm, thức ăn gia súc qua từng tháng.
- Lịch diễn biến mức độ, nhu cầu lao động, mức độ, nhu cầu tiền mặt qua từng tháng.
- Lịch diễn biến các mức độ sâu bệnh hại qua từng tháng.

* Phân tích các yếu tố dòng chảy.

- Dòng chảy về tiền mặt: Gồm dòng chảy vào và chảy ra qua từng tháng, qua đó biết được thời gian nào cần tiền, thời gian nào thu được nhiều tiền.
- Dòng chảy về đầu tư nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất.
- Dòng chảy về nhu cầu lao động qua từng tháng cho từng hoạt động sản xuất và cho toàn bộ nông hộ.

1.3. Kiểm tra thông tin

Các thông tin mà ta thu thập được từ nhiều nguồn, nhiều người khác nhau nên đôi khi không cập nhật, không chính xác, không đại diện... Vì thế cần phải kiểm tra các thông tin thu được trước khi sử dụng nó. Có các cách sau đây để kiểm tra các thông tin thu được:

- Thảo luận các thông tin nghi vấn tại các cuộc họp nhóm để lấy ý kiến thống nhất.
- Đi kiểm tra ngoài thực địa.
- Đối chiếu với bản đồ và các tư liệu có sẵn.
- Hỏi các chuyên gia hoặc người am hiểu sự việc.
- Có thể cân, đong, đo, đếm để kiểm tra.
- Loại bỏ các thông tin trùng lặp, không chính xác.

1.4. Kỹ năng tổ chức cuộc họp nhóm

Để tổ chức một cuộc họp nhóm có kết quả, cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Địa điểm, thời gian, chủ đề cuộc họp phải rõ ràng và được thông báo trước cho mọi người.
- Nội dung cuộc họp và những vấn đề cần thảo luận cần phải được chuẩn bị trước để có chủ động về thời gian và trình tự, tránh tản mạn, lạc đề.
- Phải phân công người điều khiển, người ghi chép (thư ký) để ghi lại tất cả các ý kiến của các thành viên. Cố gắng dứt điểm từng vấn đề một.
- Vấn đề nêu ra cần ngắn gọn, dễ hiểu, tránh trừu tượng và càng định lượng hoá được thì càng tốt.
- Nhóm không nên quá lớn, thông thường chỉ từ 15-25 người là vừa. Thời gian họp chỉ nên kéo dài từ 1,5 tiếng - 2 tiếng là cùng.
- Khuyến khích mọi người trong nhóm đều tham gia phát biểu ý kiến, tránh để một số người nói hết phần người khác. Cần khéo léo "mời" những người ngồi phía dưới tham gia phát biểu ý kiến.
- Cần khéo léo dung hoà các ý kiến đối lập nhau và giữ hoà khí trong cuộc họp.
- Sử dụng các công cụ hỗ trợ để làm cho cuộc họp thêm sinh động và dễ hiểu như: bảng đen, tranh ảnh, sa bàn...
- Trước khi chuyển qua vấn đề mới, cần tóm tắt, nhắc lại những vấn đề đã bàn bạc, thống nhất.
- Phải đặc biệt chú ý khi trong cuộc họp có nhiều người ở các độ tuổi khác nhau, các giới và ngành nghề khác nhau để làm sao cho mọi người cảm thông vui vẻ, thoải mái.
- Cần biết kết thúc cuộc họp đúng lúc, đúng giờ.

2. MỘT SỐ KỸ NĂNG TRONG LẬP KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG KHUYẾN LÂM THÔN BẢN

Trên cơ sở những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, chúng tôi xin giới thiệu một số kỹ năng trong quá trình lập kế hoạch khuyến nông - khuyến lâm thôn bản. Những kỹ năng này được trình bày qua một số bước sau:

2.1. Các kỹ năng: có 6 kỹ năng theo 6 bước sau

Bước 1. Xác định nhu cầu của nông dân

Có nhiều cách để xác định nhu cầu của nông dân. Có thể thông qua phương pháp phỏng vấn trực tiếp nông dân, hỏi những người am hiểu sự việc ở địa phương kết hợp với các số liệu điều tra khác để xác định nhu cầu của nông dân. Song cách làm sau đây là dễ làm và có hiệu quả hơn cả trong việc xác định nhu cầu của nông dân. Chúng tôi gọi đó là phương pháp dùng thẻ (phiếu) nêu yêu cầu. Cách làm như sau:

Chuẩn bị khoảng 50 - 100 thẻ giấy cứng có kích thước 10 x 20cm (dùng giấy bìa có màu là tốt nhất). Chuẩn bị thêm khoảng 5 - 6 bút dạ và 1 cuộn băng dính (có thể dùng đinh gim). Nếu có thể có 1 bảng đen là tốt nhất dùng để dán các thẻ lên đó. Nếu không có thì có thể tận dụng bức tường hoặc mặt tủ để thay thế.

Sau đó, mời một số nông dân am hiểu và trực tiếp tham gia vào lĩnh vực sản xuất mà ta cần tìm hiểu (nhóm này từ 5 - 10 người). Phát thẻ và bút cho họ và yêu cầu họ viết các nhu cầu (hoặc các khó khăn trở ngại mà họ gặp phải) trong quá trình sản xuất. Yêu cầu họ viết chữ to và ngắn gọn. Sau đó, người tổ chức sẽ tập hợp các thẻ đó lại và dán (hoặc gim) các thẻ đó lên bảng (hoặc lên tường) theo các nhóm có yêu cầu tương tự. Khi làm yêu cầu các nông dân cùng tham gia phân nhóm, nhất là ở những nhu cầu chưa rõ ràng hoặc trung gian thì ý kiến của những người tham gia khi phân nhóm sẽ giúp chúng ta sắp xếp chính xác nó vào nhóm nhu cầu nào. Sau khi tạm thời phân được các nhóm nhu cầu trên cơ sở ý kiến của các cá nhân riêng lẻ điều cần thiết là phải lấy ý kiến thảo luận của cả nhóm xem sự xác định các nhu cầu đó đã hợp lý và đầy đủ chưa, còn thiếu hoặc cần điều chỉnh nhu cầu nào nữa không.

Bằng cách này, chúng ta có thể dễ dàng xác định nhu cầu của người nông dân về bất cứ lĩnh vực nào mà ta cần tìm hiểu.

Ưu điểm của phương pháp này là đơn giản, rẻ tiền, dễ làm (kết hợp được cả ý kiến cá nhân và tập thể) và dễ cuốn hút người dân tham gia. Điều cần lưu ý là người tổ chức cần phải giải thích rõ ràng và hướng dẫn cụ thể cho các nông dân tham gia.

Bước 2. Xếp thứ tự mức độ quan trọng của các nhu cầu (hoặc các trở ngại)

Sau khi đã tìm được các nhu cầu (hoặc các khó khăn trở ngại) theo phương pháp như đã nêu ở trên thì điều quan trọng tiếp theo là phải biết xếp thứ tự ưu tiên theo mức độ tầm quan trọng của chúng để chúng ta tìm những nhu cầu quan trọng, cấp thiết nhất để giải quyết trước, vì khả năng và điều kiện của chúng ta không cho phép giải quyết đồng thời các nhu cầu cùng một lúc được.

Để xếp thứ tự mức độ quan trọng của các nhu cầu vừa tìm được, chúng ta có thể làm theo 2 cách sau đây.

Cách 1- Liệt kê các nhu cầu của nông dân lên bảng hoặc trên tờ giấy khổ lớn, sau đó cho nông dân thảo luận (vẫn dùng nhóm nông dân như ở bước 1). Sau đó yêu cầu họ xếp thứ tự

ưu tiên các nhu cầu bằng cách giơ tay biểu quyết. Nếu 2 hoặc nhiều nhu cầu có số biểu quyết như nhau thì người tổ chức sẽ bàn bạc với những người nông dân tham gia và tiến hành biểu quyết lại cho đến khi đạt được một sự nhất trí của cả nhóm.

Ưu điểm của cách làm này là đơn giản, dễ làm, thể hiện sự dân chủ bình đẳng và tham gia tích cực của những người cùng tham gia.

Cách 2- Chuẩn bị một số lượng hạt đậu (hoặc hạt lạc, hạt sỏi...) đủ cho mỗi người tham gia từ 20 - 50 hạt/ người. Sau đó liệt kê các nhu cầu ra tờ giấy khổ to (hoặc dùng phấn, than kẻ trên nền nhà hoặc sàn) yêu cầu mọi người bỏ các hạt đậu (lạc hoặc sỏi) vào ô của các nhu cầu theo nguyên tắc nhu cầu nào quan trọng thì bỏ nhiều hạt. Sau đó cộng số hạt của mỗi ô (mỗi nhu cầu) lại. Những ô có nhiều hạt thì chứng tỏ người nông dân quan tâm và xếp thứ tự ưu tiên cao nhu cầu đó và ngược lại.

Chú ý: Đôi khi do nhu cầu nhiều mà người nông dân có thể rối trí, bỏ nhiều hạt vào những ô cho những lần bỏ đầu tiên nên những ô sau lại hết hạt để bỏ.

Để khắc phục tình trạng này có thể yêu cầu người nông dân điều chỉnh bằng cách chuyển một số hạt từ ô này sang ô khác nếu họ thấy như vậy là hợp lý và đúng với ý định của họ. Điều này có thể làm với từng cá nhân hay với cả nhóm.

Bước 3. Tìm ra nguyên nhân dẫn đến các nhu cầu mà người dân đưa ra (hay nhận ra nguyên nhân của những trở ngại)

Trong một số trường hợp có khi có cả một chuỗi nguyên nhân gây ra một vấn đề trở ngại hoặc ngược lại. Do vậy, chúng ta cần xem xét trường hợp đầy đủ dữ liệu để xác định nguyên nhân và trở ngại thì mới có thể đưa ra các giải pháp cải tiến. Trường hợp những trở ngại chưa xác định rõ nguyên nhân thì cần có thêm dữ liệu để minh chứng cho xác đáng. Thực tiễn cho thấy có tới 5 loại nguyên nhân gây ra vấn đề trở ngại cần xem xét, đó là:

- Một vấn đề trở ngại do nhiều nguyên nhân.
- Một nguyên nhân đặc biệt gây ra nhiều loại trở ngại.
- Hai vấn đề trở ngại có liên quan với nhau.
- Nguyên nhân gây ra chỉ là giả định.
- Nguyên nhân gây ra là do không thực hiện sự canh tác

Sau đây ta hãy thử xem xét từng loại nguyên nhân cụ thể:

*** Một vấn đề trở ngại do nhiều nguyên nhân**

Ví dụ: Triệu chứng thiếu đạm trên cây ngô do nhiều yếu tố gây ra như bón ít phân đạm, bón trên bề mặt nên bị mưa lớn rửa trôi, đất bị xói mòn, hàm lượng chất hữu cơ trong đất thấp do thân lá cây trồng không được trả lại cho đất mà đem sử dụng làm thức ăn gia súc hoặc làm chất đốt.

Như vậy, có thể nhận ra 2 nguyên nhân chính dẫn đến cây ngô thiếu đạm là cách thức bón phân (bón không đủ, bón không đúng cách) và đất nghèo chất hữu cơ.

*** Một nguyên nhân đặc biệt gây ra nhiều trở ngại**

Ví dụ: Canh tác trên đất đồi dốc → xói mòn, rửa trôi → cây trồng sinh trưởng kém, năng suất thấp → thiếu thức ăn cho chăn nuôi → sản xuất nông nghiệp phát triển kém → đời sống nông dân khó khăn, thu nhập thấp → nông dân phá rừng làm nương rẫy mới → môi trường bị phá huỷ...

Như vậy, xói mòn trên đất đồi dốc là nguyên nhân chính gây ra khó khăn. Nếu như chúng ta có giải pháp ổn định được độ phì của đất bằng kỹ thuật canh tác trên đất dốc hợp lý thì các mối liên hệ tiếp theo sẽ từng bước được giải quyết.

*** Hai vấn đề trở ngại có quan hệ qua lại với nhau**

Trong trường hợp này cần phải xem xét nguyên nhân gây nên trở ngại này ảnh hưởng đến vấn đề trở ngại khác ra sao để từ đó tìm phương án giải quyết để cải thiện tình hình.

Ví dụ: Sâu bệnh, cỏ dại không những ảnh hưởng đến cây trồng ngoài đồng ruộng còn ảnh hưởng sang cả giai đoạn thu hoạch, bảo quản sau này.

*** Nguyên nhân xảy ra chỉ là một giả định**

Trong nhiều trường hợp, nhiều nguyên nhân gây ra khó khăn trở ngại có vẻ như không chắc chắn và khó có thể chứng minh tại chỗ. Trong trường hợp này, cần phải liệt kê những nguyên nhân có thể xảy ra, sau đó thông qua các dữ liệu thu nhập được để tìm ra cốt lõi của nguyên nhân gây ra qua phương pháp ngoại suy và loại trừ dần.

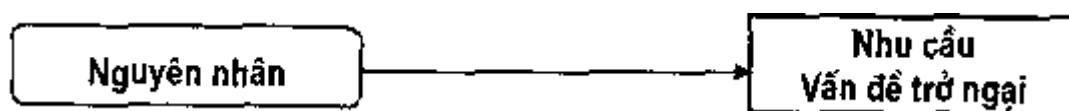
*** Nguyên nhân gây ra không áp dụng kỹ thuật canh tác**

Đôi khi chúng ta gặp phải trường hợp là nông dân không áp dụng một kỹ thuật nào đó trong canh tác.

Ví dụ: nguyên nhân làm cho cây trồng có các triệu chứng thiếu phân là do người dân không sử dụng phân bón (trồng chay) hoặc nếu có bón thì bón ít và không cân đối, không đúng kỹ thuật, không đúng giai đoạn mà cây cần.

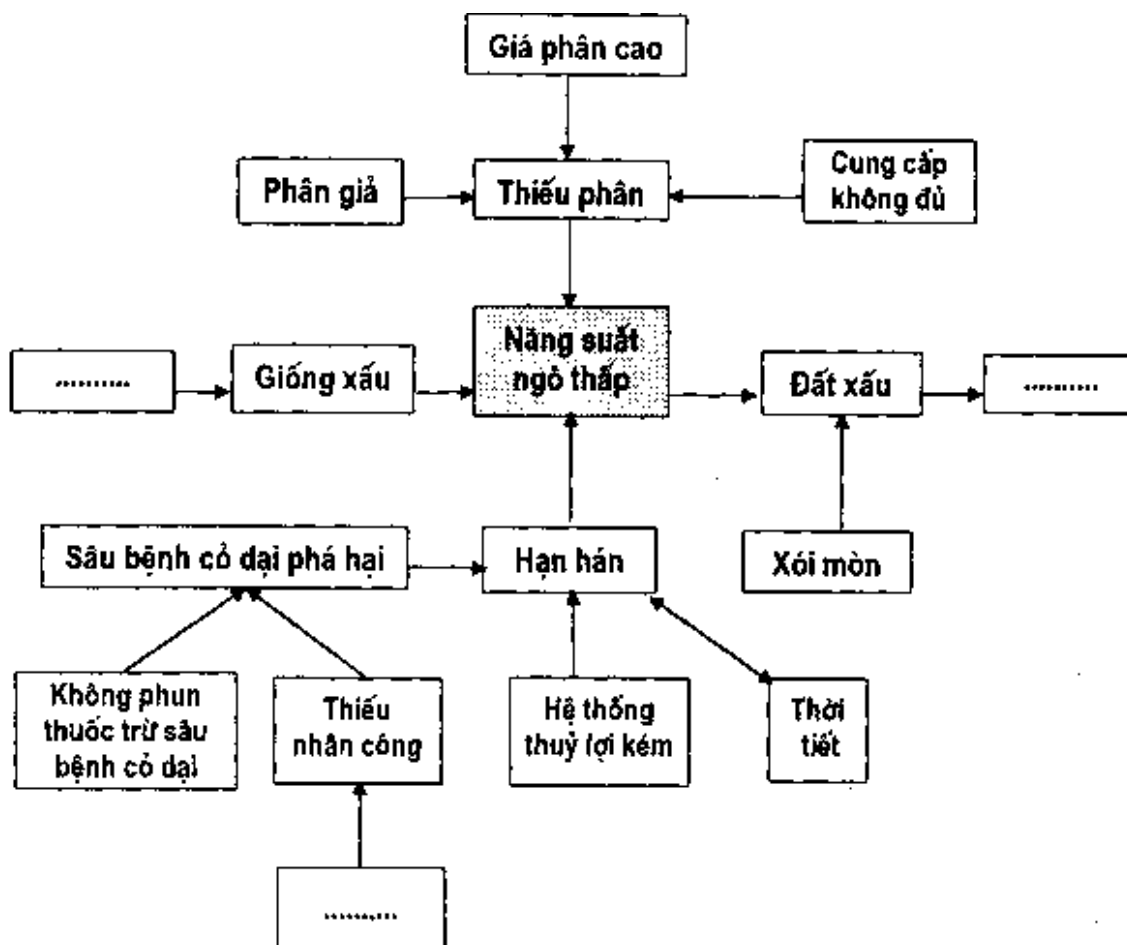
Bước 4. Dùng hình vẽ (sơ đồ) để biểu diễn sự liên hệ giữa những khó khăn trở ngại và nguyên nhân gây ra

Đây là phương pháp đơn giản, dễ làm và dễ nhận ra các mối liên hệ khi nhìn vào. Thông thường những nhu cầu, khó khăn và trở ngại được đặt trong các hình hộp và nguyên nhân gây ra hướng tới hình hộp đó.



Thông thường người ta hay dùng sơ đồ WEB (hay còn gọi là sơ đồ mạng nhện) để biểu diễn quan hệ nhân quả này. Để cho dễ hiểu, chúng tôi đưa ra một ví dụ sau đây:

Sơ đồ 4.1



Bằng cách này, chúng ta dễ dàng tìm ra nguyên nhân và các giải pháp để loại trừ các nguyên nhân đó.

Bước 5. Liệt kê các giải pháp để giải quyết các nhu cầu và những khó khăn trở ngại

Một khi các nguyên nhân gây ra trở ngại chính cho việc phát triển sản xuất đã được nhận diện, chúng ta cần liệt kê các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề trở ngại đã được nhận thông qua kết quả nghiên cứu đã công bố, các tư liệu sẵn có hoặc những thông tin có liên quan.

Bước 6. Chọn lọc các giải pháp kỹ thuật để giải quyết các khó khăn trở ngại

Trong hàng loạt các giải pháp mà chúng ta liệt kê để giải quyết các khó khăn trở ngại hay nhu cầu, không phải giải pháp nào cũng có tính khả thi do những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Vì thế nhiệm vụ của chúng ta là cùng với nông dân chọn ra:

- Những giải pháp kỹ thuật thích nghi với điều kiện sinh thái nông nghiệp mới nghiên cứu và tình trạng canh tác của nông dân.
- Những giải pháp kỹ thuật có tính hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và điều kiện của hộ nông dân.
- Giải pháp giảm hoặc tránh rủi ro cho nông dân.
- Giải pháp có tính khả thi với điều kiện ngân sách, khuyến nông, cung ứng dịch vụ ở địa phương.

2.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch khuyến nông khuyến lâm thôn bản

Sau khi nắm được nhu cầu của nông dân thì điều cơ bản của các cán bộ khuyến nông, chương trình khuyến nông, dự án khuyến nông là phải tổ chức và hỗ trợ nông dân để giải quyết các nhu cầu và khó khăn mà người nông dân đang gặp phải. Để các chương trình khuyến nông thực hiện có kết quả tốt thì nhất thiết phải lập kế hoạch và chương trình hoạt động chu đáo. Có như vậy chúng ta mới có thể chủ động trong công việc và lường trước các khó khăn sẽ gặp phải trong khi thực hiện để có đối sách giải quyết kịp thời và phù hợp.

Kế hoạch khuyến nông ở thôn bản (hay ở một địa phương) nào đó đều cần phải được hội đủ 4 yếu tố sau đây:

- 1) Phải có mục tiêu rõ ràng: Có thể có mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với những mục đích cần đạt được trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Nếu không, chương trình khuyến nông của chúng ta sẽ khó mà thu được kết quả như mong muốn.
- 2) Các phương tiện cần có để đạt được mục tiêu nói trên.
- 3) Cân nhắc các nguồn lực tại chỗ và bên ngoài cần thiết để thực thi chương trình khuyến nông (bao gồm vật tư, tiền vốn, lao động, kỹ thuật mới, giống mới...)
- 4) Kế hoạch công việc: Đó chính là tiến độ thực hiện các hoạt động khuyến nông nhằm đạt được các mục tiêu của chương trình hiện tại, có hai cách lập kế hoạch cho các chương trình khuyến nông.

Cách 1: Lập kế hoạch từ dưới lên

Đây là cách cơ bản đúng với nguyên lý của phương pháp khuyến nông. Theo cách này thì nông dân cùng với cán bộ khuyến nông xây dựng những kế hoạch phát triển nông nghiệp trên cơ sở những nhu cầu và những tiềm năng ở địa phương, sau đó yêu cầu cấp trên hỗ trợ thực hiện.

Cách 2: Lập kế hoạch từ trên xuống

Trong trường hợp này, khuyến nông viên và nông dân chỉ việc thực hiện những kế hoạch khuyến nông do cấp trên đưa xuống

Ví dụ: Trồng bao nhiêu ha giống mới, Sind hoá đàn bò địa phương, trồng mới bao nhiêu ha rừng...

Vì thế khi xây dựng chương trình khuyến nông cho thôn bản phải kết hợp cả hai loại hình lập kế hoạch nói trên (nếu có) để tận dụng các nguồn lực và kết hợp hài hoà lợi ích quốc gia với lợi ích địa phương.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một số bước lập kế hoạch khuyến nông - khuyến lâm thôn bản cơ sở ứng dụng kết quả PRA.

Bước 1. Phân tích tình hình thực tại của thôn bản

Khi tiến hành xây dựng chương trình khuyến nông cho bất kỳ một thôn bản nào đó thì tình hình thực trạng của địa phương đó cần phải được phát triển một cách đầy đủ. Những vấn đề trong sản xuất nông lâm nghiệp ở đó và những khó khăn trở ngại của chúng cần phải được tìm hiểu kỹ càng. Những tiềm năng về thiên nhiên, con người và các nguồn lực khác phải được xác định và cân nhắc

Bước này bao gồm 3 hoạt động chính:

- Thu thập thông tin: Bao gồm các thông tin thứ cấp, có sẵn, các thông tin thông qua phỏng vấn nông dân và kết quả tiến hành PRA trước đó. Có thể phải thu thập rất nhiều thông tin, tài liệu liên quan đến các vấn đề như tự nhiên, kinh tế xã hội, môi trường, các loại cây trồng, vật nuôi, các hệ thống canh tác chủ yếu của địa phương, các loại bản đồ mặt cắt. Thu thập được nhiều thông tin thì chúng ta càng có nhiều cơ sở để xây dựng kế hoạch chính xác.

- Phân tích thông tin: Các thông tin, tài liệu thu được cần phải được phân tích, phân loại để sử dụng cho đúng mục đích, đúng đối tượng và giúp ta xác định được những khó khăn trở ngại và tiềm năng của thôn bản để lập kế hoạch cho sát với thực tế.

- Xác định các vấn đề và những tiềm năng: Đây là cơ sở quan trọng bậc nhất để xây dựng kế hoạch và chương trình khuyến nông cho thôn bản. Nếu làm tốt công tác này chúng ta có quyền hy vọng vào một kế hoạch khuyến nông đầy đủ và phù hợp với điều kiện thôn bản.

Để làm tốt bước phân tích tình hình, thì ngoài việc thu nhập các thông tin có sẵn, người cán bộ khuyến nông cần phải tiến hành nhiều cuộc khảo sát thực địa để kiểm tra, điều chỉnh các tài liệu thu được; mặt khác cần tổ chức nhiều cuộc họp thảo luận với người dân để trực tiếp thu thập thông tin.

Tóm lại: Phải kết hợp cả hai nguồn thông tin: trực tiếp và gián tiếp trong khâu phân tích tình hình.

Bước 2. Xác định các mục tiêu

Sau khi đã phân tích toàn diện tình hình thực trạng của thôn bản bằng những công cụ của PRA, chúng ta phải quyết định sẽ đạt được những thay đổi gì ở địa phương bằng các chương trình khuyến nông. Các giải pháp mà chúng ta đưa ra phải có những mục tiêu rõ ràng và thực tế. Muốn vậy cần tiến hành theo 3 bước sau:

- Tìm kiếm các giải pháp: Cần phân biệt các giải pháp kỹ thuật và giải pháp đòi hỏi phải có sự thay đổi về mặt cơ chế như: tín dụng, bao tiêu sản phẩm...

- Lựa chọn giải pháp: Các giải pháp đưa ra cần phải thoả mãn các yêu cầu sau:

- Phù hợp và được nông dân chấp nhận
- Bảo đảm chắc chắn về mặt kỹ thuật, tức là đã được kiểm nghiệm trong thực tế hoặc qua nghiên cứu có kết luận rõ ràng.
- Phù hợp với chính sách Quốc gia và các hoạt động khác tại địa phương.
- Phải có tính khả thi cao trong điều kiện của chương trình khuyến nông thôn bản.
- Nằm trong phạm vi trách nhiệm và năng lực của khuyến nông viên.

- Xác định những mục tiêu: Các mục tiêu cần đạt nên là các con số cụ thể tốt hơn là các khái niệm chung chung, trừu tượng. Mục tiêu là cái đích để mọi người phấn đấu và là tiêu chuẩn đánh giá tính hiệu quả của chương trình.

Bước 3: Xác định các hoạt động khuyến nông

Các hoạt động khuyến nông cần phải được thực hiện để hướng tới và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Đây là cơ sở để khuyến nông viên xác định xem nông dân sẽ phải cần đến những kiến thức và kỹ năng gì, chuyên gia hoặc cán bộ nghiên cứu sẽ cung cấp được những thông tin gì; phải sử dụng phương pháp khuyến nông nào; phải có những nguồn lực hoặc những hỗ trợ gì của cơ quan khuyến nông hoặc từ những cơ quan khác....

Tất cả những điều đó phải được tập hợp lại thành một bản kế hoạch hoàn chỉnh.

SAU ĐÂY LÀ MỘT VÍ DỤ CỤ THỂ

- NHU CẦU (hoặc vấn đề khó khăn mà nông dân gặp phải)

giải quyết vấn đề thiếu lương thực cho nông dân trong thôn bản

- TIỀM NĂNG: Trong thôn bản, có một số hộ gia đình do sử dụng giống ngô lai và bón phân chuồng cho ngô đã làm tăng năng suất lên 1,5 - 2 lần so với giống cũ và cách trồng cũ. Trong thôn bản còn có nhiều phân chuồng mà người dân chưa sử dụng hoặc không biết sử dụng.

- CÁC GIẢI PHÁP:

Giải pháp 1: Mở rộng diện tích trồng ngô và bón thêm nhiều phân hoá học

Giải pháp này hay nhưng không thể thực hiện vì thiếu quỹ đất trồng ngô. Muốn mở rộng diện tích thì phải phá thêm rừng. Nông dân nghèo không có tiền mua phân hoá học.

Giải pháp 2: Khuyến khích những người khá giỏi trồng nhiều ngô bán cho các hộ thiếu lương thực. Giải pháp này xem ra cũng không thể chấp nhận được vì người nghèo không có tiền để mua lương thực.

Giải pháp 3: Khuyến khích nông dân thâm canh tăng năng suất và sản lượng các cây lương thực, trong đó chú trọng đến cây ngô.

Giải pháp này có thể thực hiện được bằng cách sử dụng giống ngô mới có năng suất cao và thí nghiệm bón phân chuồng cho ngô.

* Giải pháp lựa chọn: Giải pháp 3

- Mục tiêu: tăng sản lượng ngô lên 30% trong năm đầu tiên.
- Mục tiêu trước mắt:
 - 50% số hộ nông dân nắm được lợi ích của việc sử dụng giống ngô mới.
 - 50% số hộ nông dân nắm được lợi ích của việc sử dụng phân chuồng bón lót cho ngô.
 - 30% số hộ nông dân được hướng dẫn trồng giống ngô mới và sử dụng phân chuồng cho năm đầu tiên.
- Kế hoạch khuyến nông cụ thể.
 - Xây dựng mô hình trình diễn trồng giống ngô mới cho khoảng 10 hộ nông dân.
 - Tổ chức họp dân để giới thiệu lợi ích của việc trồng giống ngô mới và sử dụng phân chuồng (sử dụng tranh ảnh hoặc băng video thì càng tốt).
 - Tổ chức trình diễn phương pháp trồng và bón phân chuồng cho giống ngô mới.
 - Tổ chức cho nông dân thăm quan các hộ trồng giống ngô mới trong thời vụ trồng ngô.

- Tổ chức hội thảo đầu bờ vào lúc thu hoạch để nông dân thấy rõ kết quả của kỹ thuật mới nhằm khuyến khích các hộ khác làm theo.
- Những hỗ trợ cần thiết:
- Mời chuyên gia về cây ngô giới thiệu về giống ngô mới, lợi ích của việc trồng ngô mới vào thời vụ thích hợp.
 - Phim video giới thiệu về giống ngô mới và kỹ thuật bón phân chuồng cho ngô để chiếu cho dân xem khi tổ chức họp dân.
 - Chuẩn bị các tờ bướm hướng dẫn kỹ thuật trồng giống ngô mới và bón phân cho ngô để phát cho nông dân.

Bước 4. Thực hiện chương trình

Đây là bước tiến hành các chương trình khuyến nông như đã đề ra trong kế hoạch. Cần theo dõi tiến độ thực hiện và vấn đề phát sinh để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Ví dụ:

- Thời gian biểu thực hiện có thể bị thay đổi do thời tiết không thuận lợi hoặc thiếu vật tư, lao động...
- Có thể tổ chức thêm các cuộc trình diễn phương pháp do có nhiều nông dân muốn tham gia so với tính toán ban đầu.

Tóm lại: Việc thực hiện chương trình khuyến nông nên linh hoạt và có điều chỉnh cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Bước 5. Đánh giá chương trình

Đánh giá là việc làm cần thiết để xem xét việc thực hiện các mục tiêu đề ra có đạt hay không, tìm ra nguyên nhân gây ra việc không thực hiện được kế hoạch đề ra. Trên cơ sở đó sẽ giúp ta rút kinh nghiệm để làm tốt hơn cho những chương trình khuyến nông trong thời gian tiếp theo.

Thông thường, khi đánh giá người ta tìm cách trả lời cho những câu hỏi sau:

- Điều gì đã xảy ra (cả tốt lẫn chưa tốt) khi thực hiện chương trình.
- Nguyên nhân xảy ra những điều đó.
- Có thể làm gì để khắc phục các trở ngại đó và thực hiện tốt hơn trong tương lai.

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Dương Quang Diệu

Biên tập và sửa bản in

Lê Tiến - Cao Doanh

Trình bày bìa

Đỗ Thịnh